



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n dậ ng 00201

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

1	09333046	NGUYỄN THỊ THI	HÒA	CD09CQ
2	10333040	HOÀNG XUÂN	BÁCH	CD10CQ
3	10333054	ĐINH SỸ	THIỆT	CD10CQ
4	10333153	VÕ VĂN	THỌ	CD10CQ
5	10329037	NGUYỄN THANH	VŨ	CD10TH
6	11333166	NGUYỄN HOÀNG	ANH	CD11CQ
7	11333167	NGUYỄN HOÀNG	ANH	CD11CQ
8	11333211	LÝ NGỌC	ÁNH	CD11CQ
9	11333008	LÊ HẠNH	BÌNH	CD11CQ
10	11333138	NGUYỄN DUY	CHIẾN	CD11CQ
11	11333010	LÊ HỒNG	CHINH	CD11CQ
12	11333013	ĐẶNG CHÍ	CÔNG	CD11CQ
13	11333216	PHẠM CHÍ	CƯỜNG	CD11CQ
14	11333023	HỒ DƯƠNG	DUY	CD11CQ
15	11333170	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	CD11CQ
16	11333072	LÊ VĂN	ĐÌNH	CD11CQ
17	11333171	PHAN ĐÌNH HỒNG	ĐỨC	CD11CQ
18	11333036	LÊ THỊ	HÀ	CD11CQ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n d a n g 00201

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n H o c : Tin h o c đ a i c u o n g - 01

CBGD: Trầ n Lê N h ư Q uỳ n h (T800)

19	11333021	LÊ THỊ THU	HÀ	CD11CQ
20	11333165	NGUYỄN THỊ LỆ	HÀ	CD11CQ
21	11333038	TẠ THỊ	HÀ	CD11CQ
22	11333039	TRẦN THU	HÀ	CD11CQ
23	11333172	ĐINH THỊ	HẠNH	CD11CQ
24	11333173	HOÀNG THỊ NGỌC	HÂN	CD11CQ
25	11333174	NGUYỄN VĂN	HẬU	CD11CQ
26	11333075	ĐỖ THỊ	HIỀN	CD11CQ
27	11333050	LÊ NGỌC	HIỀN	CD11CQ
28	11333175	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	CD11CQ
29	11333046	HÀ TUẤN	HIỆP	CD11CQ
30	11333131	LÝ THÁI	HIỆP	CD11CQ
31	11333009	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	CD11CQ
32	11333002	PHẠM THỊ	HOA	CD11CQ
33	11333049	LƯƠNG MINH	HOÀNG	CD11CQ
34	11333053	NGUYỄN THANH	HỒNG	CD11CQ
35	11333048	NGUYỄN BÁ	HÙNG	CD11CQ
36	11333056	LÊ	HUY	CD11CQ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00201

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

37	11333176	PHẠM THỊ THU	HUY	CD11CQ
38	11333110	TRẦN ĐÌNH	HUY	CD11CQ
39	11333179	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	CD11CQ
40	11333058	VÕ THỊ NGỌC	HUYỀN	CD11CQ
41	11333121	HÀ ĐỨC	KHANH	CD11CQ
42	11333060	LÊ HOÀNG	KHANH	CD11CQ
43	11333020	TRẦN DUY	KHÁNH	CD11CQ
44	11333127	NGUYỄN LƯU QUỐC	KIỆT	CD11CQ
45	11333018	TRƯƠNG THỊ THÚY	LAI	CD11CQ
46	11333098	PHẠM NGỌC ANH	LÂM	CD11CQ
47	11333155	HỒ KHÁNH	LINH	CD11CQ
48	11333070	NGUYỄN THÀNH	LỘC	CD11CQ
49	11333071	NGUYỄN THỊ MỸ	LỢI	CD11CQ
50	11333074	NGUYỄN MINH	LUẬN	CD11CQ
51	11333218	LÊ HOÀNG HẢI	LY	CD11CQ
52	11333065	LÊ THỊ YẾN	LY	CD11CQ
53	11333143	NGUYỄN THỊ	LÝ	CD11CQ
54	11333182	LỮ KIM QUỲNH	MI	CD11CQ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00201

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

55	11333077	HỒ HOÀI	NAM	CD11CQ
56	11333078	TRỊNH ĐÌNH	NAM	CD11CQ
57	11333183	VŨ KIM	NGÂN	CD11CQ
58	11333080	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	CD11CQ
59	11333083	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	CD11CQ
60	11333085	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN	CD11CQ
61	11333185	PHAN THỊ THẢO	NGUYỄN	CD11CQ
62	11333114	ĐÌNH THỊ	NHÀI	CD11CQ
63	11333086	LÊ THỊ	NHÀI	CD11CQ
64	11333122	ĐỖ THỊ MỸ	NHÂN	CD11CQ
65	11333092	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	CD11CQ
66	11333088	TRẦN ANH	NHI	CD11CQ
67	11333089	TRẦN NGỌC QUỐC	NHI	CD11CQ
68	11333187	HOÀNG VĂN	NHU	CD11CQ
69	11333103	CAO THỊ TUYẾT	NHUNG	CD11CQ
70	11333188	TRƯƠNG THANH	PHONG	CD11CQ
71	11333189	LÊ THANH	PHÚC	CD11CQ
72	11333099	LÊ NGUYỄN THANH	PHƯỚC	CD11CQ



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00201

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11333149	BÙI THỊ THU	PHƯƠNG	CD11CQ
74	11333093	DANH SỢT	PHƯƠNG	CD11CQ
75	11333190	NGUYỄN THỊ LINH	PHƯƠNG	CD11CQ
76	11333026	NÔNG THỊ	PHƯƠNG	CD11CQ
77	11333140	BÙI TRUNG	QUÂN	CD11CQ
78	11333192	LÊ THỊ KIM	QUẬN	CD11CQ
79	11333191	NGUYỄN KIM	QUẦY	CD11CQ
80	11333148	NGUYỄN MINH	QUÍ	CD11CQ
81	11333104	NGUYỄN ANH	QUỐC	CD11CQ
82	11333213	TRẦN THỊ THÚY	QUYÊN	CD11CQ
83	11333145	NGUYỄN THÚY	QUỲNH	CD11CQ
84	11333109	VÕ ANH	SANG	CD11CQ
85	11333101	NGUYỄN CHÂU	SƠN	CD11CQ
86	11333102	NGUYỄN THÀNH	SƠN	CD11CQ
87	11333043	NGUYỄN XUÂN	SƠN	CD11CQ
88	11333016	PHẠM THẢO	SƯƠNG	CD11CQ
89	11333105	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	CD11CQ
90	11333082	VÕ THỊ	TÂM	CD11CQ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00201

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

91	11333117	NGUYỄN HOÀNG	THẢO	CD11CQ
92	11333195	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	CD11CQ
93	11333160	VÕ NGỌC HUỲNH	THI	CD11CQ
94	11333113	TRẦN VĂN	THIỆN	CD11CQ
95	11333197	BÙI PHÓ	THỊNH	CD11CQ
96	11333111	ĐOÀN HÙNG	THỊNH	CD11CQ
97	11333198	LÊ QUANG	THỊNH	CD11CQ
98	11333126	NGUYỄN THỊ	THÙY	CD11CQ
99	11333037	PHẠM THỊ THANH	THÚY	CD11CQ
100	11333201	ĐỖ THỊ XUÂN	THƯ	CD11CQ
101	11333162	NGUYỄN VĂN	TÍ	CD11CQ
102	11333202	LƯƠNG THỊ MỸ	TIÊN	CD11CQ
103	11333203	TRẦN VĂN	TIẾN	CD11CQ
104	11333132	LÊ MINH	TOÀN	CD11CQ
105	11333084	BÙI THANH	TÒNG	CD11CQ
106	11333207	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	CD11CQ
107	11333120	PHAN THỊ THU	TRANG	CD11CQ
108	11333208	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	CD11CQ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n dậ ng 00201

Trang 7/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

109	11333209	ĐỖ THỊ BÍCH	TRẦN	CD11CQ
110	11333031	HUỲNH TẤN	TRÍ	CD11CQ
111	11333087	VÕ QUỐC	TRUNG	CD11CQ
112	11333041	TRẦN VĂN	TÚ	CD11CQ
113	11333115	NGUYỄN VĂN	TUẤN	CD11CQ
114	11333128	TRẦN ANH	TUẤN	CD11CQ
115	11333129	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	CD11CQ
116	11333210	TSẦN TIỂU	VI	CD11CQ
117	11333134	LÊ	VŨ	CD11CQ
118	11333184	ĐẶNG QUỐC	VƯƠNG	CD11CQ
119	11333137	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	CD11CQ
120	07124019	ĐỖ VĂN	ĐẠI	DH08QL
121	08124107	LÊ THANH	HIỀN	DH08QL
122	08124046	VŨ PHƯƠNG	LY	DH08QL
123	08135020	HOÀNG THỊ NGUYỄN	HẢI	DH08TB
124	08135028	BÙI CÔNG	HUY	DH08TB
125	08135072	LÊ HỮU	PHÚC	DH08TB
126	09112121	LÊ HOÀNG KHÁNH	PHƯƠNG	DH09TY

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n d a n g 00201

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n H o c : Tin h o c đ a i c u o n g - 01

CBGD: Trầ n Lê Nhự t Quỳ nh (T800)

127	10128003	NGUYỄN HOÀNG MỸ	AN	DH10AV
128	10117066	NGUYỄN ANH	HUÂN	DH10CT
129	10151108	TRẦN THỊ	HẰNG	DH10DC
130	10130111	PHÙNG VĂN	ĐẠT	DH10DT
131	10124020	DƯƠNG BIÊN	CƯƠNG	DH10QL
132	10124057	LÊ THỊ	HOA	DH10QL
133	10124080	TRẦN QUANG	KHẢI	DH10QL
134	10124096	NGUYỄN THỊ	LINH	DH10QL
135	10124101	PHẠM THỊ BÍCH	LOAN	DH10QL
136	10135021	HOÀNG THỊ THANH	GIANG	DH10TB
137	10135146	NGUYỄN THỊ	YÊN	DH10TB
138	11128007	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHÂU	DH11AV
139	11128065	LẠI ĐÔNG	NGHI	DH11AV
140	11128109	LƯU THUY	TRINH	DH11AV
141	11111035	ĐẶNG THỊ NGỌC	ANH	DH11CN
142	11111085	HÀ NGỌC	NGUYỄN	DH11CN
143	11111017	PHAN LÊ NHẬT	TUẤN	DH11CN
144	11111062	TRẦN VĂN	TUẤN	DH11CN

145	11157026	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	DH11DL
146	11142131	CHÂU HOÀNG	CƯỜNG	DH11DY
147	11142136	BÙI QUỐC	ĐẠT	DH11DY
148	11142156	NGUYỄN TẤN	SINH	DH11DY
149	11114039	ĐẬU HOÀI	THANH	DH11LN
150	11147023	LÊ DUY	KIỆT	DH11QR

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00202

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 02

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

19	10145022	TRẦN QUỐC	CƯỜNG	DH10BV
20	10145043	HÀ HỒNG	HÂN	DH10BV
21	10145061	LÊ ĐIỂM	HƯƠNG	DH10BV
22	10145070	TỔNG MINH	KỲ	DH10BV
23	10145161	NGUYỄN MINH	TRÍ	DH10BV
24	10153005	TRẦN ĐỨC	ĐÔNG	DH10CD
25	10153071	PHẠM KHẢ	NGUYỄN	DH10CD
26	10153083	TRẦN THIÊN	TRƯỜNG	DH10CD
27	10118017	NGUYỄN THỊ VY	LINH	DH10CK
28	10117053	TRẦN THỊ THU	HIỀN	DH10CT
29	10117161	BÙI NHƯ	QUỲNH	DH10CT
30	10117264	NGUYỄN LA	VỸ	DH10CT
31	10130014	NGUYỄN ĐỨC	DUY	DH10DT
32	10142046	CAO THỊ	HOÀI	DH10DY
33	10171030	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH10KS
34	10171081	TRƯƠNG THỊ ÁNH	NGUYỆT	DH10KS
35	10114066	NGUYỄN VĂN	DANH	DH10LN
36	10114072	TRƯƠNG ĐÌNH	KHẢ	DH10LN



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00202

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 02

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	10113124	HOÀNG LÊ NGỌC	QUÝ	DH10NH
38	10116015	PHAN VĂN	CƯƠNG	DH10NT
39	10116031	NGUYỄN THỊ HÀ	GIANG	DH10NT
40	10116094	LÊ HỒNG	PHONG	DH10NT
41	10116144	NGUYỄN NHẬT	TRÂM	DH10NT
42	10124063	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	DH10QL
43	10124070	TRẦN MẠNH	HÙNG	DH10QL
44	10124276	HOÀNG THANH	LIÊM	DH10QL
45	10124104	PHẠM PHƯỚC	LỘC	DH10QL
46	10124163	TRƯƠNG HOÀNG	SANG	DH10QL
47	10147069	ĐINH NHẬT	QUANG	DH10QR
48	10126072	LÊ THỊ THÙY	LINH	DH10SH
49	10126120	TRƯƠNG QUỐC	PHONG	DH10SH
50	10161002	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH10TA
51	10135049	NGUYỄN VĨNH	KỲ	DH10TB
52	10135106	NGUYỄN VŨ THÙY	TIÊN	DH10TB
53	10135110	TRẦN ANH	TÍN	DH10TB
54	10135112	TRƯƠNG CÔNG NHÂN	TOÀN	DH10TB

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00202

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 02

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

55	11128008	ĐINH CHÍ	CÔNG	DH11AV
56	11125025	DƯƠNG TUẤN	ANH	DH11BQ
57	11125031	HOÀNG THỊ KIM	CHI	DH11BQ
58	11125033	BÙI MINH	CƯỜNG	DH11BQ
59	11125037	TRẦN NGỌC	DUNG	DH11BQ
60	11125022	ĐẶNG THÁI	HẬU	DH11BQ
61	11125052	HOÀNG TIẾN	HIẾU	DH11BQ
62	11125065	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAM	DH11BQ
63	11125153	HUỲNH THỊ KIM	LÀNH	DH11BQ
64	11125070	VÕ THỊ THU	LỮƠNG	DH11BQ
65	11125159	NGUYỄN VĨ THẢO	NGUYỄN	DH11BQ
66	11125015	TRẦN NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	DH11BQ
67	11125087	NGUYỄN SỸ	QUANG	DH11BQ
68	11125162	HUỲNH TẤN	THÀNH	DH11BQ
69	11125091	PHAN VĂN	THÀNH	DH11BQ
70	11125017	NGUYỄN HỮU	THIỆN	DH11BQ
71	11125166	THÁI THỊ	THUYỀN	DH11BQ
72	11125113	LÌU THỊ KIM	TRANG	DH11BQ



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00202

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 02

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11125122	ĐỖ THANH	TÙNG	DH11BQ
74	11125019	BÙI THỊ HOÀNG	YẾN	DH11BQ
75	11111073	PHẠM THẾ	ĐIỀN	DH11CN
76	11111096	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	DH11CN
77	11148058	HOÀNG QUANG	BÌNH	DH11DD
78	11148293	VÕ ĐÌNH	CHƯƠNG	DH11DD
79	11148085	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	DH11DD
80	11148092	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	DH11DD
81	11148105	NGUYỄN PHẠM NGUYỄN	HẰNG	DH11DD
82	11148107	LÊ CÔNG	HẬU	DH11DD
83	11148124	PHẠM NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	DH11DD
84	11148180	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	DH11DD
85	11148182	BÙI VĂN	PHÁT	DH11DD
86	11148202	NGUYỄN VĂN	QUÝ	DH11DD
87	11148206	NGUYỄN THỊ LAN	THANH	DH11DD
88	11148229	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	DH11DD
89	11148246	TRƯƠNG THÙY BẢO	TRINH	DH11DD
90	11148289	VÕ THỊ BÍCH	YẾN	DH11DD

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00202

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 02

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

91	11142061	NGUYỄN THỊ CẨM	HƯỜNG	DH11DY
92	11142095	ĐỖ NGỌC	SƠN	DH11DY
93	11142096	PHẠM QUAN	SƠN	DH11DY
94	11142118	TRƯƠNG ĐÌNH	VIỆT	DH11DY
95	11114056	PHÙNG THỊ THÙY	VÂN	DH11LN
96	11146094	TRẦN MINH	TIẾN	DH11NK
97	11154047	NGUYỄN LÊ DUY	PHÁT	DH11OT
98	11154059	LÊ XUẤT	THÂN	DH11OT
99	11154054	PHẠM NHƯ	VÂN	DH11OT
100	11160062	TRƯƠNG NGỌC KIM	NGÂN	DH11TK



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00203

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 03

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	10344015	LÊ VĂN	MINH	CD10CI
2	10344057	NGUYỄN VĂN	TUẤN	CD10CI
3	10333071	LƯƠNG HUYỀN	PHƯƠNG	CD10CQ
4	11333081	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	CD11CQ
5	11333094	NGUYỄN VĂN	THÂN	CD11CQ
6	11333156	PHAN THANH KIỀU	TRANG	CD11CQ
7	11333107	LÝ MINH	TRÍ	CD11CQ
8	07119009	ĐỖ THANH	BÌNH	DH08CK
9	07119006	NGUYỄN QUANG	TRUNG	DH08CK
10	10125214	NGUYỄN THỊ	HOA	DH10BQ
11	10173031	PHAN THỊ THANH	TRÚC	DH10GE
12	10113047	TRẦN TRUNG	HIẾU	DH10NH
13	10137061	NGUYỄN NGỌC	BÁCH	DH10NL
14	10124201	LÃ VĂN	THƯƠNG	DH10QL
15	10161027	NGUYỄN GIA	HẢI	DH10TA
16	10112015	LÊ VĂN	CÔNG	DH10TY
17	10112190	LÊ THỊ THU	THỦY	DH10TY
18	11128092	NGUYỄN GIANG	THANH	DH11AV

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n d a n g 00203

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n H o c : Tin h o c đ a i c u o n g - 03

CBGD: Trầ n Lê N h ư Q u y ã n h (T800)

19	11128112	VŨ THỊ KIM	TRÚC	DH11AV
20	11125082	TRẦN THỊ NGỌC	NUÔI	DH11BQ
21	11125161	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	DH11BQ
22	11115005	PHAN VŨ MINH	PHƯƠNG	DH11CB
23	11115009	NGÔ THÀNH	SƠN	DH11CB
24	11119004	HOÀNG VĂN	KHANG	DH11CC
25	11111066	NGÔ VIỆT	AN	DH11CN
26	11111070	ĐẶNG THỊ QUỲNH	DIỄM	DH11CN
27	11111061	PHAN THỊ	DUYÊN	DH11CN
28	11111118	NGUYỄN VIỆT	QUÂN	DH11CN
29	10112270	NGUYỄN HOÀNG BẢO	THỊNH	DH11CN
30	11111090	NGUYỄN NGỌC MAI	THY	DH11CN
31	11111030	NGUYỄN PHẠM THỦY	TIÊN	DH11CN
32	11111031	LÊ THANH	TRÂM	DH11CN
33	11111046	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	DH11CN
34	11111002	TRẦN ĐỨC	TRUNG	DH11CN
35	11157159	PHẠM THỊ THU	HƯỜNG	DH11DL
36	11157434	LÊ THỊ KIỀU	TIÊN	DH11DL



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00203

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 03

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11134006	LÂM NGỌC	BÍCH	DH11GB
38	11134003	VÕ THỊ THU	CÚC	DH11GB
39	11134004	VÒNG BẢO	HỔ	DH11GB
40	11134013	NGUYỄN THỊ	MAI	DH11GB
41	11134007	ĐÀO MINH	MÃN	DH11GB
42	11114070	HỒ NGUYỄN THÁI	DUY	DH11LN
43	11114002	K'	ĐẠT	DH11LN
44	11114007	LÊ ĐĂNG	HOÀNG	DH11LN
45	11114008	TRẦN NHI	THANH	DH11LN
46	11114042	NGÔ TÙNG	VI	DH11LN
47	11146070	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	DH11NK
48	11146014	NGUYỄN THỊ MINH	HIỀN	DH11NK
49	11146038	VŨ THỊ HÀ	PHƯƠNG	DH11NK
50	11146024	LÊ THỊ KIM	QUYÊN	DH11NK
51	11141003	LÂM THANH	VỦ	DH11NY
52	11149170	VƯƠNG	HẬU	DH11QM
53	11149342	TRẦN THỊ	THẢO	DH11QM
54	11149406	LÊ THÀNH	TRUNG	DH11QM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00203

Trang 4/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 03

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	11147062	TRẦN QUỐC	BẢO	DH11QR
56	11147173	LĂNG THỊ	CÁN	DH11QR
57	11147104	BÙI VĂN	DÂN	DH11QR
58	11147130	ĐỖ THỊ	DIỄM	DH11QR
59	11147123	ĐOÀN MINH	DƯƠNG	DH11QR
60	11147013	DƯƠNG VĂN	ĐỨC	DH11QR
61	11147137	LÊ THỊ HÀ	GIANG	DH11QR
62	11147068	ĐINH SƠN	HÀ	DH11QR
63	11147024	KHƯƠNG VĂN	LONG	DH11QR
64	11147027	ĐỖ THỊ KHÁNH	LY	DH11QR
65	11147094	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN	DH11QR
66	11147078	TRẦN THỊ QUỲNH	NHUNG	DH11QR
67	11147002	ĐOÀN NHẬT	NINH	DH11QR
68	11147082	LÊ QUỐC	THÁI	DH11QR
69	11147150	VŨ MINH	THIÊN	DH11QR
70	11147084	VŨ THỊ	THỦY	DH11QR
71	11147053	PHAN THƯƠNG	TÍN	DH11QR
72	11147179	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	DH11QR



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00203

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 03

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11147172	NGUYỄN VĂN	VĨNH	DH11QR
74	11161088	LÊ TẤN	ĐẠT	DH11TA
75	11161025	NGUYỄN VIỆT	ĐỨC	DH11TA
76	11161004	ĐỖ THIÊN	THANH	DH11TA
77	11160004	NGUYỄN THỊ MỘNG	NAM	DH11TK
78	11160084	PHÙNG THANH	THẢO	DH11TK
79	11160085	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	DH11TK
80	11112061	TRỊNH VĂN	BÌNH	DH11TY
81	11112069	HOÀNG VƯƠNG TƯỜNG	DUY	DH11TY
82	11112072	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	DH11TY
83	11112095	TRẦN THỊ THẢO	HIỀN	DH11TY
84	11112117	LÊ TUẤN	KHANG	DH11TY
85	11112119	VĂN THỊ YẾN	KHANG	DH11TY
86	11112126	BÙI NHƯỘC	KHUYẾT	DH11TY
87	11112016	ĐÌNH HOÀNG MI	MI	DH11TY
88	11112276	ĐẶNG VĂN	MINH	DH11TY
89	11112280	PHẠM ĐÌNH	NGUYỄN	DH11TY
90	11112182	PHẠM PHÚC	QUỲNH	DH11TY

91	11112204	TRẦN TIẾN	THỊNH	DH11TY
92	11112268	NGUYỄN THIÊN	TRANG	DH11TY
93	11112292	NGUYỄN THỊ ÁI	TRIỀU	DH11TY
94	11112294	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH11TY
95	11112038	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	DH11TY
96	11112044	NGUYỄN THỤY HUỠNH	YẾN	DH11TY
97	11156096	NGUYỄN THỊ QUẢN	AN	DH11VT
98	11156103	VÕ THỊ LINH	KHA	DH11VT
99	11156009	HUỠNH THỊ KIM	LỆ	DH11VT
100	11156051	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH11VT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00204

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 04

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	09333113	TRẦN HỒNG	PHƯƠNG	CD09CQ
2	09128080	VÕ ĐÌNH VỊ	THƠ	DH09AV
3	09126177	NGUYỄN	QUÝ	DH09SH
4	10128050	PHAN THỊ	LỘC	DH10AV
5	10125103	LÊ HÙNG	MINH	DH10BQ
6	10130031	PHAN QUỐC	HƯNG	DH10DT
7	10130053	NGUYỄN MINH	NHẬT	DH10DT
8	10130075	NGUYỄN VĂN	TÂN	DH10DT
9	10149090	TRANG ĐẶNG NHƯ	LÀNH	DH10QM
10	10135046	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	DH10TB
11	10135102	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	DH10TB
12	11128125	ĐỖ THỊ MỸ	DUYÊN	DH11AV
13	11128021	VŨ THỊ KỲ	DUYÊN	DH11AV
14	11128051	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LAN	DH11AV
15	11128076	NGUYỄN PHI YẾN	NHI	DH11AV
16	11128130	NGUYỄN THỊ TÌNH	THƯƠNG	DH11AV
17	11128101	NGUYỄN THỊ NGỌC	THY	DH11AV
18	11125043	LÊ THỊ	ĐÀO	DH11BQ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00204

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 04

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

19	11125061	LA QUỐC	KHÁNH	DH11BQ
20	11125062	LÊ QUỐC	KHÁNH	DH11BQ
21	11125155	ĐẶNG THỊ KHA	LINH	DH11BQ
22	11125009	NGUYỄN THỊ THÙY	NGÂN	DH11BQ
23	11125095	PHẠM THỊ THANH	THI	DH11BQ
24	11131081	NGUYỄN HẢI	TRIỀU	DH11CH
25	11111054	NGUYỄN ĐÀO MINH	THUYẾT	DH11CN
26	11148059	TRẦN PHƯƠNG	BÌNH	DH11DD
27	11148002	TRẦN THỊ NHƯ	BÌNH	DH11DD
28	11148064	LÊ THUY SONG	CHÂU	DH11DD
29	11148067	ĐINH VÕ NGỌC	CHI	DH11DD
30	11148074	PHẠM CAO	CƯỜNG	DH11DD
31	11148005	NGUYỄN THỊ HỒNG	DU	DH11DD
32	11148082	NGUYỄN THỊ	DUNG	DH11DD
33	11148091	TRẦN NGUYỄN MINH	ĐOÀN	DH11DD
34	11148008	NGUYỄN MẠNH	HÀ	DH11DD
35	11148103	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	DH11DD
36	11148031	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	DH11DD



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00204

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 04

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11148303	NGUYỄN QUỐC HIỀN	DH11DD
38	11148111	NGUYỄN THỊ HIỀN	DH11DD
39	11148010	VŨ THÁI HUYỀN	DH11DD
40	11148011	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	DH11DD
41	11148135	CAO THỊ THÙY LINH	DH11DD
42	11148142	TRƯƠNG HUỲNH KIỀU LOAN	DH11DD
43	11148153	TRẦN NGUYỄN TUYẾT MY	DH11DD
44	11148318	NGUYỄN THỊ MỸ	DH11DD
45	11148158	NGUYỄN THU NGÂN	DH11DD
46	11148323	NGÔ THỊ MỸ NHI	DH11DD
47	11148174	LÊ TUYẾT NHUNG	DH11DD
48	11148018	BÙI THỊ QUỲNH NHƯ	DH11DD
49	11148177	HOÀNG THỊ NI	DH11DD
50	11148325	NGÔ KIM NỮ	DH11DD
51	11148042	NGUYỄN THỊ NỮ	DH11DD
52	11148326	TRẦN THỊ OANH	DH11DD
53	11148019	ĐOÀN MINH PHỤNG	DH11DD
54	11148187	BÙI THỊ THANH PHƯƠNG	DH11DD



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00204

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 04

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11148046	LÊ THỊ THÙY	TRANG	DH11DD
74	11148239	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH11DD
75	11148241	TRƯƠNG THỊ ĐÀI	TRANG	DH11DD
76	11148030	VÕ THỊ	TRÂM	DH11DD
77	11148263	PHẠM THANH	TÚ	DH11DD
78	11148256	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	DH11DD
79	11148265	TRẦN THỊ HỒNG	TƯƠI	DH11DD
80	11148268	NGUYỄN THỊ BẢO	UYẾN	DH11DD
81	11148350	NGUYỄN THỊ	VÂN	DH11DD
82	11148035	BÙI THANH	VŨ	DH11DD
83	11148277	LÊ HỮU TƯỜNG	VY	DH11DD
84	11148279	NGUYỄN MỸ	XUÂN	DH11DD
85	11148282	TRỊNH THỊ NGỌC	YẾN	DH11DD
86	11157417	TRẦN THỊ MỸ	NHƯ	DH11DL
87	11157304	NGUYỄN THỊ YẾN	THY	DH11DL
88	11157336	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	DH11DL
89	11142152	ĐẶNG LÊ THU	NGỌC	DH11DY
90	11142018	NGUYỄN LÊ HOÀI	THƯƠNG	DH11DY

91	11114035	NGUYỄN SƠN	NAM	DH11LN
92	11116092	NGUYỄN MINH	TRƯỜNG	DH11NT
93	11141072	LÊ THỊ NGỌC	CHÂU	DH11NY
94	11149241	NGỌC THANH	MINH	DH11QM
95	11161079	NGUYỄN XUYỀN	DUYÊN	DH11TA
96	11112071	VŨ HOÀNG	DUY	DH11TY
97	11156024	LÊ THỊ NGỌC	CHÂU	DH11VT
98	11156099	ĐẶNG THỊ	HẠ	DH11VT
99	11156070	TRẦN DIỄM HOÀI	THƯƠNG	DH11VT
100	11156071	NGUYỄN THỊ NGỌC	TIỀN	DH11VT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00205

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 05

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11157134	TRẦN NGỌC	HIỀN	DH11DL
38	11157012	TRẦN THỊ THU	HIỀN	DH11DL
39	11157450	TRIỆU MINH	HIẾU	DH11DL
40	11157144	NGUYỄN THỊ	HỒNG	DH11DL
41	11157014	TRẦN THỊ ÁNH	HỒNG	DH11DL
42	11157173	HUỲNH THỊ	LỆ	DH11DL
43	11157174	ĐẶNG THỊ	LIÊN	DH11DL
44	11157175	PHẠM THỊ	LIÊN	DH11DL
45	11157176	BÙI THỊ THÙY	LINH	DH11DL
46	11157179	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	DH11DL
47	11157188	LÊ THỊ NGỌC	MAI	DH11DL
48	11157195	THÔNG THỊ DIỄM	MY	DH11DL
49	11157201	VÕ HOÀNG	NAM	DH11DL
50	11157202	ĐỖ VẠN	NẮNG	DH11DL
51	11157215	HỒ MINH	NGỌC	DH11DL
52	11157412	NGUYỄN VĂN	NGỌC	DH11DL
53	11157217	PHẠM THỊ KIM	NGỌC	DH11DL
54	11157222	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGUYỄN	DH11DL

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00205

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 05

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

55	11157225	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	DH11DL
56	11157049	TRẦN VŨ TỐ	NHƯ	DH11DL
57	11157249	DƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	DH11DL
58	11157378	TRẦN THỊ NGỌC	PHƯƠNG	DH11DL
59	11157058	HỒ THỊ NHƯ	QUỲNH	DH11DL
60	11157267	VÕ NGỌC	SƠN	DH11DL
61	11157268	HUYỀN VĂN	TÀI	DH11DL
62	11157028	NGUYỄN THÀNH	TÂM	DH11DL
63	11157278	ĐINH ĐỨC	THẢO	DH11DL
64	11157281	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH11DL
65	11157428	TRẦN HOÀI	THẮNG	DH11DL
66	11157287	NGUYỄN MINH	THỊ	DH11DL
67	11157290	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	DH11DL
68	11157031	TĂNG LÊ	THUẦN	DH11DL
69	11157431	NGUYỄN KIM	THƯ	DH11DL
70	11157302	NGUYỄN NĂNG HOÀNG	THƯƠNG	DH11DL
71	11157309	NGUYỄN VĂN	TÌNH	DH11DL
72	11157324	PHẠM THỊ	TRÀ	DH11DL



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00205

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 05

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11157438	NGUYỄN THỊ	TRANG	DH11DL
74	11157318	NGUYỄN THỊ QUÝ	TRANG	DH11DL
75	11157328	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	DH11DL
76	11157333	NGUYỄN	TRÍ	DH11DL
77	11157332	VÕ THỊ HOÀNG	TRINH	DH11DL
78	11157337	LÊ THỊ ANH	TRÚC	DH11DL
79	11157042	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	DH11DL
80	11157349	HỒ MỸ	TUYẾT	DH11DL
81	11157350	HỨA THỊ	TUYẾT	DH11DL
82	11157354	NGUYỄN VĂN	TÝ	DH11DL
83	11157356	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	DH11DL
84	11157370	LÊ THỊ HỒNG	XUÂN	DH11DL
85	11157371	LÊ THỊ KIM	YẾN	DH11DL
86	11157372	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	DH11DL
87	11114031	TRẦN THỊ THẢO	DUNG	DH11LN
88	11114081	NGUYỄN THỊ	NGÂN	DH11LN
89	11116039	HỒ MINH	HUY	DH11NT
90	11116043	NGUYỄN TRƯỜNG	KHA	DH11NT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00221

Trang 2/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 06

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

19	11115003	VÕ VĂN	HIỂN	DH11CB
20	11115011	MAI THỊ TUYẾT	NHUNG	DH11CB
21	11115014	NGUYỄN VĂN	PHÁP	DH11CB
22	11115006	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH11CB
23	11115012	NGÔ THỊ HUYỀN	THOẠI	DH11CB
24	11115015	TRẦN QUANG	TUẤN	DH11CB
25	11138013	TRẦN MẠNH	CƯỜNG	DH11CD
26	11153026	PHAN TRUNG	HẬU	DH11CD
27	11138012	ĐÌNH VĂN	HIỂN	DH11CD
28	11153021	NGUYỄN VĂN	HÒA	DH11CD
29	11138008	HỒ VĂN	HƯNG	DH11CD
30	11138005	HUỲNH THIÊN	LỘC	DH11CD
31	11138009	PHẠM MINH	LÝ	DH11CD
32	11153027	BÙI CÔNG	NAM	DH11CD
33	11138010	LÊ DUY	PHƯỚC	DH11CD
34	11138004	DƯƠNG PHƯỚC PHÚ	QUÝ	DH11CD
35	11138016	NGUYỄN LÊ HOÀNG	THÔNG	DH11CD
36	11138011	HUỲNH MINH	VŨ	DH11CD



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00221

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 06

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11131064	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	DH11CH
38	11131067	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	DH11CH
39	11111078	NGUYỄN VĂN	LĂNG	DH11CN
40	11111086	LÊ HOÀNG THẢO	NGUYỄN	DH11CN
41	11148291	NGUYỄN THỊ MỸ	CHI	DH11DD
42	11148144	VÕ THANH	LỘC	DH11DD
43	11148220	TRẦN LỆ	THU	DH11DD
44	11148238	LÊ THỊ MINH	TRANG	DH11DD
45	11157382	LÊ TÚ	ANH	DH11DL
46	11157449	YA	GIÁNG	DH11DL
47	11157013	GIÁNG THỊ THU	HỒNG	DH11DL
48	11157406	ĐỖ THỊ	LAN	DH11DL
49	11157237	PHẠM THỊ NGỌC	NỮ	DH11DL
50	11157059	LÊ THỊ	QUÝ	DH11DL
51	11157261	PHẠM THỊ	QUÝ	DH11DL
52	11157271	LƯƠNG THÀNH	TÂM	DH11DL
53	11157443	TRẦN NGUYỄN	TƯỜNG	DH11DL
54	11142006	NGUYỄN NHÂN	DANH	DH11DY

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00221

Trang 4/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 06

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	11142144	NGUYỄN KIỀU	HOÀI	DH11DY
56	11142128	TRẦN THANH	TOÀN	DH11DY
57	11134010	LÊ TRÀ	THỊNH	DH11GB
58	11114071	HOÀNG THÀNH	LINH	DH11LN
59	11114019	TRẦN VĂN	NAM	DH11LN
60	11157227	PHẠM THỊ YẾN	NHI	DH11MT
61	10113229	TRẦN HẢI	ANH	DH11NH
62	11146069	LÊ THỊ	THÚY	DH11NK
63	11116066	NGÔ THANH	PHÚC	DH11NT
64	11116095	PHẠM QUỐC	TÙNG	DH11NT
65	11141033	LÊ HƯƠNG	GIANG	DH11NY
66	11141075	TRẦN ĐĂNG	KHOA	DH11NY
67	11141038	DƯƠNG BÌNH	MINH	DH11NY
68	11141018	NGUYỄN HUỲNH SĨ	NHÂN	DH11NY
69	11141077	HỒ KHÁNH	PHƯỢNG	DH11NY
70	11141048	ĐẶNG THỊ	THỦY	DH11NY
71	11149125	ĐINH THỊ CẨM	DUNG	DH11QM
72	11149189	LÊ CHÍ	HỒNG	DH11QM



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00221

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 06

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11149070	HÀ THỊ ĐÀI	LOAN	DH11QM
74	11149259	NGUYỄN QUỲNH KHANH	NGHI	DH11QM
75	11149316	TRẦN HỮU	QUÝ	DH11QM
76	11149518	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH11QM
77	11147125	NGUYỄN KHANG	AN	DH11QR
78	11147089	TRƯƠNG CÔNG	CHUNG	DH11QR
79	11147117	PHAN THANH	HÙNG	DH11QR
80	11147140	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH11QR
81	11147098	HUỲNH THANH	SƠN	DH11QR
82	11161017	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	DH11TA
83	11161044	ĐINH THỊ KIỀU	NHI	DH11TA
84	11161047	TRẦN NGỌC	PHƯƠNG	DH11TA
85	11161082	LÊ ĐỨC	TRUNG	DH11TA
86	11161075	HUỲNH NGUYỄN THANH	VŨ	DH11TA
87	11160054	NGUYỄN VĂN	LIÊM	DH11TK
88	11160148	NGUYỄN BẢO	TRÂM	DH11TK
89	11112070	NGUYỄN QUANG	DUY	DH11TY
90	11112121	NGUYỄN VĂN	KHÁNG	DH11TY



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00207

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 07

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	09333125	MÃ THỊ TUYẾT	SƯƠNG	CD09CQ
2	09333167	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	CD09CQ
3	08128029	MAI NGỌC	HUỆ	DH08AVQ
4	08131126	MAI TRẦN ĐÌNH	PHÚC	DH08CH
5	08131137	NGUYỄN NHẬT	SINH	DH08CH
6	08131187	HUỲNH NGỌC	TÚ	DH08CH
7	08147155	TRƯƠNG MINH	QUANG	DH08QR
8	09153065	LÊ THANH	NHÃ	DH09CD
9	09114102	LÂM THỊ HUỲNH	NGA	DH09LN
10	09113063	NGUYỄN HỒNG	LĨNH	DH09NH
11	09113068	ĐẶNG THÀNH	LUÂN	DH09NH
12	09113122	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	DH09NH
13	09113123	BÙI VÕ THỊ HƯƠNG	THẨM	DH09NH
14	09113133	NGUYỄN ĐẠT	THỊNH	DH09NH
15	10128095	NGUYỄN THỊ MINH	THÚY	DH10AV
16	10157004	VÕ THỊ THU	AN	DH10DL
17	10157005	CHU TUẤN	ANH	DH10DL
18	10157054	NGUYỄN SONG	HÀO	DH10DL

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00207

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 07

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

19	10130095	TỔNG THANH	TRUNG	DH10DT
20	10169028	NGUYỄN THU	HÀ	DH10GN
21	10116066	TRỊNH THỊ	LIỄU	DH10NT
22	10154020	ĐOÀN NGUYỄN THÀNH	LONG	DH10OT
23	10154021	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH10OT
24	10147059	PHẠM THANH	NGUYỄN	DH10QR
25	10147103	NÔNG NGỌC	TUÂN	DH10QR
26	10112081	LÊ MINH	LÂM	DH10TY
27	10112106	TRẦN THỊ BÍCH	NGỌC	DH10TY
28	10112193	VÕ THỊ ANH	THƯ	DH10TY
29	11128028	,VÕ THỊ THU	HÀ	DH11AV
30	11128033	LÊ THỊ	HIỀN	DH11AV
31	11128061	NGUYỄN HOÀNG ÁNH	MAI	DH11AV
32	11125039	NGUYỄN THỊ HỒNG	DUYÊN	DH11BQ
33	11125147	NGUYỄN THỊ SINH	DUYÊN	DH11BQ
34	11125143	HUYỀN THANH	THẢO	DH11BQ
35	11125103	NÔNG THỊ KIM	THỦY	DH11BQ
36	11153038	LÊ HẢI	ĐĂNG	DH11CD



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00207

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 07

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11153013	LÊ VĂN	TÂM	DH11CD
38	11153032	PHẠM CÔNG	TẤN	DH11CD
39	11153031	PHAN TRƯỜNG	THỊNH	DH11CD
40	11111004	NGUYỄN ĐIỂN	DUY	DH11CN
41	11148094	PHAN VŨ TRÚC	GIANG	DH11DD
42	11148302	NGÔ THỊ MỘNG	HẰNG	DH11DD
43	11148139	TRẦN THỊ THÙY	LINH	DH11DD
44	11148157	ĐẶNG CHÂU THÁI	NGÂN	DH11DD
45	11157381	NGUYỄN QUỐC	TÚ	DH11DL
46	11169001	HÀN NHỊ QUỐC	AN	DH11GN
47	11169017	NGUYỄN SĨ	ĐĂNG	DH11GN
48	11169021	KHẨU MINH	KHA	DH11GN
49	11169014	ĐOÀN MAI MINH	KHÔI	DH11GN
50	11169012	NGUYỄN THANH	LIÊM	DH11GN
51	11169031	NGUYỄN HÀ	MI	DH11GN
52	11169006	PHAN TRỌNG	NGHĨA	DH11GN
53	11169032	NGUYỄN THỊ	NHỚ	DH11GN
54	11169007	TRẦN MINH	NHƯỜNG	DH11GN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n dậ ng 00207

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 07

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	11169023	ĐOÀN THỊ KIM	OANH	DH11GN
56	11169008	ĐỒNG CHÂU	QUANG	DH11GN
57	11169010	HỒ VĂN	THUẬN	DH11GN
58	11169024	NGUYỄN THỊ THANH	TRUYỀN	DH11GN
59	11169025	NGUYỄN THỤY TUYẾT	VÂN	DH11GN
60	11171060	TRẦN THỊ	NHUNG	DH11KS
61	11114032	LÊ ĐÌNH	KHƯƠNG	DH11LN
62	11114004	NGUYỄN NGỌC	TÂN	DH11LN
63	11114006	ĐÀO THỊ KIM	TUYẾT	DH11LN
64	11146033	MẠNH TUẤN	ANH	DH11NK
65	11146063	LÊ THỊ	CẨM	DH11NK
66	11146005	NGUYỄN THỊ	HÒA	DH11NK
67	11146052	LÊ THỊ	HỒNG	DH11NK
68	11146019	LƯƠNG THỊ MỸ	LẠI	DH11NK
69	11146081	LÊ HOÀNG	NAM	DH11NK
70	11146075	VÕ TRUNG	NGUYỄN	DH11NK
71	11146025	HOÀNG NGỌC	SƠN	DH11NK
72	11146051	DƯƠNG THANH	TÂM	DH11NK



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00207

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 07

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11146039	ĐÀO VŨ MINH	THÀNH	DH11NK
74	11146028	NGUYỄN HUY	TOÀN	DH11NK
75	11146056	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	DH11NK
76	11141028	THẠCH THỊ CHANH	ĐA	DH11NY
77	11141063	LÊ THỊ BÍCH	NGỌC	DH11NY
78	11141095	HÀ THỊ HỒNG	SƯƠNG	DH11NY
79	11154055	CHÂU NGỌC	HIỆP	DH11OT
80	11154046	NGUYỄN TRỌNG	NHƠN	DH11OT
81	11149007	NGUYỄN THỊ	DIỄN	DH11QM
82	11149123	LÊ HUYỀN	DIỆU	DH11QM
83	11149026	TÔ VĂN	MÃN	DH11QM
84	11149032	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	DH11QM
85	11149033	PHẠM THỊ THANH	NHÀN	DH11QM
86	11149037	NGUYỄN THỊ	PHÚC	DH11QM
87	11149331	TRẦN THỊ VÂN	THANH	DH11QM
88	11149387	ĐỖ THỊ THÙY	TRANG	DH11QM
89	11149428	BIỆN VĂN	ÚT	DH11QM
90	11147131	NGUYỄN KIỀU	DIỄM	DH11QR



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00207

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 07

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

91	11147129	HOÀNG THỊ	DIÊN	DH11QR
92	11147101	NGUYỄN TUYẾT	NHUNG	DH11QR
93	11147149	ĐỖ THỊ HỒNG	PHÚC	DH11QR
94	11147050	PHẠM THỊ	THẢO	DH11QR
95	11147163	LÊ THỊ THÙY	TRANG	DH11QR
96	11160059	CAO TIẾN	MẠNH	DH11TK
97	11112260	PHAN THỊ HỒNG	GẮM	DH11TY
98	11156019	HUỖNH TUẤN	ANH	DH11VT
99	11156095	HUỖNH DUY	SƠN	DH11VT
100	11156083	LÊ THANH	TÙNG	DH11VT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00208

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 08

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	10333100	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	CD10CQ
2	11333024	PHẠM THỊ TRÚC	DUY	CD11CQ
3	11333147	LÊ VĂN	NHIỀU	CD11CQ
4	11333164	TRẦN VĂN	TIẾN	CD11CQ
5	08128056	DƯƠNG THỊ KIM	NGỌC	DH08AVG
6	08132046	TRẦN THỊ LAN	PHƯƠNG	DH08SP
7	08161189	NGUYỄN ĐÌNH	THẮNG	DH08TA
8	09161074	NGUYỄN MINH	LUÂN	DH09TA
9	09135073	PHAN THỊ PHƯƠNG	ÁNH	DH09TB
10	10128056	LÊ HOÀI	NAM	DH10AV
11	10153061	HỒ VĂN	BÌNH	DH10CD
12	10153062	ĐỖ VĂN	ĐỨC	DH10CD
13	10153019	NÔNG VĂN	KHIÊM	DH10CD
14	10153028	LÊ TRỌNG TẤN	PHÁT	DH10CD
15	10153069	LÊ VĂN	TÂN	DH10CD
16	10148192	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯƠNG	DH10DD
17	10157024	NGUYỄN THỊ	CHUNG	DH10DL
18	10157085	NGUYỄN THỊ CẨM	LỆ	DH10DL



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00208

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 08

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11125109	NGUYỄN QUANG	TIẾN	DH11BQ
38	11125131	ĐÌNH THỊ NGỌC	YẾN	DH11BQ
39	11153029	LÊ DUY	THANH	DH11CD
40	11131024	PHẠM LÊ THẢO	HƯƠNG	DH11CH
41	11131053	LÊ THỊ KIM	THOẠI	DH11CH
42	11131056	ĐẶNG THỊ	TRANG	DH11CH
43	11148015	THÂN HUYỀN	NGỌC	DH11DD
44	11148329	NGUYỄN THỊ	QUÝ	DH11DD
45	11148255	ĐỖ THANH	TUYỀN	DH11DD
46	11157004	CHÂU THỊ THÚY	DIỄM	DH11DL
47	11157192	TRẦN QUANG	MINH	DH11DL
48	11157273	PHẠM NGỌC	THANH	DH11DL
49	11157053	NGUYỄN THỊNH	VĂN	DH11DL
50	11142142	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	DH11DY
51	11142058	NGUYỄN THANH	HUỆ	DH11DY
52	11142072	NGUYỄN THỊ THOẠI	MỸ	DH11DY
53	11142126	TRẦN PHI	PHỤNG	DH11DY
54	11142019	ĐẶNG THỊ MỸ	TIỀN	DH11DY

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00208

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 08

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

55	11171009	NGUYỄN VĂN	BA	DH11KS
56	11171122	BÙI VĂN	CƯỜNG	DH11KS
57	11171123	TRƯƠNG THỊ	CƯỜNG	DH11KS
58	11171104	TRƯƠNG NGỌC	DIỆU	DH11KS
59	11171013	HỒ NGỌC	DÌNH	DH11KS
60	11171019	ĐẶNG TIẾN	DŨNG	DH11KS
61	11171128	LƯƠNG TẤN	ĐẠT	DH11KS
62	11171025	NGUYỄN ANH	ĐỨC	DH11KS
63	11171026	VĂN CÔNG	ĐỨC	DH11KS
64	11171133	VÕ DUY	KHƯƠNG	DH11KS
65	11171135	NGUYỄN THỊ	LÊ	DH11KS
66	11171045	HÀ THỊ KIM	LIÊN	DH11KS
67	11171105	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	DH11KS
68	11171048	TRẦN VIỆT	LOAN	DH11KS
69	11171050	NGUYỄN THÀNH	LỢI	DH11KS
70	11171053	HOÀNG THỊ THANH	MAI	DH11KS
71	11171054	CAO THỊ QUẾ	MY	DH11KS
72	11171138	HÀ VĂN	NAM	DH11KS



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00208

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 08

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11171055	NGUYỄN CHÂU	NGÂN	DH11KS
74	11171058	MAI HỒNG	NHUNG	DH11KS
75	11171108	NGUYỄN VĂN	NHỰT	DH11KS
76	11171140	HUYỀN TẤN	PHÁT	DH11KS
77	11171141	LÊ VĂN	PHỤNG	DH11KS
78	11171066	TRẦN THỊ MAI	PHƯƠNG	DH11KS
79	11171070	NGUYỄN VĂN	QUÝ	DH11KS
80	11171109	CHÂU	SĨ	DH11KS
81	11171075	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH11KS
82	11171144	HỒ PHI	THÂN	DH11KS
83	11171004	NGÔ THỊ THANH	THẾ	DH11KS
84	11171082	LÊ THỊ	THÚY	DH11KS
85	11171145	CAO HOÀI	THƯƠNG	DH11KS
86	11171116	LÊ THỊ CẨM	TÚ	DH11KS
87	11171093	MAI XUÂN	TUYÊN	DH11KS
88	11171099	LÊ NGỌC	VINH	DH11KS
89	11116113	VÕ THANH	NHƯ	DH11NT
90	11141040	VŨ	MINH	DH11NY

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00209

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 09

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

1	10333046	LÊ THỊ	LÀI	CD10CQ
2	10333137	TRẦN THỊ NHƯ	QUỖNH	CD10CQ
3	08128023	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	DH08AVQ
4	07117145	ĐỖ NHẬT	TÂN	DH08CT
5	09154022	TRẦN VĂN	HOÀNG	DH09OT
6	10128068	DIỆP CẦN	NHUNG	DH10AV
7	10128069	PHAN THỊ QUỖNH	NHƯ	DH10AV
8	10128070	LÊ NGUYỄN HOÀNG	OANH	DH10AV
9	10128072	ĐOÀN HỒNG	PHÚC	DH10AV
10	10131074	LÊ TRẦN ANH	TÚ	DH10CH
11	10157142	LÀO VĂN	PHẤN	DH10DL
12	10137016	NGUYỄN TẤN	TRÚNG	DH10NL
13	10124079	HOÀNG VĂN	HỮU	DH10QL
14	10124085	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	DH10QL
15	10124220	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRẦM	DH10QL
16	10149035	NGUYỄN NGỌC THÀNH	ĐẠT	DH10QM
17	10149109	LÊ VĂN	LƯỢNG	DH10QM
18	10149222	HỒ HỮU	TRUNG	DH10QM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00209

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 09

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

19	10161054	TRẦN DUY	HƯNG	DH10TA
20	10135033	VƯƠNG THỊ	HIỀN	DH10TB
21	10135059	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	DH10TB
22	10135100	NGÔ THỊ	THU	DH10TB
23	11125117	NGUYỄN VĂN	TRE	DH11BQ
24	11153012	BÙI THÁI	CHINH	DH11CD
25	11153016	TRẦN THANH HIẾU	ĐỂ	DH11CD
26	11153017	NGUYỄN VĂN	HÙNG	DH11CD
27	11131041	LÊ THỊ NHƯ	NGỌC	DH11CH
28	11131003	PHẠM VĂN	TÙNG	DH11CH
29	11148237	HOÀNG THỊ HUYỀN	TRANG	DH11DD
30	11157076	THÁI DUY	BÌNH	DH11DL
31	11157265	LÊ TRẦN NAM	SƠN	DH11DL
32	11157334	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	DH11DL
33	11114017	LÊ TẤN	LỘC	DH11LN
34	11146008	PHAN THỊ	BÍCH	DH11NK
35	11146068	NGŨ TẤN	ĐẠT	DH11NK
36	11146078	NGUYỄN DUY THÁI	SƠN	DH11NK



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00209

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 09

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11146092	VÕ ĐỨC	THÔNG	DH11NK
38	11146079	NGUYỄN VĂN MINH	TRƯỜNG	DH11NK
39	11116001	TRẦN BẢO	ÂN	DH11NT
40	11116018	PHẠM THỊ	BẾ	DH11NT
41	11116021	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	DH11NT
42	11116022	CHỐNG MINH	CƠ	DH11NT
43	11116023	NGUYỄN ĐÌNH	CƯƠNG	DH11NT
44	11116028	NGUYỄN VĂN	ĐÀNG	DH11NT
45	11116100	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	DH11NT
46	11116033	NGUYỄN VĂN	HẠNH	DH11NT
47	11116032	LA THỊ NGỌC	HẢO	DH11NT
48	11116012	LÊ THỊ MỸ	HỒ	DH11NT
49	11116038	ĐẶNG NGỌC CẨM	HỒNG	DH11NT
50	11116013	NGUYỄN	HƠN	DH11NT
51	11116044	VÕ DUY	KHÁNH	DH11NT
52	11116049	TRẦN LÊ NHẬT	LÂM	DH11NT
53	11116050	LÊ THỊ	LINH	DH11NT
54	11116053	HUỲNH THỊ HOA	MAI	DH11NT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00209

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 09

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	11116054	DƯƠNG NHỰT	MẠNH	DH11NT
56	11116102	LÊ HOÀI	NAM	DH11NT
57	11116059	PHAN KIM	NGỌC	DH11NT
58	11116060	TRẦN HOÀNG BÍCH	NGỌC	DH11NT
59	11116111	NGÔ THỊ HUỲNH	NHƠN	DH11NT
60	11116063	VÕ THỊ HUỲNH	NHƯ	DH11NT
61	11116114	BÙI VĂN	PHỔ	DH11NT
62	11116007	LÂM PHONG	PHÚ	DH11NT
63	11116067	TRẦN VĂN	PHƯƠNG	DH11NT
64	11116068	TRẦN ĐÌNH	QUANG	DH11NT
65	11116072	TRẦN NGỌC	QUÝ	DH11NT
66	11116117	HỒ SỸ	SÂM	DH11NT
67	11116076	PHẠM NHƯ	THÀNH	DH11NT
68	11116075	PHAN VĂN	THÀNH	DH11NT
69	11116078	CHÂU THỊ THU	THẢO	DH11NT
70	11116081	PHAN QUỐC	THỊNH	DH11NT
71	11116103	VĂN ANH	THOẠI	DH11NT
72	11116004	MAI THANH	TIẾN	DH11NT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập học 00209

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 09

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11116119	BÙI MINH	TOÀN	DH11NT
74	11116090	NGUYỄN THỊ THẢO	TRINH	DH11NT
75	11116010	TRẦN PHƯƠNG	TRINH	DH11NT
76	11116123	BÙI VĂN	TÚC	DH11NT
77	11116052	NGUYỄN THỊ TRÚC	TY	DH11NT
78	11116005	MAI HỒNG	YÊN	DH11NT
79	11141129	TRẦN PHÚ	CƯỜNG	DH11NY
80	11141114	PHAN THỊ NHƯ	HUỲNH	DH11NY
81	11141065	LÊ THỊ DIỄM	HƯƠNG	DH11NY
82	11141083	TRƯƠNG THỊ BẠCH	LÊ	DH11NY
83	11141085	THÁI HẢI	LONG	DH11NY
84	11141076	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	DH11NY
85	11141064	HỒ VĂN HỒNG	QUYÊN	DH11NY
86	11141130	HUỲNH THÁI	SƠN	DH11NY
87	11141090	NGUYỄN DI	THANH	DH11NY
88	11141059	PHÚ DUY	THANH	DH11NY
89	11141002	NGUYỄN HỒNG	YẾN	DH11NY
90	11154011	PHẠM XUÂN	NGUYỄN	DH11OT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00210

Trang 2/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 10

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

19	10169007	HÀ TUẤN	LINH	DH10GN
20	10137029	NGUYỄN TĂNG	THÀNH	DH10NL
21	10116161	NGUYỄN NHƯ	Ý	DH10NT
22	10124151	LA THỊ THANH	PHÚC	DH10QL
23	10124237	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	DH10QL
24	11125133	NGUYỄN THỊ THU	YẾN	DH11BQ
25	11131031	NGÔ THỊ HOÀNG	LAN	DH11CH
26	11131001	NGUYỄN THỊ KHÁNH	MỸ	DH11CH
27	11131040	NGUYỄN ĐÌNH	NGHĨA	DH11CH
28	11131076	LÊ ĐÌNH THẢO	QUYÊN	DH11CH
29	11131066	TRẦN NGUYỄN LỆ	XUÂN	DH11CH
30	11148284	LÂM THỊ NGỌC	CHÂU	DH11DD
31	11148089	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	DH11DD
32	11148307	HÀ THỊ THU	HƯƠNG	DH11DD
33	11148152	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	MY	DH11DD
34	11148169	LÊ THỊ THẢO	NHI	DH11DD
35	11148189	LÊ THU	PHƯƠNG	DH11DD
36	11148038	LỮ THỊ CẨM	THI	DH11DD



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00210

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 10

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11148223	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	DH11DD
38	11148224	BÙI THỊ	THÚY	DH11DD
39	11157136	TRẦN NGUYỄN	HIẾU	DH11DL
40	11157019	ĐÀO THANH	LÂM	DH11DL
41	11142003	ĐỖ THỊ HỒNG	CẨM	DH11DY
42	11142048	PHẠM NGUYỄN THÙY	GIAO	DH11DY
43	11114087	NÔNG THÙY	ÁNH	DH11LN
44	11114001	HUỲNH HUỲNH	DIỀU	DH11LN
45	11114059	NGUYỄN XUÂN HOÀI	THANH	DH11LN
46	11114086	BÙI THỊ KIM	YẾN	DH11LN
47	11146071	VÕ MINH	KHA	DH11NK
48	11146037	MAI THỊ MỸ	NGÂN	DH11NK
49	11141109	LƯU XUÂN	ĐÌNH	DH11NY
50	11141057	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	EM	DH11NY
51	11141103	MAI HOÀNG LÂM	PHÁT	DH11NY
52	11141070	NGUYỄN THỊ NGỌC	THOA	DH11NY
53	11141131	TỪ VÕ KIM	THƯ	DH11NY
54	11141061	TRẦN NHƯ	Ý	DH11NY

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n d a n g 00210

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n H o c : Tin h o c đ a i c u o n g - 10

CBGD: Trầ n Lê Nhự t Quỳ nh (T800)

55	11154025	TRẦN NHẬT	TÂN	DH11OT
56	11149116	ĐÀO THỊ KIM	CÚC	DH11QM
57	11149505	VŨ HUỆ	QUYÊN	DH11QM
58	11149432	PHẠM THỊ TƯỜNG	VI	DH11QM
59	11147115	TRẦN ĐÌNH	CẦU	DH11QR
60	11147124	ĐÌNH VẤN	QUANG	DH11QR
61	11147121	DƯƠNG THU	THẢO	DH11QR
62	11147056	LÊ NGUYỄN	VẤN	DH11QR
63	11161032	BÙI THỊ MỸ	HOÀNG	DH11TA
64	11112053	TRẦN NGỌC TRÂM	ANH	DH11TY
65	11112056	LÊ QUỐC	BẢO	DH11TY
66	11112270	HÀ THANH	DƯƠNG	DH11TY
67	11112076	TÔ HOÀI	DƯƠNG	DH11TY
68	11112080	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	DH11TY
69	11112083	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	DH11TY
70	11112084	NGUYỄN NGỌC HẢI	ĐĂNG	DH11TY
71	11112308	PHAN THANH	HIỀN	DH11TY
72	11112009	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	DH11TY



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00210

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 10

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11112112	CAO VĂN	HƯNG	DH11TY
74	11112114	NGÔ ĐẶNG	HƯỜNG	DH11TY
75	11112116	NGUYỄN TRỌNG	KHA	DH11TY
76	11112137	HUYỀN LÊ ĐỨC	LỘC	DH11TY
77	11112277	LÊ VĂN	MINH	DH11TY
78	11112148	ĐẶNG KIM	NGÂN	DH11TY
79	11112150	HOÀNG VƯƠNG MÃN	NGHI	DH11TY
80	11112279	TỪ BẢO	NGỌC	DH11TY
81	11112162	BÙI THẾ	PHI	DH11TY
82	11112022	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	DH11TY
83	11112170	TRỊNH XUÂN	PHÚC	DH11TY
84	11112173	VÕ NGỌC	PHƯƠNG	DH11TY
85	11112287	TRẦN THỊ TỐ	QUYÊN	DH11TY
86	11112184	NGUYỄN CỬU THÁI	SAN	DH11TY
87	11112189	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH11TY
88	11112191	TRẦN CÔNG	SƠN	DH11TY
89	11112026	NGUYỄN DƯƠNG	TÂM	DH11TY
90	11112288	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	THI	DH11TY

91	11112207	LÂM THỊ MỸ	THÔNG	DH11TY
92	11112237	NGUYỄN VĂN	TÚ	DH11TY
93	11112036	BÙI QUANG	TUẤN	DH11TY
94	11112234	NGUYỄN DUY	TUẤN	DH11TY
95	11112238	BÙI VĂN	TƯ	DH11TY
96	11112239	NGUYỄN THỊ THÚY	UYÊN	DH11TY
97	11112042	PHẠM VŨ THÙY	VÂN	DH11TY
98	11112253	PHAN TUẤN	VŨ	DH11TY
99	11112257	NGUYỄN HOÀNG	Ý	DH11TY
100	11156059	TRẦN HÀ	SƠN	DH11VT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00211

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 11

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	10137043	ĐỖ TRỌNG	NGHĨA	CD11CI
2	11333095	LÊ THANH	PHONG	CD11CQ
3	07153016	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH08CD
4	09117197	TÔ THỊ YẾN	TRINH	DH09CT
5	10145072	NGUYỄN THỊ TUYẾT	LAN	DH10BV
6	10153053	NGUYỄN THIÊN	TÚ	DH10CD
7	10148306	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	DH10DD
8	10148321	HUỲNH THỊ NHƯ	Ý	DH10DD
9	10142019	NGUYỄN THỊ THANH	DUNG	DH10DY
10	10171005	VÕ TẤN NGỌC	CHÂU	DH10KS
11	10124142	CHÂU HUỲNH	NHUNG	DH10QL
12	10124239	NGUYỄN THỊ KIM	TUYẾN	DH10QL
13	10149252	PHAN HOÀNG	VŨ	DH10QM
14	11153025	HUỲNH CÔNG	LÝ	DH11CD
15	11153008	NGUYỄN ĐÌNH	NHƠN	DH11CD
16	11153037	PHAN HIỀN	THẢO	DH11CD
17	11111121	NGUYỄN HÙNG QUỐC	DUY	DH11CN
18	11111120	HỒ VIỆT	SANG	DH11CN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00211

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 11

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

37	11149067	TRẦN THỊ KIM	CHI	DH11QM
38	11149109	PHẠM VĂN	CHIẾN	DH11QM
39	11149113	NGUYỄN VĂN	CHƯƠNG	DH11QM
40	11149117	CAO PHÚ	CƯỜNG	DH11QM
41	11149127	TRẦN THỊ THÙY	DUNG	DH11QM
42	11149135	LÊ VĂN	DŨNG	DH11QM
43	11149136	NGÔ TRUNG	DŨNG	DH11QM
44	11149132	PHAN NHẬT	DUY	DH11QM
45	11149009	TRẦN MỘNG	DUYÊN	DH11QM
46	11149010	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	DH11QM
47	11149134	VÕ NỮ KIM	DUYÊN	DH11QM
48	11149013	TRẦN QUỐC	ĐẠT	DH11QM
49	11149469	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐIỀU	DH11QM
50	11149153	CAO THỊ	GÁI	DH11QM
51	11149156	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	DH11QM
52	11149157	NGUYỄN HOÀNG CẨM	GIAO	DH11QM
53	11149159	NGUYỄN THỊ BẢO	HÀ	DH11QM
54	11149162	LÊ THÀNH	HẢI	DH11QM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n d a n g 00211

Trang 4/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n H o c : Tin h o c đ a i c u o n g - 11

CBGD: Trầ n Lê N h ư Q u y n h (T800)

55	11149166	LÊ NGỌC THANH	HẰNG	DH11QM
56	11149474	ĐẶNG THỊ	HẬU	DH11QM
57	11149015	ĐOÀN THỊ XUÂN	HIỀN	DH11QM
58	11149174	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	DH11QM
59	11149073	VÕ ĐẠI	HIỆP	DH11QM
60	11149180	NGÔ THỊ KIM	HOA	DH11QM
61	11149020	NGUYỄN MINH	HOÀNG	DH11QM
62	11149192	LÊ XUÂN	HỢP	DH11QM
63	11149204	PHAN THANH	HÙNG	DH11QM
64	11149194	NGÔ ĐỨC	HUY	DH11QM
65	11149021	NGUYỄN KHẮC	HUY	DH11QM
66	11149197	ĐOÀN THỊ LỆ	HUYỀN	DH11QM
67	11149208	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH11QM
68	11149210	ĐÀO DUY	KHÁI	DH11QM
69	11149482	NGUYỄN BÁ	KHÁI	DH11QM
70	11149023	HUYỀN THỊ TRÚC	LINH	DH11QM
71	11149218	NGUYỄN TẤN	LINH	DH11QM
72	11149221	TRẦN THỊ THÙY	LINH	DH11QM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00211

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 11

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11149223	LƯƠNG THỊ	LOAN	DH11QM
74	11149227	ĐOÀN PHÚ	LỘC	DH11QM
75	11149228	LÊ ĐỨC	LỢI	DH11QM
76	11149231	TRẦN THANH	LUÂN	DH11QM
77	11149233	ĐẶNG THÀNH	LUẬT	DH11QM
78	11149242	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	MINH	DH11QM
79	11149491	NGUYỄN THỊ QUÝ	MY	DH11QM
80	11149492	PHAN HOÀNG THANH T	MY	DH11QM
81	11149245	VŨU HOÀN HẢI	MY	DH11QM
82	11149027	PHẠM THỊ LÊ	NA	DH11QM
83	11149071	VŨ ĐÌNH	NĂM	DH11QM
84	11149028	VŨ THỊ KIM	NGÂN	DH11QM
85	11149029	PHẠM HOÀNG TRỌNG	NGHĨA	DH11QM
86	11149030	LÊ THANH	NGỌC	DH11QM
87	11149263	LÊ YẾN	NGỌC	DH11QM
88	11149264	NGUYỄN HỒ ANH	NGỌC	DH11QM
89	11149265	PHẠM HỒNG	NGỌC	DH11QM
90	11149266	LƯƠNG PHỤNG	NGUYỄN	DH11QM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n dậ ng 00211

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 11

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

91	11149267	NGUYỄN THỊ	NGUYỄN	DH11QM
92	11149270	TRƯƠNG THỊ THANH	NGUYỆT	DH11QM
93	11149501	CAO THỊ CẨM	NHƯ	DH11QM
94	11149291	BÙI THỊ NGỌC	OANH	DH11QM
95	11149502	VÕ THỊ NGỌC	OANH	DH11QM
96	11149504	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	DH11QM
97	11149304	HỖ CHÂU	QUANG	DH11QM
98	11149309	ĐINH NGỌC	QUÂN	DH11QM
99	11149313	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	DH11QM
100	11149044	NGUYỄN THỊ	SEN	DH11QM
101	11149320	VŨ THỊ	SONG	DH11QM
102	11149507	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	DH11QM
103	11149510	NGUYỄN ANH	TÂN	DH11QM
104	11149345	HUỖNH VĂN	THÁI	DH11QM
105	11149513	NGUYỄN CHÍ	THANH	DH11QM
106	11149330	NGUYỄN THỊ	THANH	DH11QM
107	11149519	VÕ THỊ MINH	THẠNH	DH11QM
108	11149350	NGUYỄN NHÂM	THÂN	DH11QM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00211

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 11

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

109	11149521	VÕ THỊ HỒNG	THỂU	DH11QM
110	11149354	PHẠM TRỊNH MINH	THIỆN	DH11QM
111	11149522	ĐÀO THỊ KIM	THOA	DH11QM
112	11149048	HUYỀN CHÂU NGỌC	THUẬN	DH11QM
113	11149525	LÊ THỊ THU	THÙY	DH11QM
114	11149369	LỤC THỊ THANH	THÙY	DH11QM
115	11149365	NGUYỄN THỊ	THÙY	DH11QM
116	11149049	PHƯƠNG HỒNG	THÙY	DH11QM
117	11149371	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THÚY	DH11QM
118	11149383	PHAN THANH	TÍNH	DH11QM
119	11149051	NGUYỄN MINH	TOÀN	DH11QM
120	11149052	HOA THÙY	TRANG	DH11QM
121	11149389	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	DH11QM
122	11149077	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG	DH11QM
123	11149390	TRẦN THỊ	TRANG	DH11QM
124	11149055	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	DH11QM
125	11149527	NGUYỄN NHẬT	TRINH	DH11QM
126	11149529	HÀ ĐÌNH	TRỌNG	DH11QM

145	11147081	VÕ VĂN	THÀNH	DH11QR
146	11147055	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	DH11QR
147	11160001	TRỊNH PHƯỚC	BÌNH	DH11TK
148	11160041	PHẠM THỊ THÚY	HẰNG	DH11TK
149	11160143	TÔ ĐỨC	THỊNH	DH11TK
150	11160118	NA	VY	DH11TK
151	11156101	VÕ THỊ	HIỆU	DH11VT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00212

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 12

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	11333028	NGUYỄN THÀNH	TẤN	CD11CQ
2	11333045	LÔ VĂN	TRÌNH	CD11CQ
3	11333090	ĐẶNG NGUYỄN QUỐC	TRUNG	CD11CQ
4	11333161	TRẦN THỊ ÁNH	TUYẾT	CD11CQ
5	08125019	LÊ THỊ	CƯƠNG	DH08BQ
6	08125079	TRẦN NGUYỄN QUANG	HUY	DH08BQ
7	08125083	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH08BQ
8	09145012	VI VĂN	CƯỜNG	DH09BV
9	10138055	NGUYỄN LÊ	BẰNG	DH10TD
10	11128014	HỒ THỊ PHƯƠNG	DUNG	DH11AV
11	11128016	TRẦN THỊ MỸ	DUNG	DH11AV
12	11128017	NGUYỄN QUANG	DUY	DH11AV
13	11128020	NGUYỄN THỊ THANH	DUYÊN	DH11AV
14	11128024	NGUYỄN VŨ THÀNH	ĐẠT	DH11AV
15	11128098	PHAN HỒNG	THỦY	DH11AV
16	11128118	HÀ LÊ TƯỜNG	VI	DH11AV
17	11125029	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	DH11BQ
18	11125050	NGUYỄN THỊ	HẠNH	DH11BQ



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00212

Trang 2/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 12

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

19	11125059	PHAN THỊ THU	HƯỜNG	DH11BQ
20	11125010	NGUYỄN THỊ THÚY	NGÂN	DH11BQ
21	11115013	TRẦN ĐÌNH	QUÍ	DH11CB
22	11111068	NGUYỄN THỊ THANH	DIỆU	DH11CN
23	11111075	LÊ XUÂN	HIỀN	DH11CN
24	11111122	PHÙNG MẠNH	HƯNG	DH11CN
25	11111025	DƯƠNG THỊ KIM	PHÚC	DH11CN
26	11111095	NGUYỄN HẢI	YẾN	DH11CN
27	11148056	VY NGỌC	ÂN	DH11DD
28	11148060	ĐOÀN THỊ THU	BÍCH	DH11DD
29	11148068	NGUYỄN THỊ BÍCH	CHI	DH11DD
30	11148069	PHẠM THỊ KIM	CHI	DH11DD
31	11148004	TRẦN THỊ	DIỆM	DH11DD
32	11148316	PHẠM TRÚC	LY	DH11DD
33	11148161	NAY MINH	NGỌC	DH11DD
34	11148218	HUYỀN THỊ NGỌC	THƠ	DH11DD
35	11148228	CHÂU NGỌC ANH	THƯ	DH11DD
36	11148257	ĐỖ THỊ THANH	TUYẾT	DH11DD



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00212

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 12

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11157101	VÕ MINH	DƯƠNG	DH11DL
38	11157008	VŨ THỊ	GIÀU	DH11DL
39	11157017	TRẦN THỊ ÁNH	HUYỀNH	DH11DL
40	11157164	TRẦN SONG	KHÔI	DH11DL
41	11157165	TRƯƠNG VĂN	KHƯƠNG	DH11DL
42	11157193	HUYỀNH VĂN	MỚI	DH11DL
43	11157218	TRẦN LÊ HỒNG	NGỌC	DH11DL
44	11157025	LÊ THỊ	PHƯƠNG	DH11DL
45	11157050	PHẠM NGUYỆT	PHƯƠNG	DH11DL
46	11157313	ĐỖ NGỌC THIÊN	TRANG	DH11DL
47	11142114	PHAN NGUYỄN THANH	TRÚC	DH11DY
48	11169004	NGUYỄN THỊ KIM	HOA	DH11GN
49	11169005	TRƯƠNG NGỌC	MINH	DH11GN
50	11114013	NGUYỄN TẤN	ĐÚ	DH11LN
51	11114073	HỨA QUÝ	LỘC	DH11LN
52	11114062	ĐÀO VĂN	LỢI	DH11LN
53	11114038	VÕ SONG	QUÝ	DH11LN
54	11114026	ĐẶNG TẤN	SĨ	DH11LN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00212

Trang 4/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 12

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	11114075	ĐOÀN THỊ	THE	DH11LN
56	11146059	ĐẶNG THANH	NHÃ	DH11NK
57	11116101	LÊ NGỌC	MÃN	DH11NT
58	11141118	LÊ TRỌNG	NGHĨA	DH11NY
59	11154003	TRẦN NGỌC THIÊN	BẢO	DH11OT
60	11154040	TRƯƠNG CÔNG	HIẾU	DH11OT
61	11149467	LÊ DƯƠNG ANH	ĐÀO	DH11QM
62	11149039	NGUYỄN HỒNG	PHƯỚC	DH11QM
63	11149319	NGUYỄN VIỆT	SANG	DH11QM
64	11147102	ĐẶNG THỊ NGUYỆT	ÁNH	DH11QR
65	11147066	NGUYỄN THÁI	DANH	DH11QR
66	11147138	NGUYỄN VĂN	HIỆP	DH11QR
67	11147153	NGUYỄN CÔNG	KHANH	DH11QR
68	11147180	DƯƠNG THỊ	LÊ	DH11QR
69	11147177	PHAN THANH	QUÍ	DH11QR
70	11147099	LƯƠNG THỊ	TRANG	DH11QR
71	11161016	HỒ VĂN	CÔNG	DH11TA
72	11161089	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	DH11TA



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00212

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 12

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11161030	TRẦN THỊ KIM	HOA	DH11TA
74	11161040	NGUYỄN THỊ	LINH	DH11TA
75	11161043	PHAN TRỌNG	NHÂN	DH11TA
76	11161049	NGUYỄN MINH	SANG	DH11TA
77	11161111	NGUYỄN CÔNG	THỊNH	DH11TA
78	11161061	PHẠM THỊ HỒNG	THƯƠNG	DH11TA
79	11112258	LÊ TUẤN	ANH	DH11TY
80	11112078	TRỊNH XUÂN	DƯƠNG	DH11TY
81	11112011	NGUYỄN NHỰT	KHANG	DH11TY
82	11112018	NGUYỄN KIỀU	MỸ	DH11TY
83	11112174	NGUYỄN HỮU	QUANG	DH11TY
84	11112226	NGUYỄN THỊ MAI	TRÂM	DH11TY
85	11112229	HỒ NGUYỄN TRẦN	TRUNG	DH11TY
86	11112040	NGUYỄN MINH	TUYẾN	DH11TY
87	11156018	ĐẶNG THỊ	ANH	DH11VT
88	11156021	VŨ THỊ HỒNG	ANH	DH11VT
89	11156022	NGÔ THỊ THÙY	ÂN	DH11VT
90	11156037	TÔ NHẬT	KHÔI	DH11VT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00212

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 12

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

91	11156104	NGUYỄN THỊ MỸ	LÊ	DH11VT
92	11156011	NGUYỄN THỊ	LỰA	DH11VT
93	11156010	NGUYỄN THỊ THÚY	LỪNG	DH11VT
94	11156012	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	DH11VT
95	11156061	THỔ THỊ MỸ	TÂM	DH11VT
96	11156114	ĐỖ THỊ	THÀNH	DH11VT
97	11156068	TRẦN THỊ ANH	THƯ	DH11VT
98	11156013	KIỀU	TRANG	DH11VT
99	11156014	ĐỖ THỊ MỸ	TÚ	DH11VT
100	11156086	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	DH11VT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00213

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 13

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	11333014	THÁI THỊ HỒNG	CÚC	CD11CQ
2	11333152	ĐẶNG MINH	HOÀNG	CD11CQ
3	11333096	TRẦN THỊ KIM	PHƯƠNG	CD11CQ
4	08131190	PHAN ĐÌNH	VĨNH	DH08CH
5	08151001	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	DH08DC
6	08142009	NGUYỄN THANH	BÌNH	DH08DY
7	08160028	NGÔ QUANG	DŨNG	DH08TK
8	09151016	NGUYỄN TIẾN	PHÁT	DH09DC
9	09151065	NGUYỄN NGỌC	THÚY	DH09DC
10	10159003	HUỲNH TẤN	PHÁT	DH10AV
11	10125122	LÊ NGỌC HOÀNG	NHUNG	DH10BQ
12	10117200	NGUYỄN KIỀU	THU	DH10CT
13	10157140	TRẦN THỊ NI	NI	DH10DL
14	10157193	CHU HIẾU	TIÊN	DH10DL
15	10127074	TRẦN VŨ	LÂM	DH10MT
16	10127127	CAO TẤN	TÀI	DH10MT
17	10124118	LƯU VĂN	NAM	DH10QL
18	10161038	VÕ THỊ TUYẾT	HOA	DH10TA

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00213

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 13

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

19	10112150	NGUYỄN THANH	SANG	DH10TY
20	11128114	PHẠM NGỌC	TUYỀN	DH11AV
21	11125041	LÊ VĂN	DŨNG	DH11BQ
22	11125042	TRẦN VĂN	DŨNG	DH11BQ
23	11125004	NGUYỄN THỊ	GIANG	DH11BQ
24	11125151	VŨ THỊ THANH	HƯƠNG	DH11BQ
25	11125013	TRẦN THỊ	NINH	DH11BQ
26	11119006	TRẦN VŨ NGÂN	GIANG	DH11CC
27	11119007	NGUYỄN PHƯỚC	HƯNG	DH11CC
28	11119001	NGUYỄN NGỌC	LÂM	DH11CC
29	11119008	HỒ TÀI	LINH	DH11CC
30	11119013	QUÁCH ĐẠI HỒNG	PHÚC	DH11CC
31	11119010	KIỀU VĂN THÁI	SƠN	DH11CC
32	11119011	NGÔ QUANG	THỊNH	DH11CC
33	11153024	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	DH11CD
34	11153028	HUYỀNH NGỌC	TIẾN	DH11CD
35	11131047	LÊ HƯƠNG NGỌC	QUỲNH	DH11CH
36	11131057	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	DH11CH

37	11131005	NGUYỄN NGỌC THẢO	UYÊN	DH11CH
38	11111108	ĐẶNG NGHĨA	NHÂN	DH11CN
39	11111112	MAI TẤN	PHÁT	DH11CN
40	11148290	LƯU THÁI	BẢO	DH11DD
41	11148063	LÊ THỊ HỒNG	CẨM	DH11DD
42	11148066	VƯƠNG THỊ MINH	CHÂU	DH11DD
43	11148309	NGUYỄN THANH	KHUÊ	DH11DD
44	11148178	LÊ THỊ HÀ	NI	DH11DD
45	11148191	LÊ THỊ HỒNG	PHƯỚC	DH11DD
46	11148213	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	DH11DD
47	11148341	NGÔ THỊ BÍCH	TRÂM	DH11DD
48	11148242	PHAN HỒ THỊ BÍCH	TRÂM	DH11DD
49	11148273	TỪ THỊ TƯỜNG	VI	DH11DD
50	11148288	VÕ THỊ	YẾN	DH11DD
51	11157082	PHẠM KIM	CHI	DH11DL
52	11157020	NGUYỄN HOÀNG DIỄM	LINH	DH11DL
53	11157418	TRẦN THỊ KIM	NI	DH11DL
54	11157274	TRẦN NGỌC	THANH	DH11DL



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00213

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 13

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11154033	NGUYỄN VĂN	HÓA	DH11OT
74	11154019	TRƯƠNG HỮU	THIỆN	DH11OT
75	11154052	PHAN THANH	TRUNG	DH11OT
76	11154061	NGUYỄN ANH	TUẤN	DH11OT
77	11149173	NGUYỄN LỆ MINH	HIỀN	DH11QM
78	11149175	NGUYỄN MINH	HIẾU	DH11QM
79	11149074	HOÀNG THỊ DIỄM	HƯƠNG	DH11QM
80	11149253	ĐỖ THỊ THU	NGA	DH11QM
81	11149035	VŨ CẨM	NHUNG	DH11QM
82	11149076	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH11QM
83	11149506	TRƯƠNG THỊ	SANG	DH11QM
84	11149328	LƯƠNG THỊ THANH	TÂM	DH11QM
85	11149393	TRẦN VĂN	TRẠM	DH11QM
86	11149388	LÃ THỊ HUYỀN	TRANG	DH11QM
87	11149399	NGUYỄN THỊ THÙY	TRINH	DH11QM
88	11149451	TRẦN NGỌC HẢI	YẾN	DH11QM
89	11147103	TƯỜNG VĂN	CHÍ	DH11QR
90	11147097	TRẦN THỊ	DINH	DH11QR



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00213

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học c : Tin học đại cương - 13

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

91	11147018	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH11QR
92	11147028	LÊ THỊ	MAI	DH11QR
93	11147034	TRẦN QUỐC	NGHĨA	DH11QR
94	11147003	HÀ CÔNG	THÀNH	DH11QR
95	11161080	TRẦN THỊ THANH	THÚY	DH11TA
96	11161060	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	DH11TA
97	11161083	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	DH11TA
98	11161007	PHÙNG TUYẾT	VÂN	DH11TA
99	11112163	LÊ VÕ TUẤN	PHONG	DH11TY
100	11112250	NGUYỄN CÔNG	VINH	DH11TY



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00214

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 14

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	10329011	LÊ THỊ HƯƠNG	GIANG	CD10TH
2	10329016	TRẦN THỊ	HƯƠNG	CD10TH
3	10329023	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGA	CD10TH
4	10329027	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	NHI	CD10TH
5	11344064	LÊ GIA	HUẤN	CD11CI
6	11344056	NGUYỄN VĂN	LÂN	CD11CI
7	11344044	NGUYỄN QUANG	THIỀU	CD11CI
8	11333012	NGUYỄN TRƯỜNG	CHINH	CD11CQ
9	11333015	TRẦN THỊ THU	CÚC	CD11CQ
10	11333027	TRẦN QUỐC	ĐẠI	CD11CQ
11	11333212	HOÀNG THỊ	HÀ	CD11CQ
12	11333178	HÀ NHƯ	HUYỀN	CD11CQ
13	11333076	ĐẶNG HOÀNG	MINH	CD11CQ
14	11333157	NGUYỄN TẤT	THÀNH	CD11CQ
15	11333206	LÊ THỊ THÙY	TRANG	CD11CQ
16	11333125	HUYỀN THỊ MAI	TRINH	CD11CQ
17	10130006	NGUYỄN ĐÌNH	BÌNH	CD11TH
18	07145202	NGUYỄN VĂN	QUỐC	DH08BV



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00214

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 14

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11128122	NGUYỄN THỊ THÙY	LOAN	DH11AV
38	11128058	PHẠM THỊ MỸ	LOAN	DH11AV
39	11128066	MA NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	DH11AV
40	11128068	NGUYỄN THỊ	NGỌC	DH11AV
41	11128082	PHẠM THỊ THÙY	NHUNG	DH11AV
42	11128091	ĐÌNH BÁ	THANH	DH11AV
43	11128095	TRẦN THỊ NHƯ	THƠ	DH11AV
44	11128129	HUYỀN THỊ THANH	THÚY	DH11AV
45	11128099	NGUYỄN ANH	THƯ	DH11AV
46	11128131	NGÔ THỊ	THƯƠNG	DH11AV
47	11128107	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	TRÂN	DH11AV
48	11128113	LÊ THỊ	TUYỀN	DH11AV
49	11159004	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	DH11AV
50	11125007	NGUYỄN MINH	HIỀN	DH11BQ
51	11125063	NGUYỄN THỊ THÚY	KIỀU	DH11BQ
52	11125083	DƯƠNG THỊ KIỀU	OANH	DH11BQ
53	11125100	HOÀNG THỊ	THỜI	DH11BQ
54	11125112	HOÀNG THỊ	TỐT	DH11BQ



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00214

Trang 4/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 14

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

55	11125172	NGUYỄN THỊ	TRINH	DH11BQ
56	11125127	PHÙNG THẾ	VINH	DH11BQ
57	11137006	TRẦN VĂN	KHANH	DH11CC
58	11118002	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	DH11CC
59	11153006	HUỲNH VŨ	AN	DH11CD
60	11153018	ĐÌNH PHÚC	ĐẠI	DH11CD
61	11137002	LÊ NGỌC	ĐỨC	DH11CD
62	11153023	TRẦN QUỐC	HIỆP	DH11CD
63	11153007	UNG MINH	HOAN	DH11CD
64	11153003	NGUYỄN XUÂN	HUY	DH11CD
65	11153019	LÊ HOÀNG	KHẢI	DH11CD
66	11137008	ĐẶNG PHÚC	LỘC	DH11CD
67	11153036	NGUYỄN HỮU	LUÂN	DH11CD
68	11137001	NGUYỄN MINH	PHÁT	DH11CD
69	11153035	TRẦN HOÀNG	QUỐC	DH11CD
70	11153014	TRẦN QUỐC	TỈNH	DH11CD
71	11153010	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	DH11CD
72	11131019	NGUYỄN THỊ	HẰNG	DH11CH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00214

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 14

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11148020	HÌNH ỨC	PHƯƠNG	DH11DD
74	11148207	CHU THỊ THANH	THẢO	DH11DD
75	11148227	TRẦN THỊ THANH	THÚY	DH11DD
76	11157118	VŨ THỊ THU	HÀ	DH11DL
77	11157126	ĐÀO THỊ MAI	HẰNG	DH11DL
78	11157223	PHẠM THỊ THANH	NGUYỄN	DH11DL
79	11157420	VÕ NGỌC	PHONG	DH11DL
80	11142036	NGUYỄN NGỌC KIM	CHÂU	DH11DY
81	11134012	HUYỀN NGỌC	PHƯƠNG	DH11GB
82	11169019	NGÔ DUY	ĐÔNG	DH11GN
83	11169013	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	DH11GN
84	11169011	ĐINH THỊ THU	VÂN	DH11GN
85	11116110	ĐẶNG THÀNH	NGUYỄN	DH11NT
86	11116077	LÊ BÁ	THÀNH	DH11NT
87	11116080	ĐẶNG HOÀNG	THẮNG	DH11NT
88	11116088	NGUYỄN HỮU	TÔN	DH11NT
89	11141055	NGUYỄN THỊ	ĐAN	DH11NY
90	11141089	VŨ THANH	TÀI	DH11NY



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00214

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 14

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

91	11154001	TRẦN THẾ	AN	DH11OT
92	11154002	NGUYỄN TUẤN	ANH	DH11OT
93	11154004	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	DH11OT
94	11154027	NGUYỄN VĂN	DINH	DH11OT
95	11154029	TRẦN ANH	DU	DH11OT
96	11154030	NGUYỄN BÌNH	DƯƠNG	DH11OT
97	11154006	ĐOÀN MINH	HIẾU	DH11OT
98	11154032	VŨ THANH	HIẾU	DH11OT
99	11154007	ĐẶNG MINH	HOÀNG	DH11OT
100	11154056	NGUYỄN TÂM	HỌC	DH11OT
101	11154035	LÊ HUY	HÙNG	DH11OT
102	11154063	TRẦN HOÀNG	HUY	DH11OT
103	11154057	NGÔ TRÍ	HỮU	DH11OT
104	11154038	NGUYỄN CAO VĨNH	KHƯƠNG	DH11OT
105	11154060	ĐOÀN THẾ	LUÂN	DH11OT
106	11154042	NGÔ HOÀNG	LUÂN	DH11OT
107	11154009	ĐINH CÔNG	LỰC	DH11OT
108	11154045	CHU ĐỨC	MINH	DH11OT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00214

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 14

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

109	11154010	NÔNG TRỌNG	NGHĨA	DH11OT
110	11154028	LÊ ANH	NGUYỄN	DH11OT
111	11154012	NGUYỄN THANH	PHONG	DH11OT
112	11154014	UNG NGỌC	QUÝ	DH11OT
113	11154013	NGÔ VĂN	QUYẾT	DH11OT
114	11154049	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH11OT
115	11154043	TRẦN ĐỨC	TÀI	DH11OT
116	11154018	DƯƠNG HỒNG	THANH	DH11OT
117	11154044	TRẦN MINH	THANH	DH11OT
118	11154058	LÊ VĂN	THÀNH	DH11OT
119	11154048	BÙI MINH	THIỆN	DH11OT
120	11154062	NGUYỄN MINH	TIẾN	DH11OT
121	11154020	VŨ TRẦN	TIẾN	DH11OT
122	11154031	NGUYỄN CHÍ	TRAI	DH11OT
123	11154021	ĐẶNG QUỐC	TRÍ	DH11OT
124	11154034	ĐINH QUỐC	TRUNG	DH11OT
125	11154053	HUYỀN THANH	TÙNG	DH11OT
126	11149079	NGUYỄN VĂN	AN	DH11QM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00214

Trang 9/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 14

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

145	11112105	NGUYỄN THÁI	HÒA	DH11TY
146	11112032	VÕ LÊ	THUẬN	DH11TY
147	11112211	TRẦN NGỌC	THUẬN	DH11TY
148	11112296	HOÀNG VĂN	TÙNG	DH11TY
149	11156020	MAI PHƯƠNG	ANH	DH11VT
150	11156098	NGUYỄN THỊ MỸ	DIỄM	DH11VT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00215

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 15

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	11333047	BÙI THỊ TUYẾT	HOA	CD11CQ
2	07127053	NGUYỄN MINH	HOÀNG	DH08MT
3	07149063	NGUYỄN HOÀNG	LIÊN	DH08QM
4	10124033	TRẦN VĂN	DŨNG	DH10QL
5	10124207	TRẦN MINH	TIẾN	DH10QL
6	11125124	ĐÌNH NGỌC	TÚ	DH11BQ
7	11137004	BÙI MẠNH	HÙNG	DH11CC
8	11111044	DƯƠNG QUỐC	ĐẠT	DH11CN
9	11111077	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	DH11CN
10	11111104	NGUYỄN CAO	LẦU	DH11CN
11	11111082	NGUYỄN TUẤN	LINH	DH11CN
12	11111012	LÂM VĂN	NHẤT	DH11CN
13	11111048	LÊ MINH	TRÍ	DH11CN
14	11111094	TRẦN THANH	TÚ	DH11CN
15	11148098	NGUYỄN THỊ	HÀ	DH11DD
16	11148121	VÔ THỊ	HUYỀN	DH11DD
17	11148143	HỒ PHI	LONG	DH11DD
18	11157079	LÊ NGỌC	CHÂU	DH11DL

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00215

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 15

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

19	11157383	TRẢO VĂN	CHƯƠNG	DH11DL
20	11157083	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	DH11DL
21	11157384	NGUYỄN NGỌC	CƯỜNG	DH11DL
22	11157088	SÁI ANH	CƯỜNG	DH11DL
23	11157386	TRẦN THỊ BÍCH	DÂN	DH11DL
24	11157099	NGUYỄN NGỌC THÙY	DƯƠNG	DH11DL
25	11157100	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH11DL
26	11157107	NGUYỄN THỊ	ĐÀO	DH11DL
27	11157010	ĐOÀN THỊ THU	HÀ	DH11DL
28	11157451	MÃ THỊ	HẠNH	DH11DL
29	11157396	HUỲNH THỊ THANH	HẰNG	DH11DL
30	11157398	NGUYỄN THÀNH	HÂN	DH11DL
31	11157140	ĐẶNG THỊ BẢO	HOÀNG	DH11DL
32	11157452	TRƯƠNG THỊ	HỘI	DH11DL
33	11157145	HOÀNG THỊ	HUỆ	DH11DL
34	11157152	LÊ CAO THANH	HÙNG	DH11DL
35	11157149	NGUYỄN VŨ HOÀNG	HUY	DH11DL
36	11157160	NGUYỄN XUÂN	KHANH	DH11DL



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00215

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 15

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

37	11157162	ĐÀO ĐÌNH	KHÁNH	DH11DL
38	11157163	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	KHÁNH	DH11DL
39	11157167	HUỲNH THỊ	KIỀU	DH11DL
40	11157168	VÕ THỊ DIỄM	KIỀU	DH11DL
41	11157181	TRỊNH THỊ ÁI	LINH	DH11DL
42	11157408	HỒ HUỲNH	LONG	DH11DL
43	11157191	NGUYỄN TĂNG	MẾN	DH11DL
44	11157205	HUỲNH NHƯ	NGÂN	DH11DL
45	11157210	LÊ MÃN	NGHI	DH11DL
46	11157211	HỒ NGỌC	NGHĨA	DH11DL
47	11157375	NGUYỄN THỊ THÚY	NGỌC	DH11DL
48	11157376	NGUYỄN HOÀNG THẢO	NGUYỄN	DH11DL
49	11157415	HỒ THỊ ẢNH	NGUYỆT	DH11DL
50	11157228	TRẦN THỊ KIỀU	NHI	DH11DL
51	11157377	ĐẶNG THỊ	NHUNG	DH11DL
52	11157416	LÊ THỊ MỸ	NHUNG	DH11DL
53	11157239	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	DH11DL
54	11157419	PHẠM THỊ MỸ	OANH	DH11DL

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00215

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 15

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

55	11157242	TRẦN NGỌC	PHÁT	DH11DL
56	11157024	ĐÌNH VĂN	PHONG	DH11DL
57	11157256	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯỢNG	DH11DL
58	11157260	TRINH THỊ LỆ	QUYÊN	DH11DL
59	11157269	NGUYỄN VĂN TẤN	TÀI	DH11DL
60	11157283	VŨ THỊ THANH	THẢO	DH11DL
61	11157289	TÔ HỮU	THIỆN	DH11DL
62	11157030	HÀ THỊ	THƠM	DH11DL
63	11157295	NGUYỄN CẨM	THUY	DH11DL
64	11157062	TRƯƠNG THỊ THANH	THÚY	DH11DL
65	11157303	BÙI THỊ	THƯỜNG	DH11DL
66	11157435	LÊ ĐÌNH	TIẾN	DH11DL
67	11157311	LÊ MINH	TOÀN	DH11DL
68	11157315	HOÀNG THỊ MINH	TRANG	DH11DL
69	11157322	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	DH11DL
70	11157037	NGUYỄN THỊ HOA	TRÂM	DH11DL
71	11157038	NGUYỄN THỊ THỦY	TRIỀU	DH11DL
72	11157040	NGUYỄN THỊ LỆ	TRINH	DH11DL



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00215

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 15

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11157339	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRÚC	DH11DL
74	11157340	TRƯƠNG THANH	TRÚC	DH11DL
75	11157341	PHẠM THỊ NGỌC	TRƯỜNG	DH11DL
76	11157043	PHAN NGỌC	TUẤN	DH11DL
77	11157346	DƯƠNG TRỌNG	TUỆ	DH11DL
78	11157351	BÙI MINH	TÙNG	DH11DL
79	11157044	NGUYỄN THANH	TUYỀN	DH11DL
80	11157357	PHẠM THỊ BÍCH	VÂN	DH11DL
81	11157360	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	DH11DL
82	11157045	TRẦN THỊ LÂM	VIÊN	DH11DL
83	11157365	NGUYỄN THỊ THÙY	VƯƠNG	DH11DL
84	11157367	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	DH11DL
85	11157368	HỒNG HOA	XINH	DH11DL
86	11157369	ĐẶNG THỊ	XUÂN	DH11DL
87	11114030	PHẠM THỊ THU	DIỄM	DH11LN
88	11114034	NGUYỄN VĂN	LUÂN	DH11LN
89	11114003	TRƯƠNG TRẦN MINH	PHÁT	DH11LN
90	11149340	NGUYỄN THU	THẢO	DH11QM



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00215

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học c : Tin học đại cương - 15

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

91	11147008	NGUYỄN ĐĂNG THANH	DUY	DH11QR
92	11160047	VÕ BÁ	HOÀNG	DH11TK
93	11160049	PHAN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH11TK
94	11160003	PHAN ANH	KHOA	DH11TK
95	11160010	LÊ THANH	TÀI	DH11TK
96	11160139	THÁI BÁ	THÀNH	DH11TK
97	11112006	LÊ VĂN	DƯƠNG	DH11TY
98	11112091	NGUYỄN LÊ TRƯỜNG	HẢI	DH11TY
99	11156005	ĐÀO THỊ TÂM	HẠNH	DH11VT
100	11156043	VÕ THỊ THẢO	LY	DH11VT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00216

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 16

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	09124039	ĐẶNG HOÀNG	KHƯƠNG	CD10CQ
2	11333007	UNG VĂN	BÀNG	CD11CQ
3	11333006	LỮ LÝ	BÌNH	CD11CQ
4	11333130	NGUYỄN ĐÌNH	ĐĂNG	CD11CQ
5	11333032	LƯƠNG TRỌNG	ĐẾN	CD11CQ
6	11333151	PHAN THỊ	HIỆP	CD11CQ
7	11333005	NGUYỄN	HOÀNG	CD11CQ
8	11333054	LÊ DIỄM	MY	CD11CQ
9	11333193	TRẦN HUỖNH	QUÝ	CD11CQ
10	11333153	NGUYỄN THỊ MINH	THẢO	CD11CQ
11	11333118	NGUYỄN KHẮC	TIẾN	CD11CQ
12	11333030	NGUYỄN	VŨ	CD11CQ
13	07111224	LÊ NGỌC	PHI	DH08TA
14	09128064	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	DH09AV
15	09145054	TRƯƠNG QUỐC	LÂM	DH09BV
16	09145095	LÂM THỊ THANH	TÂM	DH09BV
17	09117190	NGUYỄN THÀNH	TOÁN	DH09CT
18	09124010	NGUYỄN SỸ	DŨNG	DH09QL

19	10145038	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	DH10BV
20	10145046	HOÀNG THỊ	HIỀN	DH10BV
21	10145047	PHẠM THỊ DIỄM	HIỀN	DH10BV
22	10117173	NGÔ HOÀNG	TÂM	DH10CT
23	10157153	NGÔ MINH	QUÂN	DH10DL
24	10157211	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	DH10DL
25	10130086	NGUYỄN NGỌC	THUẬN	DH10DT
26	10124205	PHẠM NGỌC	TIẾN	DH10QL
27	10135142	LÊ TUẤN	VŨ	DH10TB
28	11128067	LÂM BỘI	NGỌC	DH11AV
29	11128081	LẠI THỊ NGỌC	NHUNG	DH11AV
30	11125020	NGÔ THỊ NGỌC	ÁNH	DH11BQ
31	11125066	BÀN THỊ	LAN	DH11BQ
32	11125023	NGUYỄN MINH	TRÍ	DH11BQ
33	11153034	ĐẶNG TRUNG	NGHĨA	DH11CD
34	11153009	VÕ MINH	PHƯƠNG	DH11CD
35	11118009	NGUYỄN THÁI	TÌNH	DH11CD
36	11111020	NGUYỄN ĐỨC	DUY	DH11CN

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00216

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Tin học đại cương - 16

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11111001	TRẦN KHIÊM	THỨC	DH11CN
38	11148219	LÊ THỊ	THU	DH11DD
39	11157385	TRẦN ANH	DANH	DH11DL
40	11157056	LƯƠNG MINH	DIỆU	DH11DL
41	11157018	NGUYỄN MINH THÙY	KHANH	DH11DL
42	11157039	HUỲNH ĐẶNG DIỄM	TRINH	DH11DL
43	11157442	NGUYỄN PHƯỚC	TUẤN	DH11DL
44	11171088	ĐOÀN KHANG	TRANG	DH11KS
45	11114053	KSOR	THỨC	DH11LN
46	11114058	TRẦN THANH	TÙNG	DH11LN
47	11141031	NGUYỄN CHÍ	BÌNH	DH11NY
48	11141079	ĐÀO HOÀNG HỒNG	DIỆP	DH11NY
49	11141097	VÕ PHƯƠNG	HẢO	DH11NY
50	11141009	HÀ THỊ	HUYỀN	DH11NY
51	11141098	TRẦN THỊ MAI	HUYỀN	DH11NY
52	11141013	ĐẶNG THỊ THÚY	KIỀU	DH11NY
53	11141051	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	DH11NY
54	11141102	NGUYỄN THANH	LÂM	DH11NY

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00216

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 16

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	11141084	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	DH11NY
56	11141116	TRƯƠNG THỊ THẢO	LINH	DH11NY
57	11141016	TRẦN THỊ MỸ	LUYẾN	DH11NY
58	11141119	NGUYỄN TRẦN NHƯ	NGỌC	DH11NY
59	11141073	LÊ ANH	TUẤN	DH11NY
60	11149001	NGUYỄN THỊ THU	AN	DH11QM
61	11149081	BÙI NGỌC	ANH	DH11QM
62	11149072	PHẠM THỊ	ÁNH	DH11QM
63	11149463	HỒ CÔNG	CƯƠNG	DH11QM
64	11149142	LÊ MINH	DỪNG	DH11QM
65	11149011	NGUYỄN LINH	DƯƠNG	DH11QM
66	11149587	PHẠM THANH	DƯƠNG	DH11QM
67	11149475	LÊ THÁI	HIỀN	DH11QM
68	11149017	NGUYỄN VĂN	HIẾU	DH11QM
69	11149485	NGUYỄN THỊ	LỆ	DH11QM
70	11149234	LÊ THỊ KIM	LUYẾN	DH11QM
71	11149244	ĐỖ VŨ THẢO	MY	DH11QM
72	11149268	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYỄN	DH11QM



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00216

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 16

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11149277	LÊ THỊ	NHI	DH11QM
74	11149500	ĐẶNG THỊ KIM	NHỊ	DH11QM
75	11149585	THÔNG THỊ THU	NHỮNG	DH11QM
76	11149284	HUYỀN THỊ CẨM	NHƯ	DH11QM
77	11149290	PHẠM THỊ	NƯƠNG	DH11QM
78	11149040	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH11QM
79	11149045	ĐINH ĐẶNG HOÀNG	SƠN	DH11QM
80	11149379	TRẦN VĂN	TIẾN	DH11QM
81	11149382	NGUYỄN THANH	TÌNH	DH11QM
82	11149397	HUYỀN THỊ HUYỀN	TRÂN	DH11QM
83	11149588	LÊ THỊ HUYỀN	TRÂN	DH11QM
84	11149589	VÕ CHÍ	TUY	DH11QM
85	11149426	LÊ THỊ TÚ	UYÊN	DH11QM
86	11149437	NGUYỄN HUỲNH THANH	VỖ	DH11QM
87	11149537	LÊ HOÀNG PHONG	VŨ	DH11QM
88	11149065	HỒ THỊ NGỌC	YẾN	DH11QM
89	11147043	NGUYỄN QUANG	SÁNG	DH11QR
90	11147178	NGUYỄN PHẠM QUỐC	TUẤN	DH11QR

91	11161094	HÀ VĨNH	HƯNG	DH11TA
92	11161108	ĐÌNH THỊ THANH	THẢO	DH11TA
93	11161057	KIÊN VĂN	THẾ	DH11TA
94	11161074	TRẦN ĐĂNG BẢO	VĂN	DH11TA
95	11160058	LÊ TRẦN	LONG	DH11TK
96	11160134	LÊ ĐỨC	MẠNH	DH11TK
97	11112269	NGUYỄN BẢO	DUY	DH11TY
98	11112136	NGUYỄN BẢO	LONG	DH11TY
99	11112232	HÀ THANH	TUẤN	DH11TY



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00217

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 17

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	09333087	NGUYỄN THỊ KIỀU	MY	CD09CQ
2	08111026	HỒ CẢNH	NHỰT	DH08CN
3	08160152	LÊ THỊ	THU	DH08TK
4	08160176	NGUYỄN TẤN	TRUNG	DH08TK
5	09113225	DAMDINSUREN	GERELMA	DH09NH
6	09124094	TRẦN THỊ YẾN	THU	DH09QL
7	10145189	THỊ	HỒNG	DH10BV
8	10130097	LÊ THANH	TÙNG	DH10DT
9	10142032	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	DH10DY
10	10127021	TRÀ NGÔ XUÂN	DIỆU	DH10MT
11	10141030	NGUYỄN MAI	NGHI	DH10NY
12	10124051	TRẦN VŨ	HẠN	DH10QL
13	10124126	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	DH10QL
14	10112199	PHẠM MINH	TIẾN	DH10TY
15	10112200	THÁI XUÂN	TIẾN	DH10TY
16	10156034	LÊ TIẾN	KHOA	DH10VT
17	10156049	LÊ MỸ	NGỌC	DH10VT
18	10156051	ĐỖ NGUYỄN	NHẤT	DH10VT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00217

Trang 2/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 17

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

19	11128086	ĐOÀN NGỌC TRÚC	QUỲNH	DH11AV
20	11125035	CAO THỊ THÙY	DUNG	DH11BQ
21	11125078	NGUYỄN THỊ	NGỌC	DH11BQ
22	11125012	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHI	DH11BQ
23	11118001	ĐÀO THANH	HUY	DH11CC
24	11118006	PHẠM TẤN	THÀNH	DH11CC
25	11118005	MAO THANH	THUẬN	DH11CC
26	11118007	LÊ SỸ	THỊNH	DH11CK
27	11111036	ĐỖ TẤN	DƯƠNG	DH11CN
28	11111080	ĐÀM THỊ	PHƯƠNG	DH11CN
29	11148125	TRẦN THỊ	HƯƠNG	DH11DD
30	11148310	BÙI THỊ	LIÊU	DH11DD
31	11148151	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	DH11DD
32	11148173	PHẠM HUỲNH NGỌC	NHI	DH11DD
33	11148179	NGUYỄN THỊ	NƠ	DH11DD
34	11148225	ĐOÀN THỊ	THÚY	DH11DD
35	11148048	PHAN THỊ	YẾN	DH11DD
36	11157003	ĐỖ ĐĂNG	CƯƠNG	DH11DL



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00217

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Tin học đại cương - 17

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11157423	HỒ THỊ XUÂN	QUỲNH	DH11DL
38	11157380	PHẠM MINH	TÂM	DH11DL
39	11157035	LÊ THỊ THỦY	TIÊN	DH11DL
40	11169026	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH11GN
41	11169016	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	DH11GN
42	11114077	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	DH11LN
43	11146042	PHẠM HOÀNG	THƯƠNG	DH11NK
44	11146044	TRẦN VĂN	TRƯỜNG	DH11NK
45	11146031	PHẠM VĂN	TÙNG	DH11NK
46	11141104	TRẦN THỊ KIM	BÍCH	DH11NY
47	11141133	TRỊNH THỊ THẢO	NGUYỄN	DH11NY
48	11141047	TRẦN THỊ KIM	NHUNG	DH11NY
49	11141053	ĐẶNG THỊ THÙY	TRANG	DH11NY
50	11149098	NGUYỄN LÊ THÁI	BÌNH	DH11QM
51	11149100	VÕ THỊ DIỆU	BÌNH	DH11QM
52	11149106	PHẠM THỊ KIM	CHI	DH11QM
53	11149108	VŨ NGUYỄN LỆ	CHI	DH11QM
54	11149466	LÊ VIỆT	DŨNG	DH11QM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00217

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 17

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	11149138	PHAN QUÍ	DŨNG	DH11QM
56	11149143	VÕ CÔNG	ĐẠI	DH11QM
57	11149012	HOÀNG THỊ ANH	ĐÀO	DH11QM
58	11149148	TRẦN VĂN	ĐẠT	DH11QM
59	11149155	NGUYỄN CHÂU	GIANG	DH11QM
60	11149014	NGUYỄN NA	GIN	DH11QM
61	11149472	VÕ VĂN	HẠ	DH11QM
62	11149168	NGUYỄN CÔNG	HẬU	DH11QM
63	11149183	ĐỖ HỮU	HOÀNG	DH11QM
64	11149203	NGUYỄN NGỌC HIẾU	HÙNG	DH11QM
65	11149205	TRẦN QUANG	HÙNG	DH11QM
66	11149480	NGUYỄN THỊ NHƯ	HUYỀNH	DH11QM
67	11149481	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	DH11QM
68	11149022	CA THỊ HỒNG	LÊ	DH11QM
69	11149488	LÊ ĐỨC	LĨNH	DH11QM
70	11149238	NGUYỄN VĂN	MẠNH	DH11QM
71	11149494	TRẦN THỊ THÚY	NGÂN	DH11QM
72	11149031	NGUYỄN HỒNG BẢO	NGỌC	DH11QM

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n dậ ng 00217

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Tin họ c đạ i cương - 17

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

73	11149495	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	DH11QM
74	11149075	VÕ THỊ	NHẠ	DH11QM
75	11149292	NGUYỄN TẤN	PHÁT	DH11QM
76	11149301	NGUYỄN VIỆT HOÀI	PHƯƠNG	DH11QM
77	11149303	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	DH11QM
78	11149041	TRẦN ĐỨC	QUÂN	DH11QM
79	11149509	TRẦN THỊ THANH	TÂM	DH11QM
80	11149514	TRƯƠNG MINH	THANH	DH11QM
81	11149455	NGUYỄN HỮU	THÀNH	DH11QM
82	11149337	LÊ THỊ THANH	THẢO	DH11QM
83	11149341	TRẦN THỊ	THẢO	DH11QM
84	11149343	TRẦN VĂN	THẢO	DH11QM
85	11149520	NGUYỄN VĂN	THẮNG	DH11QM
86	11149357	TRẦN BÁ	THÔNG	DH11QM
87	11149358	LÊ THỊ KIM	THU	DH11QM
88	11149378	NGUYỄN VĂN	TIẾN	DH11QM
89	11149385	NGÔ MINH	TOÀN	DH11QM
90	11149054	TẠ KIỀU	TRANG	DH11QM

91	11149419	TRỊNH QUỐC	TUẤN	DH11QM
92	11149078	PHẠM THỊ THẢO	VÂN	DH11QM
93	11149433	HỒ TẤN	VINH	DH11QM
94	11149435	NGUYỄN TẤN	VINH	DH11QM
95	11149447	NGUYỄN THỊ KIM	XUYỄN	DH11QM
96	11149452	LÝ THỊ NHƯ	Ý	DH11QM
97	11147156	PHAN THỊ	LƯƠNG	DH11QR
98	11147105	PHẠM CHÂU	TUẤN	DH11QR
99	11161090	PHẠM VŨ	HẢO	DH11TA
100	11161115	BÙI CÔNG	TỊNH	DH11TA



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00507

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Cơ sở dữ liệ u đạ i cương - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

1	07333161	TRƯƠNG THIÊN	THỜI	CD08CQ
2	09333058	THÁI VĂN	HÙNG	CD09CQ
3	09333079	HOÀNG MINH	LUÂN	CD09CQ
4	09333109	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	CD09CQ
5	09333113	TRẦN HỒNG	PHƯƠNG	CD09CQ
6	09333127	LÊ THÀNH	TÀI	CD09CQ
7	09333169	NGUYỄN NGỌC ANH	TUẤN	CD09CQ
8	10333050	LÊ THỊ KIỀU	LOAN	CD10CQ
9	10333160	LÊ THỊ TRÚC	MƠ	CD10CQ
10	10333108	HUYỀN AN	PHƯỚC	CD10CQ
11	10333087	ĐÌNH KIM	THUẬN	CD10CQ
12	10333088	TRẦN THỊ NGỌC	THUÊ	CD10CQ
13	10333081	MAI PHƯỚC	TỈNH	CD10CQ
14	10333095	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	CD10CQ
15	11333006	LỮ LÝ	BÌNH	CD11CQ
16	11333032	LƯƠNG TRỌNG	ĐẾN	CD11CQ
17	11333152	ĐẶNG MINH	HOÀNG	CD11CQ
18	10135047	HOÀNG	KHẢI	CD11CQ

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00507

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Cơ sở dữ liệ u đạ i cương - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

37	10124133	HỨA THỊ NGỌC	NHÂN	DH10QL
38	10124172	HUỲNH HOÀNG	THAO	DH10QL
39	10124184	TRẦN LƯU VĨNH	THI	DH10QL
40	10124193	NGUYỄN HOÀI	THU	DH10QL
41	10124211	LÊ THỊ	TRANG	DH10QL
42	10124227	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	DH10QL
43	10124243	NGUYỄN MẠNH	TƯỜNG	DH10QL
44	10135003	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	DH10TB
45	10135009	NGUYỄN THỊ ÁNH	CHUNG	DH10TB
46	10135011	HUỲNH PHÚ	CƯỜNG	DH10TB
47	10135015	ĐẶNG THỊ NGỌC	DUNG	DH10TB
48	10135018	TRẦN THỊ NGỌC	DIỆP	DH10TB
49	10135023	NGUYỄN VIỆT THU	HÀ	DH10TB
50	10135033	VƯƠNG THỊ	HIỀN	DH10TB
51	10135034	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HIẾU	DH10TB
52	10135035	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	DH10TB
53	10135037	NGUYỄN THỊ	HOA	DH10TB
54	10135039	PHẠM THỊ	HOÀI	DH10TB

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00507

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cơ sở dữ liệu địa phương - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

55	10135050	NGUYỄN NGỌC	LÂM	DH10TB
56	10135059	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	DH10TB
57	10135064	NGUYỄN ĐẠI	NAM	DH10TB
58	10135065	PHẠM NGUYỄN HOÀI	NAM	DH10TB
59	10135001	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH10TB
60	10135069	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	DH10TB
61	10135072	TRỊNH HOÀNG	NGHĨA	DH10TB
62	10135079	HỒ NGỌC	NƯỞNG	DH10TB
63	10135088	PHẠM HOÀNG KIM	QUÝ	DH10TB
64	10135093	VŨ NGUYỄN THANH	THANH	DH10TB
65	10135098	HOÀNG CHÍ	THIỆN	DH10TB
66	10135105	NGUYỄN PHẠM ANH	THƯ	DH10TB
67	10135108	NGUYỄN HỮU	TIẾN	DH10TB
68	10135116	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	DH10TB
69	10151091	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	DH10TB
70	10135122	NGUYỄN THỊ THANH	TRÂM	DH10TB
71	10135125	ĐOÀN NGUYỄN XUÂN	TRÍ	DH10TB
72	10135123	VŨ THỊ NGỌC	TRINH	DH10TB



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00507

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Cơ sở dữ liệu cơ sở - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	10135131	KHUU QUỐC	TÚ	DH10TB
74	10135132	NGUYỄN NGỌC	TÚ	DH10TB
75	10135128	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	DH10TB
76	10135129	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	DH10TB
77	10135136	TRẦN NHƯ	UYÊN	DH10TB
78	10135144	HUỲNH MINH	VƯƠNG	DH10TB
79	10135145	HỒ ĐĂNG	XUÂN	DH10TB
80	10135147	TRỊNH THỊ NGỌC	YẾN	DH10TB
81	11151022	LÊ TUẤN	ANH	DH11DC
82	11151061	ĐẶNG THỊ	CƯƠNG	DH11DC
83	11151073	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	DH11DC
84	11151054	NGUYỄN THỊ	HÒA	DH11DC
85	11151079	TẶNG MỸ	HOÀNG	DH11DC
86	11151003	NGUYỄN QUỐC	HỢP	DH11DC
87	11151004	NGUYỄN LÊ KHÁNH	HÙNG	DH11DC
88	11151021	PHAN THÀNH	LONG	DH11DC
89	11151013	NGUYỄN ĐỨC	LỢI	DH11DC
90	11151071	NGUYỄN TẤN	LỰC	DH11DC

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00507

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Cơ sở dữ liệ u đạ i cương - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

91	11151067	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	DH11DC
92	11151034	PHẠM QUANG	NHẬT	DH11DC
93	11151037	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NHI	DH11DC
94	11151064	ĐÌNH THỊ HÀ	NI	DH11DC
95	11151006	HUỲNH TẤN	PHONG	DH11DC
96	11151050	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	DH11DC
97	11151065	HOÀNG THỊ KIM	THẢO	DH11DC
98	11151039	LÊ THANH	TỊNH	DH11DC
99	11151029	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	DH11DC
100	11151011	NGUYỄN MINH	VIỆT	DH11DC
101	11124072	KIỀU NGUYỄN KỲ	DUYÊN	DH11QL
102	11124162	NGUYỄN VĂN LONG	ÊBAN	DH11QL
103	11124076	NGUYỄN LÊ CẨM	HÀ	DH11QL
104	11124016	VŨ LONG	HẢI	DH11QL
105	11124019	VÕ THỊ BÍCH	HẠNH	DH11QL
106	11124026	NGUYỄN VĂN	HUẤN	DH11QL
107	11124029	HOÀNG THỊ	HƯƠNG	DH11QL
108	11124084	NGUYỄN QUANG	KHÁNH	DH11QL



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00507

Trang 7/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Cơ sở dữ liệ u đạ i cương - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

109	11124095	HUỖNH THỊ YẾN	NHI	DH11QL
110	11124097	PHẠM VŨ TUYẾT	NHI	DH11QL
111	11124066	HỒ TẤN	PHÁT	DH11QL
112	11124040	HUỖNH VĂN	QUÍ	DH11QL
113	11124042	NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	DH11QL
114	11124043	LÊ HOÀNG	SANG	DH11QL
115	11124045	NGUYỄN THỊ	TẮM	DH11QL
116	11124049	LÊ VĂN	THUYẾT	DH11QL
117	11124112	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	DH11QL
118	11124050	NGUYỄN THỊ	TRÀ	DH11QL
119	11124116	TẠ NGỌC BẢO	TRẦN	DH11QL
120	11124057	TRẦN THANH	TƯỜNG	DH11QL



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00509

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Cấu trúc máy tính - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	08167009	VŨ THÀNH	NGUYỄN	CD08TH
2	09329034	THÁI QUỐC	HUY	CD09TH
3	09329056	LÊ ĐỨC	NGHIÊM	CD09TH
4	09329099	ĐỖ HOÀNG	VIỆT	CD09TH
5	09130008	TRẦN XUÂN	CHƯƠNG	CD10TH
6	10329008	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	CD10TH
7	10329009	VŨ XUÂN	ĐOÀN	CD10TH
8	10329002	TRẦN TRƯỜNG	GIANG	CD10TH
9	09157058	ĐẶNG TRUNG	HIẾU	CD10TH
10	10329042	TRẦN TRỌNG	KHÔI	CD10TH
11	10329025	VŨ THỊ	NHÀI	CD10TH
12	10329045	LÊ THỊ DIỄM	QUYÊN	CD10TH
13	10329051	ĐỖ THỊ NHƯ	QUỲNH	CD10TH
14	10329048	NGUYỄN THANH	SANG	CD10TH
15	10329050	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUẬN	CD10TH
16	09130097	NGUYỄN TRÍ	TUỆ	CD10TH
17	11329001	NGUYỄN THỊ XUÂN	AN	CD11TH
18	11329062	TRẦN TUẤN	ANH	CD11TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n dậ ng 00509

Trang 2/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : **Cấ u trú c má y tí nh - 01**

CBGD: **Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)**

19	11329014	TRƯƠNG TUẤN	ANH	CD11TH
20	11329006	HUỲNH BÁ THIÊN	ÂN	CD11TH
21	11329007	HUỲNH NGỌC	ÂU	CD11TH
22	11329028	PHAN HOÀNG	BẢO	CD11TH
23	11329008	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	CD11TH
24	11329011	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	CD11TH
25	10130013	LÊ ĐÌNH	CƯỜNG	CD11TH
26	11329019	TRẦN MINH	CƯỜNG	CD11TH
27	11329018	NGUYỄN VĂN	DUẤN	CD11TH
28	11329024	NGUYỄN KHÁNH	DUY	CD11TH
29	11329021	PHẠM QUỐC	DUY	CD11TH
30	11329114	VÕ NGỌC	DUY	CD11TH
31	11329009	NGUYỄN XUÂN	DƯƠNG	CD11TH
32	11329027	TRƯƠNG TÙNG	DƯƠNG	CD11TH
33	11329020	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	CD11TH
34	11329034	ĐẶNG PHƯƠNG NHẬT	ĐỒNG	CD11TH
35	11329035	NGUYỄN TÍCH	ĐỒNG	CD11TH
36	11329101	NGUYỄN VĂN	ĐƯỜNG	CD11TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00509

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Cấ u trú c má y tí nh - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

37	10329013	HUỖNH THANH	HẢI	CD11TH
38	11329033	LÊ THỊ HỒNG	HẢI	CD11TH
39	11329044	NGUYỄN XUÂN	HẢI	CD11TH
40	11329045	TRINH HUỖNH XUÂN	HẢI	CD11TH
41	11329047	ĐẶNG THỊ	HẶNG	CD11TH
42	11329041	BÙI THỊ	HẬU	CD11TH
43	11329048	CHU THỊ	HIỀN	CD11TH
44	11329046	LÂM CHÍ	HIỂU	CD11TH
45	11329030	NGÔ VỮ	HIỂU	CD11TH
46	11329010	TRẦN TRUNG	HIỂU	CD11TH
47	11329057	NGUYỄN VĂN	KHANH	CD11TH
48	11329058	NGUYỄN QUANG	KHÁNH	CD11TH
49	11329130	VÕ MINH	KHÁNH	CD11TH
50	11329063	NGÔ THOẠI NHẬT	KIÊN	CD11TH
51	11329060	NGUYỄN CAO	KIỂU	CD11TH
52	11329123	PHẠM THỊ	LIÊN	CD11TH
53	11329064	VÕ THỊ ÁI	LIÊN	CD11TH
54	11329065	NGÔ ĐỨC	LOAN	CD11TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00509

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Cấu trúc máy tính - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11329138	LÂM THANH	NHÂN	CD11TH
74	11329088	LÊ THỊ HOÀNG	OANH	CD11TH
75	11329053	LÊ VIỆT	PHI	CD11TH
76	11329039	ĐÌNH VĂN	PHÚC	CD11TH
77	11329131	HỒ THỊ	PHƯƠNG	CD11TH
78	11329122	NGUYỄN PHƯƠNG	QUAN	CD11TH
79	11329031	ĐỖ VĂN	QUÂN	CD11TH
80	11329023	VÕ LÂM HOÀNG	SANG	CD11TH
81	11329059	MAI	SƠN	CD11TH
82	11329139	LÊ THỊ	SƯƠNG	CD11TH
83	11329087	NGUYỄN ĐÌNH	TÀI	CD11TH
84	11329097	VÕ NGỌC	TẤN	CD11TH
85	11329120	NGUYỄN NGUYỄN	THÁI	CD11TH
86	11329121	TRẦN MINH	THÂN	CD11TH
87	11329103	VÕ TRỌNG	THÔNG	CD11TH
88	11329049	PHẠM THỊ HOÀI	THU	CD11TH
89	11329141	NGUYỄN ANH	THUẬN	CD11TH
90	11329099	NGUYỄN VŨ	THUẬN	CD11TH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00509

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : [Cấ u trú c má y tí nh - 01](#)

CBGD: [Trầ n Lê Như Quỳnh \(T800 \)](#)

91	11329104	PHẠM VĂN	TIẾN	CD11TH
92	11329105	VŨ NHẬT	TIẾN	CD11TH
93	11329040	NGUYỄN BẢO	TRẦN	CD11TH
94	11329108	LÂM HOÀNG	TRUNG	CD11TH
95	11329109	LÊ TRẦN VĂN	TRƯỜNG	CD11TH
96	11329110	VŨ NHẬT	TRƯỜNG	CD11TH
97	11329111	CAO TRƯỜNG	TUẤN	CD11TH
98	11329112	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	CD11TH
99	11329135	NGUYỄN THỊ THU	VÂN	CD11TH
100	11329118	HỒ	VŨ	CD11TH
101	11329100	HỒ TUẤN	VŨ	CD11TH
102	11329133	PHẠM THÀNH	VŨ	CD11TH
103	11329127	PHAN THỊ THÙY	VY	CD11TH
104	10130005	PHẠM XUÂN	BẰNG	DH10DT
105	10130017	LÂM MINH	ĐẠT	DH10DT
106	10130111	PHÙNG VĂN	ĐẠT	DH10DT
107	10130023	LÝ TRUNG	HIẾU	DH10DT
108	10130037	PHẠM THỊ	LAN	DH10DT

109	10130052	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	DH10DT
110	10130128	HOÀNG NHẬT	PHÚ	DH10DT
111	10130094	LÊ QUANG	TOẠI	DH10DT
112	10130124	HUỖNH CAO	VĨNH	DH10DT
113	11130005	HUỖNH THANH	ĐIỀN	DH11DT
114	11130061	HỒ VĂN	ĐÔNG	DH11DT
115	11130087	NGÔ QUANG	HẬU	DH11DT
116	11130040	HUỖNH THỊ MỸ	LINH	DH11DT
117	11130012	PHẠM QUAN KHIẾT	LUÂN	DH11DT
118	11130019	NGUYỄN QUỐC	PHÚ	DH11DT
119	11130038	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	DH11DT
120	11130023	NGÔ MINH	THỐNG	DH11DT
121	11170034	HOÀNG THỊ	HIỀN	DH11KL



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00510

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Cấ u trú c má y tí nh - 02

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

1	09329003	ĐOÀN THÚY	AN	CD09TH
2	09329077	NGUYỄN THÀNH	TÀI	CD09TH
3	11329005	VŨ NGUYỄN THIÊN	ÂN	CD11TH
4	11329029	NGUYỄN CÔNG	ĐỊNH	CD11TH
5	11329037	LÊ TẤN	ĐỨC	CD11TH
6	11329094	NGUYỄN VĂN TRUNG	HIẾU	CD11TH
7	11329093	PHẠM NGỌC	HOÀNG	CD11TH
8	11329068	HOÀNG ĐỨC	LUÂN	CD11TH
9	11329090	NGUYỄN THANH TRỌNG	PHÚC	CD11TH
10	11329129	NGUYỄN VĂN	THẠCH	CD11TH
11	11329102	NGÔ VĂN	TIÊN	CD11TH
12	11329119	LÝ MINH	VŨ	CD11TH
13	08130020	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DZUY	DH08DT
14	09130069	PHẠM HỮU	PHƯỚC	DH09DT
15	09130130	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	DH09DT
16	10130002	TRẦN THỊ LAN	ANH	DH10DT
17	10130003	LÊ TUẤN	BẢO	DH10DT
18	10130009	DƯƠNG KIM	CHÂU	DH10DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n dậ ng 00510

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : [Cấ u trú c má y tí nh - 02](#)

CBGD: [Trầ n Lê Như Quỳnh \(T800 \)](#)

37	10130044	PHẠM VĂN	LƯƠNG	DH10DT
38	10130046	NGUYỄN MINH	MÃN	DH10DT
39	10130047	LÂM NHẬT	MINH	DH10DT
40	10130051	TRẦN THẾ	NGHI	DH10DT
41	10130112	LÊ NGUYỄN HỮU	NHÂN	DH10DT
42	10130054	ĐOÀN Ý	NHI	DH10DT
43	10130061	TRƯƠNG THỊNH	PHÚ	DH10DT
44	10130062	ĐÀO NGỌC	PHÚC	DH10DT
45	10130063	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	DH10DT
46	10130064	LÊ HOÀNG	PHƯƠNG	DH10DT
47	10130065	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	DH10DT
48	10130107	VÕ MINH	QUẬN	DH10DT
49	10130067	NGUYỄN TRẦN	QUÍ	DH10DT
50	10130070	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	SƠN	DH10DT
51	10130071	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH10DT
52	10130073	LÊ THANH	TÂM	DH10DT
53	10130075	NGUYỄN VĂN	TÂN	DH10DT
54	10130082	HUỲNH QUỐC	THẠCH	DH10DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00510

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Cấ u trú c má y tí nh - 02

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	10130081	NGUYỄN VĂN	THÁI	DH10DT
56	10130077	PHẠM TUẤN	THANH	DH10DT
57	10130078	HỒ MINH	THÀNH	DH10DT
58	10130080	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10DT
59	10130133	TRẦN VĂN	THẮNG	DH10DT
60	10130083	GIÁP QUANG	THỊNH	DH10DT
61	10130084	VÕ ĐẮC	THỊNH	DH10DT
62	10130085	DƯƠNG HOÀNG	THƠ	DH10DT
63	10130086	NGUYỄN NGỌC	THUẬN	DH10DT
64	10130087	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THÙY	DH10DT
65	10130088	TRẦN THỊ THANH	THÙY	DH10DT
66	10130089	LÂM HOÀNG	THY	DH10DT
67	10130093	TRẦN ĐĂNG	TÍN	DH10DT
68	10130090	NGUYỄN HỮU	TÌNH	DH10DT
69	10130091	LÊ ĐĂNG	TÍNH	DH10DT
70	10130140	VÕ TẤN	TOÀN	DH10DT
71	10130095	TỔNG THANH	TRUNG	DH10DT
72	10130096	TRẦN CÔNG	TRỰC	DH10DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n dậ ng 00510

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : **Cấ u trú c má y tí nh - 02**

CBGD: **Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)**

73	10130097	LÊ THANH	TÙNG	DH10DT
74	10130135	PHẠM BÁ	VINH	DH10DT
75	10130100	TRỊNH HOÀNG	VŨ	DH10DT
76	10130102	VÕ SANG	XUÂN	DH10DT
77	11130086	HUỖNH NGỌC	ANH	DH11DT
78	11130045	TRỊNH THÙY	ANH	DH11DT
79	11130001	NGUYỄN VĂN CHÚC	ÂN	DH11DT
80	11130074	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	DH11DT
81	11130053	NGUYỄN HỮU	DUY	DH11DT
82	11130035	NGUYỄN VĂN CỜ	ĐỎ	DH11DT
83	11130058	VÕ THỊ HỒNG	GẮM	DH11DT
84	11130007	NGUYỄN TRUNG	HẬU	DH11DT
85	11130008	NGUYỄN THÁI	HÒA	DH11DT
86	11130068	NGUYỄN PHÚ TRƯỜNG	HUY	DH11DT
87	11130060	TRẦN LÂM	KHANG	DH11DT
88	11130092	MAI	KHOA	DH11DT
89	11130091	LÝ VŨ	KIỆT	DH11DT
90	11130094	LÂM ÁI	LINH	DH11DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00510

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Cấ u trú c má y tí nh - 02

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

91	11130011	BÙI HỮU	LỘC	DH11DT
92	11130067	PHẠM HUY	LUẬT	DH11DT
93	11130072	HỒ NHƯ	LỪNG	DH11DT
94	11130014	NGUYỄN THỊ TRÀ	MI	DH11DT
95	11130041	TRẦN THỊ THẢO	NGUYỄN	DH11DT
96	11130080	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	DH11DT
97	11130016	LƯU ĐẶNG	NHÂN	DH11DT
98	11130017	LƯƠNG VĂN	NHẪN	DH11DT
99	11130077	BÙI ĐÌNH	NHU	DH11DT
100	11130069	NGUYỄN PHẠM MINH	NHỰT	DH11DT
101	11130018	LÊ NGỌC	PHÁT	DH11DT
102	11130070	NGUYỄN CHÍ	PHƯƠNG	DH11DT
103	11130052	PHẠM PHÚ MINH	QUÂN	DH11DT
104	11130021	LÊ VĂN	SANG	DH11DT
105	11130042	NGUYỄN VĨNH	SONG	DH11DT
106	11130071	NGUYỄN TẤN	TÀI	DH11DT
107	11130084	NGUYỄN MINH	TÂN	DH11DT
108	11130075	NGUYỄN NGỌC	TÂN	DH11DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00511

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Mạ ng má y tí nh cơ bà n - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

1	08167009	VŨ THÀNH	NGUYỄN	CD08TH
2	09329003	ĐOÀN THÚY	AN	CD09TH
3	09329016	NGUYỄN VĂN	DŨNG	CD09TH
4	09344003	TRẦN QUỐC	ĐẠT	CD09TH
5	07130022	NGUYỄN CÔNG	ĐẮC	CD09TH
6	09329034	THÁI QUỐC	HUY	CD09TH
7	09344011	LÊ NHẬT	KIM	CD09TH
8	09329057	LÊ THÀNH TUẤN	NGỌC	CD09TH
9	09329076	NGUYỄN HỮU TRÚC	SƠN	CD09TH
10	09329091	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	CD09TH
11	09329099	ĐỖ HOÀNG	VIỆT	CD09TH
12	09329100	LÂM QUỐC	VIỆT	CD09TH
13	10329006	NGUYỄN TRẦN ANH	DUY	CD10TH
14	10329009	VŨ XUÂN	ĐOÀN	CD10TH
15	10329011	LÊ THỊ HƯƠNG	GIANG	CD10TH
16	10329002	TRẦN TRƯỜNG	GIANG	CD10TH
17	10329014	NGUYỄN DUY	HIỀN	CD10TH
18	10329049	LƯƠNG MẠNH	HÙNG	CD10TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập học 00511

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : **Mã ngành kỹ thuật cơ bản - 01**

CBGD: **Trần Lê Như Quỳnh (T800)**

37	11329044	NGUYỄN XUÂN	HẢI	CD11TH
38	11329036	NGUYỄN VĂN	HAY	CD11TH
39	11329142	VÕ HOÀNG	HUY	CD11TH
40	11329130	VÕ MINH	KHÁNH	CD11TH
41	11329077	ĐOÀN KIM	LUÂN	CD11TH
42	11329073	DƯƠNG HOÀNG	MINH	CD11TH
43	11329066	NGUYỄN QUỐC	MINH	CD11TH
44	11329078	NGUYỄN NHỰT	NAM	CD11TH
45	11329025	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	CD11TH
46	11329140	ĐẶNG THỊ KIM	NGOAN	CD11TH
47	11329085	PHAN THÀNH	NGUYỄN	CD11TH
48	11329086	TỔNG THỊ	NGUYỆT	CD11TH
49	11329138	LÂM THANH	NHÀN	CD11TH
50	11329088	LÊ THỊ HOÀNG	OANH	CD11TH
51	11329131	HỒ THỊ	PHƯƠNG	CD11TH
52	11329023	VÕ LÂM HOÀNG	SANG	CD11TH
53	11329049	PHẠM THỊ HOÀI	THU	CD11TH
54	11329141	NGUYỄN ANH	THUẬN	CD11TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00511

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : **Mã ngành cơ bản - 01**

CBGD: **Trần Lê Như Quỳnh (T800)**

73	10130016	HOÀNG ĐÌNH	DƯƠNG	DH10DT
74	10130017	LÂM MINH	ĐẠT	DH10DT
75	10130111	PHÙNG VĂN	ĐẠT	DH10DT
76	10130019	NGUYỄN TẤN	ĐỨC	DH10DT
77	10130125	CAO ANH	HÀO	DH10DT
78	10130021	NGUYỄN HỮU	HIỀN	DH10DT
79	10130025	THÁI MINH	HIẾU	DH10DT
80	10130027	VŨ THÁI	HÒA	DH10DT
81	10130026	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH10DT
82	10130028	NGUYỄN VĂN	HỒNG	DH10DT
83	10130029	VŨ NGỌC	HÙNG	DH10DT
84	10130030	BÙI VĂN	HUYỀN	DH10DT
85	10130031	PHAN QUỐC	HƯNG	DH10DT
86	10130036	NGUYỄN THỊ THANH	KIỀU	DH10DT
87	10130039	ĐỖ HOÀNG	LONG	DH10DT
88	10130041	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	DH10DT
89	10130120	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	LONG	DH10DT
90	10130046	NGUYỄN MINH	MÃN	DH10DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập học 00511

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Mạo hiểm kỹ thuật cơ bản - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

91	10130047	LÂM NHẬT	MINH	DH10DT
92	10130048	TRƯƠNG NHẬT	MINH	DH10DT
93	10130051	TRẦN THẾ	NGHI	DH10DT
94	10130112	LÊ NGUYỄN HỮU	NHÂN	DH10DT
95	10130113	VÕ XUÂN	NHÂN	DH10DT
96	10130104	NGUYỄN MINH	NHẬT	DH10DT
97	10130055	NGUYỄN THỊ ÁI	NHI	DH10DT
98	10130058	LA HIỆP	PHÁT	DH10DT
99	10130128	HOÀNG NHẬT	PHÚ	DH10DT
100	10130061	TRƯƠNG THỊNH	PHÚ	DH10DT
101	10130062	ĐÀO NGỌC	PHÚC	DH10DT
102	10130063	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	DH10DT
103	10130064	LÊ HOÀNG	PHƯƠNG	DH10DT
104	10130065	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	DH10DT
105	10130066	LÊ MINH	QUÂN	DH10DT
106	10130067	NGUYỄN TRẦN	QUÍ	DH10DT
107	10130069	NGUYỄN MINH	SANG	DH10DT
108	10130070	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	SƠN	DH10DT

109	10130071	NGUYỄN HOÀNG	SON	DH10DT
110	10130075	NGUYỄN VĂN	TÂN	DH10DT
111	10130082	HUỖNH QUỐC	THẠCH	DH10DT
112	10130081	NGUYỄN VĂN	THÁI	DH10DT
113	10130076	NGUYỄN VĂN	THANH	DH10DT
114	10130133	TRẦN VĂN	THẮNG	DH10DT
115	10130083	GIÁP QUANG	THỊNH	DH10DT
116	10130114	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	DH10DT
117	10130084	VÕ ĐẮC	THỊNH	DH10DT
118	10130085	DƯƠNG HOÀNG	THƠ	DH10DT
119	10130086	NGUYỄN NGỌC	THUẬN	DH10DT
120	10130093	TRẦN ĐĂNG	TÍN	DH10DT
121	10130090	NGUYỄN HỮU	TÌNH	DH10DT
122	10130091	LÊ ĐĂNG	TỈNH	DH10DT
123	10130094	LÊ QUANG	TOẠI	DH10DT
124	10130095	TỔNG THANH	TRUNG	DH10DT
125	10130096	TRẦN CÔNG	TRỰC	DH10DT
126	10130116	TRẦN CÔNG	TRƯỚC	DH10DT

127	10130097	LÊ THANH	TÙNG	DH10DT
128	10130135	PHẠM BÁ	VINH	DH10DT
129	10130099	THÁI QUANG	VINH	DH10DT
130	10130124	HUYỀN CAO	VĨNH	DH10DT
131	10130100	TRỊNH HOÀNG	VŨ	DH10DT
132	10130101	TRẦN THỊ	VƯƠNG	DH10DT
133	10130102	VÕ SANG	XUÂN	DH10DT
134	11130005	HUYỀN THANH	ĐIỀN	DH11DT
135	11130067	PHẠM HUY	LUẬT	DH11DT
136	11130069	NGUYỄN PHẠM MINH	NHỰT	DH11DT
137	11130038	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	DH11DT
138	11130023	NGÔ MINH	THỐNG	DH11DT
139	11130039	SƠN MINH	TRÍ	DH11DT
140	11130046	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH11DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00512

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Hệ điều hành nâng cao - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

55	09130083	TRẦN VĂN	THIỆP	DH09DT
56	09130084	MAI QUỐC	THỊNH	DH09DT
57	09130091	LÊ HOÀNG	TUẤN	DH09DT
58	09130130	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	DH09DT
59	09130093	THẠCH THANH	TUẤN	DH09DT
60	09130099	NGUYỄN TUẤN	VĂN	DH09DT
61	09130100	LÊ THỊ TUYẾT	VÂN	DH09DT
62	09130133	LÊ MINH	VƯƠNG	DH09DT
63	10130002	TRẦN THỊ LAN	ANH	DH10DT
64	10130138	UNG THỊ VIỆT	CẨM	DH10DT
65	10130009	DƯƠNG KIM	CHÂU	DH10DT
66	10130008	VŨ THỊ	CHUNG	DH10DT
67	10130115	ĐỖ THỊ THÚY	DIỄM	DH10DT
68	10130014	NGUYỄN ĐỨC	DUY	DH10DT
69	10130125	CAO ANH	HÀO	DH10DT
70	10130022	ĐOÀN MINH	HIẾU	DH10DT
71	10130026	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH10DT
72	10130105	LÝ THỊ	HƯƠNG	DH10DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00512

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Hệ điề u hà nh nâ ng cao - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

73	10130106	LIÊNG HÓT	KHER	DH10DT
74	10130036	NGUYỄN THỊ THANH	KIỀU	DH10DT
75	10130103	VÕ NGỌC OANH	KIỀU	DH10DT
76	10130037	PHẠM THỊ	LAN	DH10DT
77	10130040	LÊ VĂN	LONG	DH10DT
78	10130041	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	DH10DT
79	10130120	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	LONG	DH10DT
80	10130044	PHẠM VĂN	LƯƠNG	DH10DT
81	10130112	LÊ NGUYỄN HỮU	NHÂN	DH10DT
82	10130128	HOÀNG NHẬT	PHÚ	DH10DT
83	10130062	ĐÀO NGỌC	PHÚC	DH10DT
84	10130063	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	DH10DT
85	10130066	LÊ MINH	QUÂN	DH10DT
86	10130067	NGUYỄN TRẦN	QUÍ	DH10DT
87	10130069	NGUYỄN MINH	SANG	DH10DT
88	10130071	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH10DT
89	10130073	LÊ THANH	TÂM	DH10DT
90	10130081	NGUYỄN VĂN	THÁI	DH10DT

37	10329031	HÀ TIẾN	THỊNH	CD10TH
38	10329050	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUẬN	CD10TH
39	10329034	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	CD10TH
40	09130097	NGUYỄN TRÍ	TUỆ	CD10TH
41	10329037	NGUYỄN THANH	VŨ	CD10TH
42	11329006	HUỲNH BÁ THIÊN	ÂN	CD11TH
43	11329026	NGUYỄN MINH	ĐỨC	CD11TH
44	11329102	NGÔ VĂN	TIÊN	CD11TH
45	08130118	NGUYỄN VĂN	NAM	DH08DT
46	08130056	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	DH08DT
47	08130065	ĐỖ VĂN	PHÚC	DH08DT
48	08130082	LÊ VĂN	THANH	DH08DT
49	09130001	HOÀNG GIA	AN	DH09DT
50	09130029	TRẦN VŨ THANH	HUY	DH09DT
51	09130048	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	LUẬT	DH09DT
52	09130086	NGUYỄN DUY	THƯƠNG	DH09DT
53	09130087	NGUYỄN VĂN	TOÀN	DH09DT
54	09130092	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH09DT

73	10130046	NGUYỄN MINH	MÃN	DH10DT
74	10130047	LÂM NHẬT	MINH	DH10DT
75	10130048	TRƯƠNG NHẬT	MINH	DH10DT
76	10130052	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	DH10DT
77	10130104	NGUYỄN MINH	NHẬT	DH10DT
78	10130054	ĐOÀN Ý	NHI	DH10DT
79	10130055	NGUYỄN THỊ ÁI	NHI	DH10DT
80	10130058	LA HIỆP	PHÁT	DH10DT
81	10130064	LÊ HOÀNG	PHƯƠNG	DH10DT
82	10130065	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	DH10DT
83	10130107	VÕ MINH	QUẬN	DH10DT
84	10130070	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	SƠN	DH10DT
85	10130072	ĐỖ TIẾN	SỸ	DH10DT
86	10130082	HUỲNH QUỐC	THẠCH	DH10DT
87	10130076	NGUYỄN VĂN	THANH	DH10DT
88	10130078	HỒ MINH	THÀNH	DH10DT
89	10130080	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10DT
90	10130131	ĐỖ HOÀNG	THỊNH	DH10DT

91	10130114	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	DH10DT
92	10130085	DƯƠNG HOÀNG	THƠ	DH10DT
93	10130086	NGUYỄN NGỌC	THUẬN	DH10DT
94	10130088	TRẦN THỊ THANH	THÙY	DH10DT
95	10130089	LÂM HOÀNG	THY	DH10DT
96	10130094	LÊ QUANG	TOẠI	DH10DT
97	10130097	LÊ THANH	TÙNG	DH10DT
98	10130135	PHẠM BÁ	VINH	DH10DT
99	10130099	THÁI QUANG	VINH	DH10DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00514

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Lập trình mạng - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

19	09157058	ĐẶNG TRUNG	HIẾU	CD10TH
20	10329049	LƯƠNG MẠNH	HÙNG	CD10TH
21	10329042	TRẦN TRỌNG	KHÔI	CD10TH
22	10329036	NGUYỄN TÙNG	KHƯƠNG	CD10TH
23	10329032	NGUYỄN MỸ	LUÔN	CD10TH
24	10329020	LÊ HOÀNG	MẾN	CD10TH
25	10329015	TRẦN NHƯ	NGỌC	CD10TH
26	10329046	PHẠM THỊ HIẾU	NHIÊN	CD10TH
27	10329029	LÊ DƯƠNG THANH	PHONG	CD10TH
28	10329045	LÊ THỊ DIỄM	QUYÊN	CD10TH
29	10329048	NGUYỄN THANH	SANG	CD10TH
30	10329031	HÀ TIẾN	THỊNH	CD10TH
31	10329034	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	CD10TH
32	09130097	NGUYỄN TRÍ	TUỆ	CD10TH
33	10329037	NGUYỄN THANH	VŨ	CD10TH
34	08130001	LÊ NGUYỄN HOÀNG	ANH	DH08DT
35	08130007	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	DH08DT
36	08130021	LÝ MINH	ĐẠT	DH08DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00514

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học c : Lập trình mạng - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	08130031	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH08DT
38	08130047	LÊ VŨ THIẾT	LONG	DH08DT
39	08130120	NGUYỄN VĂN	QUÂN	DH08DT
40	08130085	ĐẶNG NGỌC SƠN	THẢO	DH08DT
41	07130132	THÂN MINH	TRIẾT	DH08DT
42	08130101	NGUYỄN THANH	TUẤN	DH08DT
43	09130006	NGUYỄN HOÀNG	CHƯƠNG	DH09DT
44	09130016	DƯƠNG TUẤN	DŨNG	DH09DT
45	09130022	NGUYỄN THANH	HẢI	DH09DT
46	09130034	BÙI LAN	HƯƠNG	DH09DT
47	09130035	TRẦN NGUYỄN THÁI	KHANG	DH09DT
48	09130042	BÙI MINH	LỘC	DH09DT
49	09130059	PHẠM BÁ	NGỌC	DH09DT
50	09130091	LÊ HOÀNG	TUẤN	DH09DT
51	09130092	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH09DT
52	10130040	LÊ VĂN	LONG	DH10DT
53	10130107	VŨ MINH	QUẬN	DH10DT

19	08130086	NGUYỄN XUÂN	THẠCH	DH08DT
20	07130121	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	DH08DT
21	09130015	PHẠM HOÀNG	DÙ	DH09DT
22	09130076	LÊ VÕ MINH	TÂM	DH09DT
23	09130092	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH09DT
24	10130112	LÊ NGUYỄN HỮU	NHÂN	DH10DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00516

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : **Mã ngành kỹ thuật cao - 01**

CBGD: **Trần Lê Như Quỳnh (T800)**

1	09329091	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	CD09TH
2	08130002	TRẦN THỊ	BẾ	DH08DT
3	08130012	NGUYỄN CÔNG	DANH	DH08DT
4	08130016	BÙI ĐĂNG	DŨNG	DH08DT
5	08130014	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	DH08DT
6	08130019	TRẦN ĐẠI	DƯƠNG	DH08DT
7	08130024	ĐẶNG HỒNG	HẢI	DH08DT
8	07130029	TÔ XUÂN	HẢI	DH08DT
9	08130033	LÂM QUỐC	HỒNG	DH08DT
10	08130036	NGUYỄN MINH	HÙNG	DH08DT
11	08130037	ĐẶNG VĂN	HƯNG	DH08DT
12	08130038	NGUYỄN XUÂN VĨNH	HƯNG	DH08DT
13	08130040	LÂM DUY	KHANH	DH08DT
14	08130041	NGUYỄN DUY	KHÁNH	DH08DT
15	08130042	PHAN TẤN	KHÁNH	DH08DT
16	08130044	PHẠM PHƯƠNG	KIỀU	DH08DT
17	08130046	TRẦN ĐÌNH	LAI	DH08DT
18	07130070	PHẠM MINH	LUÂN	DH08DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00516

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : **Mã ngành kỹ thuật nhâ ng cao - 01**

CBGD: **Trần Lê Như Quỳnh (T800)**

19	08130051	TRẦN CÔNG	LÝ	DH08DT
20	08130052	TRẦN NGỌC	MINH	DH08DT
21	08118021	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	DH08DT
22	08130056	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	DH08DT
23	08130059	NGUYỄN THỊ	NHUNG	DH08DT
24	08130062	LÂM THÀNH	PHÁT	DH08DT
25	08130063	NGUYỄN HỮU	PHONG	DH08DT
26	08130064	NGUYỄN VĂN	PHÚ	DH08DT
27	08130067	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	DH08DT
28	08130070	LÊ BÁ	PHƯỚC	DH08DT
29	08130068	MAI ANH	PHƯƠNG	DH08DT
30	08130120	NGUYỄN VĂN	QUÂN	DH08DT
31	08130079	ĐỖ THÀNH	TÂM	DH08DT
32	08130080	LÊ NGỌC MINH	TÂN	DH08DT
33	08130086	NGUYỄN XUÂN	THẠCH	DH08DT
34	08130082	LÊ VĂN	THANH	DH08DT
35	08130084	NGUYỄN VĂN	THANH	DH08DT
36	07130115	LÊ MINH	THẢO	DH08DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00516

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : **Mã ngành kỹ thuật cao - 01**

CBGD: **Trần Lê Như Quỳnh (T800)**

37	08130087	NGUYỄN	THÔNG	DH08DT
38	08130088	PHẠM DUY	THÔNG	DH08DT
39	07130121	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	DH08DT
40	08130092	BÙI ANH	TRÍ	DH08DT
41	08130095	NGUYỄN MINH	TRUNG	DH08DT
42	08130099	BÙI MINH	TUẤN	DH08DT
43	08130100	LÊ HOÀNG ĐÌNH	TUẤN	DH08DT
44	08130102	NGUYỄN XUÂN	TUẤN	DH08DT
45	08130103	VŨ ĐÌNH	TUẤN	DH08DT
46	08130104	VÕ THANH	TÙNG	DH08DT
47	08130106	NGUYỄN VĂN	VẬN	DH08DT
48	08130127	NGUYỄN XUÂN	VINH	DH08DT
49	08130128	PHẠM QUỐC	VINH	DH08DT
50	08130129	TRẦN ANH	VŨ	DH08DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00517

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học c : Giải pháp mạng cho DN - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	07130115	LÊ MINH	THẢO	DH08DT
38	08130087	NGUYỄN	THÔNG	DH08DT
39	08130088	PHẠM DUY	THÔNG	DH08DT
40	07130121	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	DH08DT
41	08130092	BÙI ANH	TRÍ	DH08DT
42	07130132	THÂN MINH	TRIẾT	DH08DT
43	08130095	NGUYỄN MINH	TRUNG	DH08DT
44	08130098	NGUYỄN ĐỨC	TUÂN	DH08DT
45	08130101	NGUYỄN THANH	TUẤN	DH08DT
46	08130102	NGUYỄN XUÂN	TUẤN	DH08DT
47	07118029	TRẦN	TUẤN	DH08DT
48	08130103	VŨ ĐÌNH	TUẤN	DH08DT
49	08130104	VÕ THANH	TÙNG	DH08DT
50	08130106	NGUYỄN VĂN	VĂN	DH08DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00518

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Chuyên đề Java - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	08130084	NGUYỄN VĂN	THANH	DH08DT
38	08130088	PHẠM DUY	THÔNG	DH08DT
39	08130090	NGUYỄN THỊ	TIỀM	DH08DT
40	08130089	PHẠM KIM	TIỀN	DH08DT
41	08130092	BÙI ANH	TRÍ	DH08DT
42	07130132	THÂN MINH	TRIẾT	DH08DT
43	08130095	NGUYỄN MINH	TRUNG	DH08DT
44	08130102	NGUYỄN XUÂN	TUẤN	DH08DT
45	08130104	VÕ THANH	TÙNG	DH08DT
46	08130126	NGUYỄN THỊ BẠCH	VÂN	DH08DT
47	08130106	NGUYỄN VĂN	VÂN	DH08DT
48	08130127	NGUYỄN XUÂN	VINH	DH08DT

1	09329002	CAO THỊ TRƯỜNG	AN	CD09TH
2	07130029	TÔ XUÂN	HẢI	DH08DT
3	07130035	NGUYỄN THẾ	HIỂN	DH08DT
4	08130040	LÂM DUY	KHANH	DH08DT
5	08130051	TRẦN CÔNG	LÝ	DH08DT
6	08130062	LÂM THÀNH	PHÁT	DH08DT
7	08130063	NGUYỄN HỮU	PHONG	DH08DT
8	08130071	TRƯƠNG MINH	QUANG	DH08DT
9	07130121	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	DH08DT
10	07130132	THÂN MINH	TRIẾT	DH08DT

1	08167020	NGUYỄN	TRÍ	CD08TH
2	09329003	ĐOÀN THÚY	AN	CD09TH
3	09329004	LÊ NGUYỄN LAN	ANH	CD09TH
4	09329016	NGUYỄN VĂN	DŨNG	CD09TH
5	09344006	NGUYỄN ĐẶNG THÚY	HẶNG	CD09TH
6	09329028	NGUYỄN VĂN	HẬU	CD09TH
7	09329106	LƯU PHƯỚC	HIỀN	CD09TH
8	09344009	HUỲNH TRUNG	HỒ	CD09TH
9	09329034	THÁI QUỐC	HUY	CD09TH
10	09329107	LÊ ĐÌNH	LUÂN	CD09TH
11	09344012	NGÔ VĂN	LUẬT	CD09TH
12	09329052	TRẦN CÔNG	LUẬT	CD09TH
13	09329054	ĐOÀN NGUYỄN HÒA	NAM	CD09TH
14	09329061	MAI VĂN	NGUYỄN	CD09TH
15	09329066	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	CD09TH
16	09329076	NGUYỄN HỮU TRÚC	SƠN	CD09TH
17	09344027	HUỲNH NGỌC	VI	CD09TH
18	09329100	LÂM QUỐC	VIỆT	CD09TH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00520

Trang 2/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Hợ c : ĐACN Mạ ng má y tí nh và TT - 02

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

19	08130065	ĐỖ VĂN	PHÚC	DH08DT
20	08130084	NGUYỄN VĂN	THANH	DH08DT
21	08130104	VÕ THANH	TÙNG	DH08DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00521

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Lập trình cơ bản - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	09329014	PHẠM NGỌC	DUY	CD09TH
2	09344012	NGÔ VĂN	LUẬT	CD09TH
3	09329054	ĐOÀN NGUYỄN HÒA	NAM	CD09TH
4	09329056	LÊ ĐỨC	NGHIÊM	CD09TH
5	09329093	LÊ ANH	TUẤN	CD09TH
6	10329002	TRẦN TRƯỜNG	GIANG	CD10TH
7	10329025	VŨ THỊ	NHÀI	CD10TH
8	11329007	HUỲNH NGỌC	ÂU	CD11TH
9	11329003	TRƯƠNG ĐÌNH	BA	CD11TH
10	11329028	PHAN HOÀNG	BẢO	CD11TH
11	11329008	NGUYỄN ĐỨC	BÌNH	CD11TH
12	11329011	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	CD11TH
13	10130013	LÊ ĐÌNH	CƯỜNG	CD11TH
14	11329019	TRẦN MINH	CƯỜNG	CD11TH
15	11329018	NGUYỄN VĂN	DUẤN	CD11TH
16	11329024	NGUYỄN KHÁNH	DUY	CD11TH
17	11329114	VŨ NGỌC	DUY	CD11TH
18	11329027	TRƯƠNG TÙNG	DƯƠNG	CD11TH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n d a n g 00521

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n H o c : Lậ p trì nh cơ bả n - 01

CBGD: Trầ n Lê Nhự t Quỳ nh (T800)

19	11329020	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	CD11TH
20	11329035	NGUYỄN TÍCH	ĐỒNG	CD11TH
21	10329013	HUỲNH THANH	HẢI	CD11TH
22	11329033	LÊ THỊ HỒNG	HẢI	CD11TH
23	11329045	TRỊNH HUỲNH XUÂN	HẢI	CD11TH
24	11329047	ĐẶNG THỊ	HẶNG	CD11TH
25	11329041	BÙI THỊ	HẬU	CD11TH
26	11329048	CHU THỊ	HIỀN	CD11TH
27	11329030	NGÔ VŨ	HIẾU	CD11TH
28	11329057	NGUYỄN VĂN	KHANH	CD11TH
29	11329058	NGUYỄN QUANG	KHÁNH	CD11TH
30	11329060	NGUYỄN CAO	KIẾU	CD11TH
31	11329065	NGÔ ĐỨC	LOAN	CD11TH
32	11329070	NGUYỄN THỊ	LOAN	CD11TH
33	11329071	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	CD11TH
34	11329067	ĐÀO VĂN	MINH	CD11TH
35	11329074	NGUYỄN CÔNG	MINH	CD11TH
36	11329066	NGUYỄN QUỐC	MINH	CD11TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00521

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Lậ p trì nh cơ bả n - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

37	11329084	NGÔ THANH	NAM	CD11TH
38	11329078	NGUYỄN NHỰT	NAM	CD11TH
39	11329082	NGUYỄN NHÂN	NGHĨA	CD11TH
40	11329085	PHAN THÀNH	NGUYỄN	CD11TH
41	11329086	TỔNG THỊ	NGUYỆT	CD11TH
42	11329138	LÂM THANH	NHÀN	CD11TH
43	11329088	LÊ THỊ HOÀNG	OANH	CD11TH
44	11329039	ĐINH VĂN	PHÚC	CD11TH
45	11329031	ĐỖ VĂN	QUÂN	CD11TH
46	11329023	VÕ LÂM HOÀNG	SANG	CD11TH
47	11329087	NGUYỄN ĐÌNH	TÀI	CD11TH
48	11329120	NGUYỄN NGUYỄN	THÁI	CD11TH
49	11329121	TRẦN MINH	THÂN	CD11TH
50	11329103	VÕ TRỌNG	THÔNG	CD11TH
51	11329049	PHẠM THỊ HOÀI	THU	CD11TH
52	11329105	VŨ NHẬT	TIẾN	CD11TH
53	11329108	LÂM HOÀNG	TRUNG	CD11TH
54	11329109	LÊ TRẦN VĂN	TRƯỜNG	CD11TH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n dậ ng 00521

Trang 4/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : **Lậ p trì nh cơ bả n - 01**

CBGD: **Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)**

55	11329110	VŨ NHẬT	TRƯỜNG	CD11TH
56	11329111	CAO TRƯỜNG	TUẤN	CD11TH
57	11329135	NGUYỄN THỊ THU	VÂN	CD11TH
58	11329118	HỒ	VŨ	CD11TH
59	11329100	HỒ TUẤN	VŨ	CD11TH
60	09130021	ĐOÀN HỒNG	GIÚP	DH09DT
61	09130086	NGUYỄN DUY	THƯƠNG	DH09DT
62	10130005	PHẠM XUÂN	BẶNG	DH10DT
63	10130138	UNG THỊ VIỆT	CẨM	DH10DT
64	10130008	VŨ THỊ	CHUNG	DH10DT
65	10130014	NGUYỄN ĐỨC	DUY	DH10DT
66	10130016	HOÀNG ĐÌNH	DƯƠNG	DH10DT
67	10130017	LÂM MINH	ĐẠT	DH10DT
68	10130125	CAO ANH	HÀO	DH10DT
69	10130023	LÝ TRUNG	HIẾU	DH10DT
70	10130028	NGUYỄN VĂN	HỒNG	DH10DT
71	10130029	VŨ NGỌC	HÙNG	DH10DT
72	10130105	LÝ THỊ	HƯƠNG	DH10DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00521

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Lập trình cơ bản - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	10130106	LIÊNG HỐT	KHER	DH10DT
74	10130103	VÕ NGỌC OANH	KIỀU	DH10DT
75	10130037	PHẠM THỊ	LAN	DH10DT
76	10130039	ĐỖ HOÀNG	LONG	DH10DT
77	10130051	TRẦN THẾ	NGHI	DH10DT
78	10130052	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	DH10DT
79	10130054	ĐOÀN Ý	NHI	DH10DT
80	10130055	NGUYỄN THỊ ÁI	NHI	DH10DT
81	10130066	LÊ MINH	QUÂN	DH10DT
82	10130071	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH10DT
83	10130073	LÊ THANH	TÂM	DH10DT
84	10130082	HUỲNH QUỐC	THẠCH	DH10DT
85	10130080	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10DT
86	10130114	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	DH10DT
87	10130084	VÕ ĐẮC	THỊNH	DH10DT
88	10130087	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THÙY	DH10DT
89	10130088	TRẦN THỊ THANH	THÙY	DH10DT
90	10130093	TRẦN ĐĂNG	TÍN	DH10DT

91	10130091	LÊ ĐĂNG	TỈNH	DH10DT
92	10130094	LÊ QUANG	TOẠI	DH10DT
93	10130095	TỔNG THANH	TRUNG	DH10DT
94	10130135	PHẠM BÁ	VINH	DH10DT
95	10130101	TRẦN THỊ	VƯƠNG	DH10DT
96	10130102	VÕ SANG	XUÂN	DH10DT
97	10173047	TRẦN THỊ THÚY	AN	DH10GE
98	10162011	ĐỖ MINH	CẢNH	DH10GE
99	10173005	LÊ THỊ	DUNG	DH10GE
100	10162002	ĐỖ THẾ	DŨNG	DH10GE
101	10173004	NGUYỄN LÊ TẤN	ĐẠT	DH10GE
102	10173022	TRƯƠNG ĐÌNH MINH	ĐỨC	DH10GE
103	10162003	LÊ QUÍ	HẢI	DH10GE
104	10162006	PHẠM TRẦN TRỌNG	HIỀN	DH10GE
105	10173010	TRẦN CÔNG	HUẤN	DH10GE
106	10173007	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	DH10GE
107	10173051	NGUYỄN THỊ	LIỄU	DH10GE
108	10173027	NGUYỄN THÙY	LINH	DH10GE

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n d a n g 00521

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Lập trình cơ bản - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

127	10173036	NGÔ THỊ NGỌC	TUYỀN	DH10GE
128	10173043	NGUYỄN ĐỖ NGỌC	UYÊN	DH10GE
129	10170004	HUỲNH HỮU	HUY	DH10KL
130	10170005	TRẦN VŨ KHÁNH	LINH	DH10KL
131	10114076	NGÔ TIẾN	PHÁT	DH10KL
132	11130001	NGUYỄN VĂN CHÚC	ÂN	DH11DT
133	11130005	HUỲNH THANH	ĐIỀN	DH11DT
134	11130035	NGUYỄN VĂN CỜ	ĐỎ	DH11DT
135	11130087	NGÔ QUANG	HẬU	DH11DT
136	11130008	NGUYỄN THÁI	HÒA	DH11DT
137	11130040	HUỲNH THỊ MỸ	LINH	DH11DT
138	11130011	BÙI HỮU	LỘC	DH11DT
139	11130012	PHẠM QUAN KHIẾT	LUÂN	DH11DT
140	11130014	NGUYỄN THỊ TRÀ	MI	DH11DT
141	11130017	LƯƠNG VĂN	NHÃN	DH11DT
142	11130018	LÊ NGỌC	PHÁT	DH11DT
143	11130019	NGUYỄN QUỐC	PHÚ	DH11DT
144	11130042	NGUYỄN VINH	SONG	DH11DT

145	11130071	NGUYỄN TẤN	TÀI	DH11DT
146	11130037	HUỖNH QUANG	THÁI	DH11DT
147	11130038	NGUYỄN PHÚC	THỊNH	DH11DT
148	11130023	NGÔ MINH	THỐNG	DH11DT
149	11130026	ĐẶNG NGỌC	TIẾN	DH11DT
150	11130028	LÊ CAO	TRÍ	DH11DT
151	11130029	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	DH11DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00522

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Lậ p trì nh cơ bả n - 02

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

19	11329102	NGÔ VĂN	TIỀN	CD11TH
20	11329096	HUỖNH VĂN BÁ	TRƯỚC	CD11TH
21	11329119	LÝ MINH	VŨ	CD11TH
22	10130003	LÊ TUẤN	BẢO	DH10DT
23	10130011	ĐINH ĐỖ XUÂN	CHIẾN	DH10DT
24	10130019	NGUYỄN TẤN	ĐỨC	DH10DT
25	10130021	NGUYỄN HỮU	HIỀN	DH10DT
26	10130027	VŨ THÁI	HÒA	DH10DT
27	10130030	BÙI VĂN	HUỖNH	DH10DT
28	10130031	PHAN QUỐC	HƯNG	DH10DT
29	10130033	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	KHANG	DH10DT
30	10130035	PHẠM QUỐC	KHƯƠNG	DH10DT
31	10130046	NGUYỄN MINH	MÃN	DH10DT
32	10130047	LÂM NHẬT	MINH	DH10DT
33	10130053	NGUYỄN MINH	NHẬT	DH10DT
34	10130063	NGUYỄN HỒNG	PHÚC	DH10DT
35	10130064	LÊ HOÀNG	PHƯƠNG	DH10DT
36	10130065	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	DH10DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00522

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Lập trình cơ bản - 02

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	10130075	NGUYỄN VĂN	TÂN	DH10DT
38	10130081	NGUYỄN VĂN	THÁI	DH10DT
39	10130076	NGUYỄN VĂN	THANH	DH10DT
40	10130078	HỒ MINH	THÀNH	DH10DT
41	10130083	GIÁP QUANG	THỊNH	DH10DT
42	10130085	DƯƠNG HOÀNG	THƠ	DH10DT
43	10130086	NGUYỄN NGỌC	THUẬN	DH10DT
44	10130090	NGUYỄN HỮU	TÌNH	DH10DT
45	10130096	TRẦN CÔNG	TRỰC	DH10DT
46	10130116	TRẦN CÔNG	TRƯỚC	DH10DT
47	10130097	LÊ THANH	TÙNG	DH10DT
48	11151041	NGUYỄN ĐÌNH	SEN	DH11DC
49	11130086	HUYỀNH NGỌC	ANH	DH11DT
50	11130045	TRỊNH THÙY	ANH	DH11DT
51	11130062	TRẦN ANH	BẢO	DH11DT
52	11130002	HOÀNG KIM LỆ	CHI	DH11DT
53	11130034	VỎ MINH	CHÍ	DH11DT
54	11130074	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	DH11DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n d a n g 00522

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n H o c : Lậ p tr ì nh cơ bả n - 02

CBGD: Trầ n Lê Nhự t Quỳ nh (T800)

55	11130053	NGUYỄN HỮU	DUY	DH11DT
56	11130004	LÊ BẢO	ĐẠI	DH11DT
57	11130054	VÕ TRẦN	ĐẠI	DH11DT
58	11130058	VÕ THỊ HỒNG	GẮM	DH11DT
59	11130007	NGUYỄN TRUNG	HẬU	DH11DT
60	11130064	LẠI TIẾN SỸ	HIỂN	DH11DT
61	11130009	NGUYỄN VIỆT	HỒNG	DH11DT
62	11130078	HUYỀNH	HÙNG	DH11DT
63	11130068	NGUYỄN PHÚ TRƯỜNG	HUY	DH11DT
64	11130066	TRẦN KIM	HUY	DH11DT
65	11130060	TRẦN LÂM	KHANG	DH11DT
66	11130092	MAI	KHOA	DH11DT
67	11130091	LÝ VŨ	KIỆT	DH11DT
68	11130088	BÙI THỊ	LỆ	DH11DT
69	11130094	LÂM ÁI	LINH	DH11DT
70	11130067	PHẠM HUY	LUẬT	DH11DT
71	11130072	HỒ NHƯ	LỪNG	DH11DT
72	11130013	NGUYỄN ĐÌNH	LƯƠNG	DH11DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00522

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Lập trình cơ bản - 02

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	11130065	CAO ĐỨC	MINH	DH11DT
74	11130015	NGUYỄN VĂN	NAM	DH11DT
75	11130050	TRẦN ĐÌNH BẢO	NGỌC	DH11DT
76	11130041	TRẦN THỊ THẢO	NGUYỄN	DH11DT
77	11130080	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	DH11DT
78	11130016	LƯU ĐẶNG	NHÂN	DH11DT
79	11130077	BÙI ĐÌNH	NHU	DH11DT
80	11130020	PHAN HỮU	PHƯỚC	DH11DT
81	11130070	NGUYỄN CHÍ	PHƯƠNG	DH11DT
82	11130052	PHẠM PHÚ MINH	QUÂN	DH11DT
83	11130021	LÊ VĂN	SANG	DH11DT
84	11130084	NGUYỄN MINH	TÂN	DH11DT
85	11130075	NGUYỄN NGỌC	TÂN	DH11DT
86	11130024	BÙI CHÍNH	THUẦN	DH11DT
87	11130025	TRẦN KHẢI CÁT	TIÊN	DH11DT
88	11130090	NGUYỄN QUỐC	TÍN	DH11DT
89	11130081	NGUYỄN MẠNH	TOÀN	DH11DT
90	11130093	CHÂU MINH	TRÍ	DH11DT

91	11130039	SƠN MINH	TRÍ	DH11DT
92	11130083	LÊ CÔNG NGUYỄN	TRỌNG	DH11DT
93	11130030	NGUYỄN BÁ	TRUNG	DH11DT
94	11130089	HUỲNH TẤN	TÚ	DH11DT
95	11130046	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH11DT
96	11130099	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	DH11DT
97	11130059	NGUYỄN THỊ CẨM	UYÊN	DH11DT
98	11130031	NGUYỄN	VĨNH	DH11DT
99	11130098	ĐÌNH TẤN	VŨ	DH11DT
100	11170033	HUỲNH VŨ	QUÂN	DH11KL



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00523

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Thiế t kế hướ ng đố i tượ ng - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

1	09329004	LÊ NGUYỄN LAN	ANH	CD09TH
2	09329009	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	CD09TH
3	09329016	NGUYỄN VĂN	DŨNG	CD09TH
4	09329014	PHẠM NGỌC	DUY	CD09TH
5	07130022	NGUYỄN CÔNG	ĐẮC	CD09TH
6	09344006	NGUYỄN ĐẶNG THÚY	HẰNG	CD09TH
7	09329028	NGUYỄN VĂN	HẬU	CD09TH
8	09329029	HOÀNG THỊ THU	HIỀN	CD09TH
9	09329107	LÊ ĐÌNH	LUÂN	CD09TH
10	09344012	NGÔ VĂN	LUẬT	CD09TH
11	09329054	ĐOÀN NGUYỄN HÒA	NAM	CD09TH
12	09329057	LÊ THÀNH TUẤN	NGỌC	CD09TH
13	09329061	MAI VĂN	NGUYỄN	CD09TH
14	10329003	NGUYỄN ĐÌNH	CẨM	CD10TH
15	10329004	NGUYỄN HỒNG	CÔNG	CD10TH
16	10329006	NGUYỄN TRẦN ANH	DUY	CD10TH
17	10329007	NGUYỄN KHẮC	DƯƠNG	CD10TH
18	10329008	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	CD10TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00523

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Thiết kế hướng đồ thị tự động - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	09130097	NGUYỄN TRÍ	TUỆ	CD10TH
38	08130003	HUỲNH NGỌC THANH	BÌNH	DH08DT
39	08130020	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DZUY	DH08DT
40	09130001	HOÀNG GIA	AN	DH09DT
41	09130005	LŨNG BÁ	CHUNG	DH09DT
42	09130014	NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	DH09DT
43	09130029	TRẦN VŨ THANH	HUY	DH09DT
44	09130094	TRẦN QUỐC	TUẤN	DH09DT
45	10130020	CAO VĂN NGHĨA	EM	DH10DT
46	10130121	ĐẶNG PHƯƠNG	HẰNG	DH10DT
47	10130028	NGUYỄN VĂN	HỒNG	DH10DT
48	10130034	NGUYỄN SƠN	KHÁNH	DH10DT
49	10130107	VŨ MINH	QUẬN	DH10DT
50	10130135	PHẠM BÁ	VINH	DH10DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00524

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học c : [Giao tiếp người i_má y - 01](#)

CBGD: [Trần Lê Như Quỳnh \(T800 \)](#)

1	09329004	LÊ NGUYỄN LAN	ANH	CD09TH
2	09344003	TRẦN QUỐC	ĐẠT	CD09TH
3	09329052	TRẦN CÔNG	LUẬT	CD09TH
4	09329055	TẶNG PHÚC	NÀM	CD09TH
5	09344018	NÔNG VĂN	QUÂN	CD09TH
6	09329077	NGUYỄN THÀNH	TÀI	CD09TH
7	09329088	LƯƠNG HẢO	TIÊN	CD09TH
8	10329011	LÊ THỊ HƯƠNG	GIANG	CD10TH
9	10329016	TRẦN THỊ	HƯỜNG	CD10TH
10	10329023	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGA	CD10TH
11	10329027	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	NHI	CD10TH
12	10329028	NGUYỄN VŨ BẢO	NINH	CD10TH
13	10329031	HÀ TIẾN	THỊNH	CD10TH
14	10130006	NGUYỄN ĐÌNH	BÌNH	CD11TH
15	08130020	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DZUY	DH08DT
16	08130021	LÝ MINH	ĐẠT	DH08DT
17	07130132	THÂN MINH	TRIẾT	DH08DT
18	07118029	TRẦN	TUẤN	DH08DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 00524

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : [Giao tiếp người đi máy - 01](#)

CBGD: [Trần Lê Như Quỳnh \(T800 \)](#)

19	08130107	TRƯƠNG TẤN	VINH	DH08DT
20	09130005	LƯƠNG BÁ	CHUNG	DH09DT
21	09130006	NGUYỄN HOÀNG	CHƯƠNG	DH09DT
22	09130007	NGUYỄN XUÂN	CHƯƠNG	DH09DT
23	09130009	TRỊNH VĂN	CHƯƠNG	DH09DT
24	09130010	HỒ VĂN	CÔNG	DH09DT
25	09130012	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH09DT
26	09130015	PHẠM HOÀNG	DỦ	DH09DT
27	09130016	DƯƠNG TUẤN	DỮNG	DH09DT
28	09130014	NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	DH09DT
29	09130020	BÙI VĂN	ĐOÀN	DH09DT
30	09130021	ĐOÀN HỒNG	GIÚP	DH09DT
31	09130022	NGUYỄN THANH	HẢI	DH09DT
32	09130112	NGUYỄN ĐĂNG	HẬU	DH09DT
33	09130023	NGUYỄN VĂN	HẬU	DH09DT
34	09130025	ĐỖ ĐUỜNG	HIỆP	DH09DT
35	09130024	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH09DT
36	09130026	NGUYỄN THỊ	HOA	DH09DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00524

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : [Giao tiếp người đi máy - 01](#)

CBGD: [Trần Lê Như Quỳnh \(T800 \)](#)

37	09130027	NGUYỄN XUÂN	HÒA	DH09DT
38	09130028	NGUYỄN HOÀNG	HUÂN	DH09DT
39	09130030	ĐỖ MẠNH	HÙNG	DH09DT
40	07130047	LÊ QUANG	HUY	DH09DT
41	09130029	TRẦN VŨ THANH	HUY	DH09DT
42	09130114	CHU THỊ	HUYỀN	DH09DT
43	09130032	ĐÀO DUY	HƯNG	DH09DT
44	09130034	BÙI LAN	HƯƠNG	DH09DT
45	09130037	NGÔ VĂN	KHẢI	DH09DT
46	09130035	TRẦN NGUYỄN THÁI	KHANG	DH09DT
47	09130040	NGUYỄN VŨ	LINH	DH09DT
48	09130042	BÙI MINH	LỘC	DH09DT
49	09130043	NGUYỄN THÀNH	LỘC	DH09DT
50	09130044	THẠCH PHƯƠNG	LỘC	DH09DT
51	09130045	PHAN NGUYỄN	LỢI	DH09DT
52	09130047	NGUYỄN MINH	LUÂN	DH09DT
53	09130048	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	LUẬT	DH09DT
54	09130049	BÙI TẤN	LỰC	DH09DT

91	10130107	VÕ MINH	QUẬN	DH10DT
92	10130072	ĐỖ TIẾN	SỸ	DH10DT
93	10130082	HUỖNH QUỐC	THẠCH	DH10DT
94	10130077	PHẠM TUẤN	THANH	DH10DT
95	10130131	ĐỖ HOÀNG	THỊNH	DH10DT
96	10130087	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THÙY	DH10DT
97	10130088	TRẦN THỊ THANH	THÙY	DH10DT
98	10130135	PHẠM BÁ	VINH	DH10DT
99	10130099	THÁI QUANG	VINH	DH10DT

1	09329002	CAO THỊ TRƯỜNG	AN	CD09TH
2	09329007	ĐẶNG THỊ	CHUNG	CD09TH
3	09329008	NGUYỄN DUY	CƯỜNG	CD09TH
4	09329024	LÊ THỊ KIỀU	GIANG	CD09TH
5	09329025	NGUYỄN VÕ HOÀNG	HẢI	CD09TH
6	09329026	NGUYỄN THỊ	HẠNH	CD09TH
7	09344009	HUỲNH TRUNG	HỒ	CD09TH
8	09329032	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	CD09TH
9	09329034	THÁI QUỐC	HUY	CD09TH
10	09344012	NGÔ VĂN	LUẬT	CD09TH
11	09329052	TRẦN CÔNG	LUẬT	CD09TH
12	09329054	ĐOÀN NGUYỄN HÒA	NAM	CD09TH
13	09329055	TẶNG PHÚC	NÀM	CD09TH
14	09329057	LÊ THÀNH TUẤN	NGỌC	CD09TH
15	09329067	NGUYỄN TRẦN NAM	PHƯƠNG	CD09TH
16	09344018	NÔNG VĂN	QUÂN	CD09TH
17	09329073	BỒ MINH	SANG	CD09TH
18	09329082	TRẦN THẾ	THẮNG	CD09TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00525

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Nhậ p mô n cô ng nghệ phầ n mề m - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

37	08130053	VŨ BÌNH	MINH	DH08DT
38	08130095	NGUYỄN MINH	TRUNG	DH08DT
39	08130127	NGUYỄN XUÂN	VINH	DH08DT
40	08130107	TRƯƠNG TẤN	VINH	DH08DT
41	08130109	TRẦN HỒ NGUYỄN	VŨ	DH08DT
42	09130004	VY VĂN	BIỂN	DH09DT
43	09130005	LŨNG BÁ	CHUNG	DH09DT
44	09130007	NGUYỄN XUÂN	CHƯƠNG	DH09DT
45	09130009	TRỊNH VĂN	CHƯƠNG	DH09DT
46	09130010	HỒ VĂN	CÔNG	DH09DT
47	09130011	PHAN PHÚ	CƯỜNG	DH09DT
48	09130013	TRẦN THỊ	DINH	DH09DT
49	09130015	PHẠM HOÀNG	DŨ	DH09DT
50	09130020	BÙI VĂN	ĐOÀN	DH09DT
51	09130112	NGUYỄN ĐĂNG	HẬU	DH09DT
52	09130023	NGUYỄN VĂN	HẬU	DH09DT
53	09130025	ĐỖ ĐƯỜNG	HIỆP	DH09DT
54	09130024	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH09DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00525

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Nhậ p mô n cô ng nghệ phầ n mề m - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	09130027	NGUYỄN XUÂN	HÒA	DH09DT
56	09130028	NGUYỄN HOÀNG	HUÂN	DH09DT
57	09130030	ĐỖ MẠNH	HÙNG	DH09DT
58	09130031	HOÀNG MINH	HÙNG	DH09DT
59	07130047	LÊ QUANG	HUY	DH09DT
60	09130029	TRẦN VŨ THANH	HUY	DH09DT
61	09130114	CHU THỊ	HUYỀN	DH09DT
62	09130032	ĐÀO DUY	HƯNG	DH09DT
63	09130033	VÕ QUỐC	HƯNG	DH09DT
64	09130115	ĐÀO THỊ NGỌC	LAN	DH09DT
65	09130040	NGUYỄN VŨ	LINH	DH09DT
66	09130045	PHAN NGUYỄN	LỢI	DH09DT
67	09130046	NGUYỄN CHÍNH	LUÂN	DH09DT
68	09130047	NGUYỄN MINH	LUÂN	DH09DT
69	09130049	BÙI TẤN	LỰC	DH09DT
70	09130050	NGUYỄN KHẮC	MẠNH	DH09DT
71	09130052	ĐÀO LÊ DUY	NAM	DH09DT
72	09130054	QUÁCH MINH	NAM	DH09DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00525

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Nhậ p mô n cô ng nghệ phầ n mề m - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

73	09130055	LÊ CÔNG	NGÀ	DH09DT
74	09130122	HOÀNG VŨ	NGHĨA	DH09DT
75	09130056	PHẠM HỮU	NGHĨA	DH09DT
76	09130057	NGUYỄN THỊ	NGỌ	DH09DT
77	09130065	TRẦN CHÂU	PHI	DH09DT
78	09130066	NGUYỄN THẾ	PHONG	DH09DT
79	09130068	NGUYỄN TRUNG THÀNH	PHƯỚC	DH09DT
80	09130069	PHẠM HỮU	PHƯỚC	DH09DT
81	09130136	HỒ LÊ HOÀI	PHƯƠNG	DH09DT
82	09130135	LÊ VĂN	PHƯƠNG	DH09DT
83	09130123	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	DH09DT
84	09130070	VÕ LÊ HẢI	QUANG	DH09DT
85	09130071	BÙI MINH	QUỐC	DH09DT
86	09130077	NGUYỄN NGỌC	TÂN	DH09DT
87	09130079	PHẠM VĂN	THẠCH	DH09DT
88	09130082	TRẦN BẢO	THẮNG	DH09DT
89	09130086	NGUYỄN DUY	THƯƠNG	DH09DT
90	09130088	LƯU MINH	TRIẾT	DH09DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00525

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Nhậ p mô n cô ng nghê phầ n mề m - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

91	09130130	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	DH09DT
92	09130100	LÊ THỊ TUYẾT	VÂN	DH09DT
93	10130011	ĐINH ĐỖ XUÂN	CHIẾN	DH10DT
94	10130133	TRẦN VĂN	THẮNG	DH10DT
95	11130054	VÕ TRẦN	ĐẠI	DH11DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00526

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Lậ p trì nh .NET - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

1	09329007	ĐẶNG THỊ	CHUNG	CD09TH
2	09329016	NGUYỄN VĂN	DŨNG	CD09TH
3	09329024	LÊ THỊ KIỀU	GIANG	CD09TH
4	09329028	NGUYỄN VĂN	HẬU	CD09TH
5	09344009	HUỲNH TRUNG	HỒ	CD09TH
6	09329032	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	CD09TH
7	09329039	LƯƠNG NGUYỄN	KHANH	CD09TH
8	09329050	PHẠM NGUYỄN PHÚ	LỢI	CD09TH
9	09329055	TẶNG PHÚC	NÀM	CD09TH
10	09329057	LÊ THÀNH TUẤN	NGỌC	CD09TH
11	09329070	PHẠM LÊ	QUANG	CD09TH
12	09344018	NÔNG VĂN	QUÂN	CD09TH
13	09329073	BỒ MINH	SANG	CD09TH
14	09329093	LÊ ANH	TUẤN	CD09TH
15	09329095	NGUYỄN MINH	TÙNG	CD09TH
16	08130002	TRẦN THỊ	BẾ	DH08DT
17	08130012	NGUYỄN CÔNG	DANH	DH08DT
18	08130018	NGUYỄN NHƯ ĐẠI	DƯƠNG	DH08DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00526

Trang 2/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Lập trình .NET - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

19	08130019	TRẦN ĐẠI	DƯƠNG	DH08DT
20	08130112	LÊ VŨ TRANG	ĐÀI	DH08DT
21	08130033	LÂM QUỐC	HỒNG	DH08DT
22	08130037	ĐẶNG VĂN	HƯNG	DH08DT
23	08130041	NGUYỄN DUY	KHÁNH	DH08DT
24	08130044	PHẠM PHƯƠNG	KIỀU	DH08DT
25	07130070	PHẠM MINH	LUÂN	DH08DT
26	07130072	NGUYỄN ĐÌNH	LUẬT	DH08DT
27	08130056	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	DH08DT
28	08130058	HỒ THỊ CẨM	NHUNG	DH08DT
29	08130059	NGUYỄN THỊ	NHUNG	DH08DT
30	08130067	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	DH08DT
31	08130068	MAI ANH	PHƯƠNG	DH08DT
32	08130069	TRƯƠNG VŨ THU	PHƯƠNG	DH08DT
33	08130077	LÊ THỊ THU	SƯƠNG	DH08DT
34	08130080	LÊ NGỌC MINH	TÂN	DH08DT
35	07130115	LÊ MINH	THẢO	DH08DT
36	08130087	NGUYỄN	THÔNG	DH08DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00526

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Lập trình .NET - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	08130090	NGUYỄN THỊ	TIÊM	DH08DT
38	08130089	PHẠM KIM	TIÊN	DH08DT
39	08130098	NGUYỄN ĐỨC	TUÂN	DH08DT
40	08130099	BÙI MINH	TUẤN	DH08DT
41	08130100	LÊ HOÀNG ĐÌNH	TUẤN	DH08DT
42	07118029	TRẦN	TUẤN	DH08DT
43	08130103	VŨ ĐÌNH	TUẤN	DH08DT
44	08130129	TRẦN ANH	VŨ	DH08DT
45	09130004	VY VĂN	BIÊN	DH09DT
46	09130005	LŨNG BÁ	CHUNG	DH09DT
47	09130006	NGUYỄN HOÀNG	CHƯƠNG	DH09DT
48	09130007	NGUYỄN XUÂN	CHƯƠNG	DH09DT
49	09130009	TRỊNH VĂN	CHƯƠNG	DH09DT
50	09130010	HỒ VĂN	CÔNG	DH09DT
51	09130011	PHAN PHÚ	CƯỜNG	DH09DT
52	09130012	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH09DT
53	09130013	TRẦN THỊ	DINH	DH09DT
54	09130016	DƯƠNG TUẤN	DŨNG	DH09DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n dậ ng 00526

Trang 4/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Lậ p trì nh .NET - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	09130020	BÙI VĂN	ĐOÀN	DH09DT
56	09130021	ĐOÀN HỒNG	GIÚP	DH09DT
57	09130022	NGUYỄN THANH	HẢI	DH09DT
58	09130023	NGUYỄN VĂN	HẬU	DH09DT
59	09130025	ĐỖ ĐUỜNG	HIỆP	DH09DT
60	09130026	NGUYỄN THỊ	HOA	DH09DT
61	09130027	NGUYỄN XUÂN	HÒA	DH09DT
62	09130030	ĐỖ MẠNH	HÙNG	DH09DT
63	09130031	HOÀNG MINH	HÙNG	DH09DT
64	07130047	LÊ QUANG	HUY	DH09DT
65	09130032	ĐÀO DUY	HƯNG	DH09DT
66	09130033	VÕ QUỐC	HƯNG	DH09DT
67	09130035	TRẦN NGUYỄN THÁI	KHANG	DH09DT
68	09130115	ĐÀO THỊ NGỌC	LAN	DH09DT
69	09130042	BÙI MINH	LỘC	DH09DT
70	09130043	NGUYỄN THÀNH	LỘC	DH09DT
71	09130044	THẠCH PHƯƠNG	LỘC	DH09DT
72	09130046	NGUYỄN CHÍNH	LUÂN	DH09DT

91	09130076	LÊ VÕ MINH	TÂM	DH09DT
92	09130077	NGUYỄN NGỌC	TÂN	DH09DT
93	09130079	PHẠM VĂN	THẠCH	DH09DT
94	09130082	TRẦN BẢO	THẮNG	DH09DT
95	09130086	NGUYỄN DUY	THƯƠNG	DH09DT
96	09130088	LƯU MINH	TRIẾT	DH09DT
97	09130093	THẠCH THANH	TUẤN	DH09DT
98	09130099	NGUYỄN TUẤN	VĂN	DH09DT
99	09130100	LÊ THỊ TUYẾT	VÂN	DH09DT
100	09130133	LÊ MINH	VƯƠNG	DH09DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00527

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Chuyên đề WEB - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	08165019	NGUYỄN HOÀNG THANH	LAM	CD08TH
2	09329039	LƯƠNG NGUYỄN	KHANH	CD09TH
3	09344011	LÊ NHẬT	KIM	CD09TH
4	09329067	NGUYỄN TRẦN NAM	PHƯƠNG	CD09TH
5	09329070	PHẠM LÊ	QUANG	CD09TH
6	09344021	NGUYỄN THẾ	TÀI	CD09TH
7	09329093	LÊ ANH	TUẤN	CD09TH
8	07130002	ĐINH NGỌC	ANH	DH07DTH
9	06130049	NGUYỄN THỊ HẠNH	MAI	DH07DTH
10	08130001	LÊ NGUYỄN HOÀNG	ANH	DH08DT
11	08130003	HUỲNH NGỌC THANH	BÌNH	DH08DT
12	08130007	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	DH08DT
13	08130016	BÙI ĐĂNG	DŨNG	DH08DT
14	08130014	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	DH08DT
15	08130018	NGUYỄN NHƯ ĐẠI	DƯƠNG	DH08DT
16	08130019	TRẦN ĐẠI	DƯƠNG	DH08DT
17	08130112	LÊ VŨ TRANG	ĐÀI	DH08DT
18	08130021	LÝ MINH	ĐẠT	DH08DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00527

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Chuyên đề WEB - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

19	08130022	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	DH08DT
20	08130024	ĐẶNG HỒNG	HẢI	DH08DT
21	07130035	NGUYỄN THẾ	HIỂN	DH08DT
22	08130029	NGUYỄN ĐỨC MINH	HIẾU	DH08DT
23	08130031	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH08DT
24	08130032	TÔ NGỌC LONG	HỒ	DH08DT
25	08130033	LÂM QUỐC	HỒNG	DH08DT
26	08130038	NGUYỄN XUÂN VĨNH	HƯNG	DH08DT
27	08130040	LÂM DUY	KHANH	DH08DT
28	08130042	PHAN TẤN	KHÁNH	DH08DT
29	08130043	NGUYỄN ANH	KHOA	DH08DT
30	08130047	LÊ VŨ THIẾT	LONG	DH08DT
31	07130072	NGUYỄN ĐÌNH	LUẬT	DH08DT
32	08130051	TRẦN CÔNG	LÝ	DH08DT
33	08130052	TRẦN NGỌC	MINH	DH08DT
34	08130053	VŨ BÌNH	MINH	DH08DT
35	08118021	NGUYỄN THỊ HẰNG	NGA	DH08DT
36	08130058	HỒ THỊ CẨM	NHUNG	DH08DT

55	07130132	THÂN MINH	TRIẾT	DH08DT
56	08130095	NGUYỄN MINH	TRUNG	DH08DT
57	08130098	NGUYỄN ĐỨC	TUÂN	DH08DT
58	08130100	LÊ HOÀNG ĐÌNH	TUẤN	DH08DT
59	08130101	NGUYỄN THANH	TUẤN	DH08DT
60	08130102	NGUYỄN XUÂN	TUẤN	DH08DT
61	07118029	TRẦN	TUẤN	DH08DT
62	08130104	VÕ THANH	TÙNG	DH08DT
63	08130126	NGUYỄN THỊ BẠCH	VÂN	DH08DT
64	08130106	NGUYỄN VĂN	VẬN	DH08DT
65	08130128	PHẠM QUỐC	VINH	DH08DT
66	08130129	TRẦN ANH	VỮ	DH08DT
67	09130071	BÙI MINH	QUỐC	DH09DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00528

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Chuyên đề mã nguồn mở - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	08130002	TRẦN THỊ	BÉ	DH08DT
2	08130005	NGUYỄN THÁI	CHÂU	DH08DT
3	08130009	TRẦN HUY	CƯỜNG	DH08DT
4	08130012	NGUYỄN CÔNG	DANH	DH08DT
5	08130016	BÙI ĐĂNG	DŨNG	DH08DT
6	08130014	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	DH08DT
7	08130018	NGUYỄN NHƯ ĐẠI	DƯƠNG	DH08DT
8	08130019	TRẦN ĐẠI	DƯƠNG	DH08DT
9	08130112	LÊ VŨ TRANG	ĐÀI	DH08DT
10	08130022	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	DH08DT
11	07130029	TÔ XUÂN	HẢI	DH08DT
12	08130025	TRIỆU LONG	HẢI	DH08DT
13	07130035	NGUYỄN THẾ	HIỂN	DH08DT
14	08130031	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH08DT
15	08130032	TÔ NGỌC LONG	HỒ	DH08DT
16	08130038	NGUYỄN XUÂN VĨNH	HƯNG	DH08DT
17	08130040	LÂM DUY	KHANH	DH08DT
18	08130041	NGUYỄN DUY	KHÁNH	DH08DT

55	07118029	TRẦN	TUẤN	DH08DT
56	08130103	VŨ ĐÌNH	TUẤN	DH08DT
57	08130104	VỖ THANH	TÙNG	DH08DT
58	08130126	NGUYỄN THỊ BẠCH	VÂN	DH08DT
59	08130106	NGUYỄN VĂN	VÂN	DH08DT
60	08130127	NGUYỄN XUÂN	VINH	DH08DT
61	08130128	PHẠM QUỐC	VINH	DH08DT
62	08130129	TRẦN ANH	VŨ	DH08DT

1	09329002	CAO THỊ TRƯỜNG	AN	CD09TH
2	09344003	TRẦN QUỐC	ĐẠT	CD09TH
3	09329056	LÊ ĐỨC	NGHIÊM	CD09TH
4	11329091	ĐỖ VĂN	QUANG	CD11TH
5	07130029	TÔ XUÂN	HẢI	DH08DT
6	08130061	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	DH08DT
7	07130121	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	DH08DT
8	08130100	LÊ HOÀNG ĐÌNH	TUẤN	DH08DT
9	08130128	PHẠM QUỐC	VINH	DH08DT
10	06130098	CAO ANH	VŨ	DH08DT

1	08167014	HUYỀN VẤN	SANG	CD08TH
2	07329178	HUYỀN TẤN	VINH	CD08TH
3	09329004	LÊ NGUYỄN LAN	ANH	CD09TH
4	09329007	ĐẶNG THỊ	CHUNG	CD09TH
5	09329008	NGUYỄN DUY	CƯỜNG	CD09TH
6	07130022	NGUYỄN CÔNG	ĐẮC	CD09TH
7	09329024	LÊ THỊ KIỀU	GIANG	CD09TH
8	09329025	NGUYỄN VÕ HOÀNG	HẢI	CD09TH
9	09329026	NGUYỄN THỊ	HẠNH	CD09TH
10	09329028	NGUYỄN VĂN	HẬU	CD09TH
11	09329029	HOÀNG THỊ THU	HIỀN	CD09TH
12	09329034	THÁI QUỐC	HUY	CD09TH
13	09344011	LÊ NHẬT	KIM	CD09TH
14	09344012	NGÔ VĂN	LUẬT	CD09TH
15	09329054	ĐOÀN NGUYỄN HÒA	NAM	CD09TH
16	09329055	TẶNG PHÚC	NÀM	CD09TH
17	09329056	LÊ ĐỨC	NGHIÊM	CD09TH
18	09329058	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	CD09TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00530

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Cấ u trú c dữ liệ u - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

37	08130075	LÊ ĐỨC	QUYỄN	DH08DT
38	08130099	BÙI MINH	TUẤN	DH08DT
39	08130101	NGUYỄN THANH	TUẤN	DH08DT
40	08130106	NGUYỄN VĂN	VẬ	DH08DT
41	09130001	HOÀNG GIA	AN	DH09DT
42	09130004	VY VĂN	BIỂN	DH09DT
43	09130009	TRỊNH VĂN	CHƯƠNG	DH09DT
44	09130010	HỒ VĂN	CÔNG	DH09DT
45	09130011	PHAN PHÚ	CƯỜNG	DH09DT
46	09130016	DƯƠNG TUẤN	DŨNG	DH09DT
47	09130021	ĐOÀN HỒNG	GIÚP	DH09DT
48	09130022	NGUYỄN THANH	HẢI	DH09DT
49	09130112	NGUYỄN ĐĂNG	HẬU	DH09DT
50	09130025	ĐỖ ĐƯỜNG	HIỆP	DH09DT
51	09130024	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH09DT
52	09130028	NGUYỄN HOÀNG	HUÂN	DH09DT
53	09130030	ĐỖ MẠNH	HÙNG	DH09DT
54	09130029	TRẦN VŨ THANH	HUY	DH09DT

109	10130039	ĐỖ HOÀNG	LONG	DH10DT
110	10130040	LÊ VĂN	LONG	DH10DT
111	10130041	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	DH10DT
112	10130042	NGUYỄN LÂM THÀNH	LỢI	DH10DT
113	10130043	NGUYỄN ĐỨC	LƯƠNG	DH10DT
114	10130044	PHẠM VĂN	LƯƠNG	DH10DT
115	10130046	NGUYỄN MINH	MẮN	DH10DT
116	10130047	LÂM NHẬT	MINH	DH10DT
117	10130048	TRƯƠNG NHẬT	MINH	DH10DT
118	10130051	TRẦN THẾ	NGHI	DH10DT
119	10130052	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	DH10DT
120	10130112	LÊ NGUYỄN HỮU	NHÂN	DH10DT
121	10130104	NGUYỄN MINH	NHẬT	DH10DT
122	10130054	ĐOÀN Ý	NHI	DH10DT
123	10130058	LA HIỆP	PHÁT	DH10DT
124	10130061	TRƯƠNG THỊNH	PHÚ	DH10DT
125	10130062	ĐÀO NGỌC	PHÚC	DH10DT
126	10130064	LÊ HOÀNG	PHƯƠNG	DH10DT

127	10130107	VÕ MINH	QUẬN	DH10DT
128	10130069	NGUYỄN MINH	SANG	DH10DT
129	10130070	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	SƠN	DH10DT
130	10130071	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH10DT
131	10130073	LÊ THANH	TÂM	DH10DT
132	10130081	NGUYỄN VĂN	THÁI	DH10DT
133	10130077	PHẠM TUẤN	THANH	DH10DT
134	10130078	HỒ MINH	THÀNH	DH10DT
135	10130080	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10DT
136	10130131	ĐỖ HOÀNG	THỊNH	DH10DT
137	10130114	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH	DH10DT
138	10130084	VÕ ĐẮC	THỊNH	DH10DT
139	10130085	DƯƠNG HOÀNG	THƠ	DH10DT
140	10130087	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THÙY	DH10DT
141	10130088	TRẦN THỊ THANH	THÙY	DH10DT
142	10130089	LÂM HOÀNG	THY	DH10DT
143	10130093	TRẦN ĐĂNG	TÍN	DH10DT
144	10130091	LÊ ĐĂNG	TỈNH	DH10DT

145	10130140	VÕ TẤN	TOÀN	DH10DT
146	10130096	TRẦN CÔNG	TRỰC	DH10DT
147	10130135	PHẠM BÁ	VINH	DH10DT
148	10130099	THÁI QUANG	VINH	DH10DT
149	10130100	TRỊNH HOÀNG	VŨ	DH10DT
150	10130101	TRẦN THỊ	VƯƠNG	DH10DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00531

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Cấu trúc dữ liệu - 02

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	08165006	PHAN TIẾN	DŨNG	CD08TH
2	08167009	VŨ THÀNH	NGUYỄN	CD08TH
3	08167020	NGUYỄN	TRÍ	CD08TH
4	08165040	NGÔ THỊ THANH	TRÚC	CD08TH
5	08165043	NGUYỄN VĂN	TÝ	CD08TH
6	09329014	PHẠM NGỌC	DUY	CD09TH
7	09329039	LƯƠNG NGUYỄN	KHANH	CD09TH
8	09329046	CAO VĂN	LONG	CD09TH
9	09329082	TRẦN THẾ	THẮNG	CD09TH
10	09329088	LƯƠNG HẢO	TIẾN	CD09TH
11	09329093	LÊ ANH	TUẤN	CD09TH
12	07130005	HOÀNG THIÊN	ÂN	CD10TH
13	10329003	NGUYỄN ĐÌNH	CẨM	CD10TH
14	10329004	NGUYỄN HỒNG	CÔNG	CD10TH
15	10329006	NGUYỄN TRẦN ANH	DUY	CD10TH
16	10329007	NGUYỄN KHẮC	DƯƠNG	CD10TH
17	10329008	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	CD10TH
18	10329009	VŨ XUÂN	ĐOÀN	CD10TH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00531

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Cấ u trú c dữ liệ u - 02

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

19	10329011	LÊ THỊ HƯƠNG	GIANG	CD10TH
20	10329002	TRẦN TRƯỜNG	GIANG	CD10TH
21	10329014	NGUYỄN DUY	HIỀN	CD10TH
22	10329032	NGUYỄN MỸ	LUÔN	CD10TH
23	10329020	LÊ HOÀNG	MẾN	CD10TH
24	10329015	TRẦN NHƯ	NGỌC	CD10TH
25	10329025	VŨ THỊ	NHÀI	CD10TH
26	10329046	PHẠM THỊ HIẾU	NHIÊN	CD10TH
27	10329028	NGUYỄN VŨ BẢO	NINH	CD10TH
28	10329029	LÊ DƯƠNG THANH	PHONG	CD10TH
29	10329045	LÊ THỊ DIỄM	QUYÊN	CD10TH
30	10329051	ĐỖ THỊ NHƯ	QUỲNH	CD10TH
31	10329048	NGUYỄN THANH	SANG	CD10TH
32	10329031	HÀ TIẾN	THỊNH	CD10TH
33	10329050	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUẬN	CD10TH
34	10329034	NGUYỄN VĂN	TRỌNG	CD10TH
35	09130097	NGUYỄN TRÍ	TUỆ	CD10TH
36	10329037	NGUYỄN THANH	VŨ	CD10TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập học 00531

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Cấu trúc dữ liệu - 02

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11329012	ĐỖ TRỌNG	NGUYỄN	CD11TH
38	08130111	ĐỖ HUY	CƯỜNG	DH08DT
39	08130020	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	DZUY	DH08DT
40	08130027	BÙI VĂN	HIỂN	DH08DT
41	08130082	LÊ VĂN	THANH	DH08DT
42	09130014	NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	DH09DT
43	09130037	NGÔ VĂN	KHẢI	DH09DT
44	09130059	PHẠM BÁ	NGỌC	DH09DT
45	09130074	NGUYỄN THẾ	TÀI	DH09DT
46	09130091	LÊ HOÀNG	TUẤN	DH09DT
47	09130092	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH09DT
48	10130053	NGUYỄN MINH	NHẬT	DH10DT
49	10130083	GIÁP QUANG	THỊNH	DH10DT
50	10130094	LÊ QUANG	TOẠI	DH10DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00532

Trang 2/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Nhậ p mô n cơ sở dữ liệ u - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

19	11329021	PHẠM QUỐC	DUY	CD11TH
20	11329029	NGUYỄN CÔNG	ĐỊNH	CD11TH
21	11329034	ĐẶNG PHƯƠNG NHẬT	ĐỒNG	CD11TH
22	11329101	NGUYỄN VĂN	ĐƯỜNG	CD11TH
23	11329036	NGUYỄN VĂN	HAY	CD11TH
24	11329094	NGUYỄN VĂN TRUNG	HIẾU	CD11TH
25	11329123	PHẠM THỊ	LIÊN	CD11TH
26	11329125	NGUYỄN THÀNH	LONG	CD11TH
27	11329077	ĐOÀN KIM	LUÂN	CD11TH
28	11329068	HOÀNG ĐỨC	LUÂN	CD11TH
29	11329025	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	CD11TH
30	11329012	ĐỖ TRỌNG	NGUYỄN	CD11TH
31	11329122	NGUYỄN PHƯƠNG	QUAN	CD11TH
32	11329091	ĐỖ VĂN	QUANG	CD11TH
33	11329136	LÊ VĂN BẢO	QUỐC	CD11TH
34	11329059	MAI	SƠN	CD11TH
35	11329097	VÕ NGỌC	TẤN	CD11TH
36	11329141	NGUYỄN ANH	THUẬN	CD11TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập học 00532

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nhập môn cơ sở dữ liệu - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	11329102	NGÔ VĂN	TIÊN	CD11TH
38	11329104	PHẠM VĂN	TIẾN	CD11TH
39	11329096	HUYỀN VĂN BÁ	TRƯỚC	CD11TH
40	11329022	TĂNG VĂN	TRƯỜNG	CD11TH
41	11329133	PHẠM THÀNH	VŨ	CD11TH
42	08130053	VŨ BÌNH	MINH	DH08DT
43	08130056	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	DH08DT
44	08130107	TRƯƠNG TẤN	VINH	DH08DT
45	08130109	TRẦN HỒ NGUYỄN	VŨ	DH08DT
46	09130040	NGUYỄN VŨ	LINH	DH09DT
47	09130067	VŨ MINH	PHỤNG	DH09DT
48	09130075	LÊ THANH	TÂM	DH09DT
49	09130094	TRẦN QUỐC	TUẤN	DH09DT
50	10130110	LÊ VĂN	BÌNH	DH10DT
51	10130019	NGUYỄN TẤN	ĐỨC	DH10DT
52	10130020	CAO VĂN NGHĨA	EM	DH10DT
53	10130121	ĐẶNG PHƯỢNG	HẠNG	DH10DT
54	10130021	NGUYỄN HỮU	HIỀN	DH10DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n d a n g 00532

Trang 4/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n H o c : Nhậ p mô n cơ sở dữ liệ u - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	10130025	THÁI MINH	HIẾU	DH10DT
56	10130026	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	DH10DT
57	10130030	BÙI VĂN	HUYỀNH	DH10DT
58	10130036	NGUYỄN THỊ THANH	KIẾU	DH10DT
59	10130041	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	DH10DT
60	10130120	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	LONG	DH10DT
61	10130043	NGUYỄN ĐỨC	LƯƠNG	DH10DT
62	10130113	VÕ XUÂN	NHÂN	DH10DT
63	10130128	HOÀNG NHẬT	PHÚ	DH10DT
64	10130061	TRƯƠNG THỊNH	PHÚ	DH10DT
65	10130065	TRẦN HOÀNG	PHƯƠNG	DH10DT
66	10130069	NGUYỄN MINH	SANG	DH10DT
67	10130070	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	SƠN	DH10DT
68	10130081	NGUYỄN VĂN	THÁI	DH10DT
69	10130076	NGUYỄN VĂN	THANH	DH10DT
70	10130078	HỒ MINH	THÀNH	DH10DT
71	10130133	TRẦN VĂN	THẮNG	DH10DT
72	10130131	ĐỖ HOÀNG	THỊNH	DH10DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập n dậ ng 00532

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Nhập mô n cơ sở dữ liệ u - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	10130083	GIÁP QUANG	THỊNH	DH10DT
74	10130085	DƯƠNG HOÀNG	THƠ	DH10DT
75	10130086	NGUYỄN NGỌC	THUẬN	DH10DT
76	10130089	LÂM HOÀNG	THY	DH10DT
77	10130090	NGUYỄN HỮU	TÌNH	DH10DT
78	10130096	TRẦN CÔNG	TRỰC	DH10DT
79	10130116	TRẦN CÔNG	TRƯỚC	DH10DT
80	10130124	HUYỀN CAO	VĨNH	DH10DT
81	10130100	TRỊNH HOÀNG	VŨ	DH10DT
82	11130002	HOÀNG KIM LỆ	CHI	DH11DT
83	11130046	NGUYỄN VĂN	TUẤN	DH11DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập học 00533

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nhập môn cơ sở dữ liệu - 02

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	09157058	ĐẶNG TRUNG	HIẾU	CD10TH
2	10329016	TRẦN THỊ	HƯỜNG	CD10TH
3	10329023	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGA	CD10TH
4	10329025	VŨ THỊ	NHÀI	CD10TH
5	10329027	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	NHI	CD10TH
6	10130006	NGUYỄN ĐÌNH	BÌNH	CD11TH
7	07130115	LÊ MINH	THẢO	DH08DT
8	09130049	BÙI TẤN	LỰC	DH09DT
9	09130050	NGUYỄN KHẮC	MẠNH	DH09DT
10	09130084	MAI QUỐC	THỊNH	DH09DT
11	10130017	LÂM MINH	ĐẠT	DH10DT
12	10130023	LÝ TRUNG	HIẾU	DH10DT
13	10130035	PHẠM QUỐC	KHƯƠNG	DH10DT
14	10130052	NGUYỄN VĂN	NGHĨA	DH10DT
15	10130054	ĐOÀN Ý	NHI	DH10DT
16	10130071	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	DH10DT
17	10130073	LÊ THANH	TÂM	DH10DT
18	10130102	VŨ SANG	XUÂN	DH10DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00533

Trang 2/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Nhậ p mô n cơ sở dữ liệ u - 02

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

19	11130012	PHẠM QUAN KHIẾT	LUÂN	DH11DT
20	11130050	TRẦN ĐÌNH BẢO	NGỌC	DH11DT
21	11130023	NGÔ MINH	THỐNG	DH11DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00534

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	07329020	LÂM THỊ PHƯƠNG	DUNG	CD08TH
2	08165006	PHAN TIẾN	DŨNG	CD08TH
3	08167009	VŨ THÀNH	NGUYỄN	CD08TH
4	08165029	NGUYỄN MAI	SƯƠNG	CD08TH
5	08165040	NGÔ THỊ THANH	TRÚC	CD08TH
6	07329178	HUỲNH TẤN	VINH	CD08TH
7	09329002	CAO THỊ TRƯỜNG	AN	CD09TH
8	09329024	LÊ THỊ KIỀU	GIANG	CD09TH
9	09344006	NGUYỄN ĐẶNG THÚY	HẰNG	CD09TH
10	09329032	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	CD09TH
11	09329055	TẶNG PHÚC	NÀM	CD09TH
12	09329058	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	CD09TH
13	09344018	NÔNG VĂN	QUÂN	CD09TH
14	09329077	NGUYỄN THÀNH	TÀI	CD09TH
15	09329082	TRẦN THẾ	THẮNG	CD09TH
16	09329095	NGUYỄN MINH	TÙNG	CD09TH
17	07130005	HOÀNG THIÊN	ÂN	CD10TH
18	10329050	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUẬN	CD10TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00534

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	09130070	VÕ LÊ HẢI	QUANG	DH09DT
74	09130074	NGUYỄN THẾ	TÀI	DH09DT
75	09130079	PHẠM VĂN	THẠCH	DH09DT
76	09130078	LÊ NGUYỄN	THÁI	DH09DT
77	09130080	LƯU VĂN	THẮNG	DH09DT
78	09130082	TRẦN BẢO	THẮNG	DH09DT
79	09130083	TRẦN VĂN	THIỆP	DH09DT
80	09130087	NGUYỄN VĂN	TOÀN	DH09DT
81	09130130	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	DH09DT
82	09130093	THẠCH THANH	TUẤN	DH09DT
83	09130099	NGUYỄN TUẤN	VĂN	DH09DT
84	09130103	HỒ XUÂN ANH	VŨ	DH09DT
85	09130133	LÊ MINH	VƯƠNG	DH09DT
86	10130002	TRẦN THỊ LAN	ANH	DH10DT
87	10130009	DƯƠNG KIM	CHÂU	DH10DT
88	10130012	NGUYỄN VIỆT	CƯƠNG	DH10DT
89	10130015	ĐỖ QUỐC	DŨNG	DH10DT
90	10130022	ĐOÀN MINH	HIẾU	DH10DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00534

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Hệ quả n trị cơ sở dữ liệ u - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

91	10130034	NGUYỄN SƠN	KHÁNH	DH10DT
92	10130042	NGUYỄN LÂM THÀNH	LỢI	DH10DT
93	10130047	LÂM NHẬT	MINH	DH10DT
94	10130104	NGUYỄN MINH	NHẬT	DH10DT
95	10130062	ĐÀO NGỌC	PHÚC	DH10DT
96	10130072	ĐỖ TIẾN	SỸ	DH10DT
97	10130077	PHẠM TUẤN	THANH	DH10DT
98	10130140	VÕ TẤN	TOÀN	DH10DT
99	10130097	LÊ THANH	TÙNG	DH10DT
100	10130099	THÁI QUANG	VINH	DH10DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập học 00535

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Phân tích và thiết kế HTTT - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	08165031	PHẠM HOÀNG	THIỆN	CD08TH
2	09329007	ĐẶNG THỊ	CHUNG	CD09TH
3	09329008	NGUYỄN DUY	CƯỜNG	CD09TH
4	09329024	LÊ THỊ KIỀU	GIANG	CD09TH
5	09329025	NGUYỄN VÕ HOÀNG	HẢI	CD09TH
6	09344009	HUỲNH TRUNG	HỒ	CD09TH
7	09329032	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	CD09TH
8	09329034	THÁI QUỐC	HUY	CD09TH
9	09329052	TRẦN CÔNG	LUẬT	CD09TH
10	09329055	TẶNG PHÚC	NÀM	CD09TH
11	09329058	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	CD09TH
12	09329061	MAI VẮN	NGUYỄN	CD09TH
13	09329067	NGUYỄN TRẦN NAM	PHƯƠNG	CD09TH
14	09329070	PHẠM LÊ	QUANG	CD09TH
15	09329073	BỒ MINH	SANG	CD09TH
16	09344021	NGUYỄN THẾ	TÀI	CD09TH
17	09329082	TRẦN THẾ	THẮNG	CD09TH
18	09329088	LƯƠNG HẢO	TIỀN	CD09TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00535

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Phân tích và thiết kế HTTT - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	09130010	HỒ VĂN	CÔNG	DH09DT
38	09130011	PHAN PHÚ	CƯỜNG	DH09DT
39	09130012	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH09DT
40	09130013	TRẦN THỊ	DINH	DH09DT
41	09130015	PHẠM HOÀNG	DỦ	DH09DT
42	09130020	BÙI VĂN	ĐOÀN	DH09DT
43	09130021	ĐOÀN HỒNG	GIÚP	DH09DT
44	09130112	NGUYỄN ĐĂNG	HẬU	DH09DT
45	09130023	NGUYỄN VĂN	HẬU	DH09DT
46	09130026	NGUYỄN THỊ	HOA	DH09DT
47	09130027	NGUYỄN XUÂN	HÒA	DH09DT
48	09130028	NGUYỄN HOÀNG	HUÂN	DH09DT
49	09130030	ĐỖ MẠNH	HÙNG	DH09DT
50	09130031	HOÀNG MINH	HÙNG	DH09DT
51	07130047	LÊ QUANG	HUY	DH09DT
52	09130032	ĐÀO DUY	HƯNG	DH09DT
53	09130033	VÕ QUỐC	HƯNG	DH09DT
54	09130034	BÙI LAN	HƯƠNG	DH09DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00535

Trang 5/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Phân tích và thiết kế HTTT - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	09130069	PHẠM HỮU	PHƯỚC	DH09DT
74	09130136	HỒ LÊ HOÀI	PHƯƠNG	DH09DT
75	09130135	LÊ VĂN	PHƯƠNG	DH09DT
76	09130123	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	DH09DT
77	09130070	VÕ LÊ HẢI	QUANG	DH09DT
78	09130071	BÙI MINH	QUỐC	DH09DT
79	09130074	NGUYỄN THẾ	TÀI	DH09DT
80	09130075	LÊ THANH	TÂM	DH09DT
81	09130076	LÊ VÕ MINH	TÂM	DH09DT
82	09130077	NGUYỄN NGỌC	TÂN	DH09DT
83	09130078	LÊ NGUYỄN	THÁI	DH09DT
84	09130080	LƯU VĂN	THẮNG	DH09DT
85	09130082	TRẦN BẢO	THẮNG	DH09DT
86	09130087	NGUYỄN VĂN	TOÀN	DH09DT
87	09130088	LƯU MINH	TRIẾT	DH09DT
88	09130130	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	DH09DT
89	09130093	THẠCH THANH	TUẤN	DH09DT
90	09130099	NGUYỄN TUẤN	VĂN	DH09DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00535

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học c : Phân tích và thiết kế HTTT - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

91	09130100	LÊ THỊ TUYẾT	VÂN	DH09DT
----	----------	--------------	-----	--------

37	08130084	NGUYỄN VĂN	THANH	DH08DT
38	08130085	ĐẶNG NGỌC SƠN	THẢO	DH08DT
39	08130087	NGUYỄN	THÔNG	DH08DT
40	07130121	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	DH08DT
41	08130089	PHẠM KIM	TIỀN	DH08DT
42	08130095	NGUYỄN MINH	TRUNG	DH08DT
43	08130098	NGUYỄN ĐỨC	TUÂN	DH08DT
44	08130099	BÙI MINH	TUẤN	DH08DT
45	08130101	NGUYỄN THANH	TUẤN	DH08DT
46	08130103	VŨ ĐÌNH	TUẤN	DH08DT
47	08130126	NGUYỄN THỊ BẠCH	VÂN	DH08DT
48	08130106	NGUYỄN VĂN	VÂN	DH08DT
49	08130127	NGUYỄN XUÂN	VINH	DH08DT
50	08130128	PHẠM QUỐC	VINH	DH08DT
51	08130129	TRẦN ANH	VŨ	DH08DT
52	09130004	VY VĂN	BIÊN	DH09DT
53	09130005	LŨNG BÁ	CHUNG	DH09DT
54	09130007	NGUYỄN XUÂN	CHƯƠNG	DH09DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00536

Trang 4/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Nhậ p mô n trí tuệ nhâ n tạ o - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

55	09130009	TRINH VĂN	CHƯƠNG	DH09DT
56	09130010	HỒ VĂN	CÔNG	DH09DT
57	09130011	PHAN PHÚ	CƯỜNG	DH09DT
58	09130012	NGUYỄN THỊ	DIỄM	DH09DT
59	09130015	PHẠM HOÀNG	DỦ	DH09DT
60	09130016	DƯƠNG TUẤN	DỮNG	DH09DT
61	09130018	TRANG NGỌC	DỮNG	DH09DT
62	09130014	NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	DH09DT
63	09130020	BÙI VĂN	ĐOÀN	DH09DT
64	09130021	ĐOÀN HỒNG	GIÚP	DH09DT
65	09130112	NGUYỄN ĐĂNG	HẬU	DH09DT
66	09130025	ĐỖ ĐUỜNG	HIỆP	DH09DT
67	09130024	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH09DT
68	09130026	NGUYỄN THỊ	HOA	DH09DT
69	09130027	NGUYỄN XUÂN	HÒA	DH09DT
70	09130028	NGUYỄN HOÀNG	HUÂN	DH09DT
71	09130030	ĐỖ MẠNH	HÙNG	DH09DT
72	07130047	LÊ QUANG	HUY	DH09DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập học 00536

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Nhập môn triết học nhân tạo - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

73	09130029	TRẦN VŨ THANH	HUY	DH09DT
74	09130114	CHU THỊ	HUYỀN	DH09DT
75	09130032	ĐÀO DUY	HƯNG	DH09DT
76	09130033	VÕ QUỐC	HƯNG	DH09DT
77	09130034	BÙI LAN	HƯƠNG	DH09DT
78	09130040	NGUYỄN VŨ	LINH	DH09DT
79	09130043	NGUYỄN THÀNH	LỘC	DH09DT
80	09130044	THẠCH PHƯƠNG	LỘC	DH09DT
81	09130045	PHAN NGUYỄN	LỢI	DH09DT
82	09130046	NGUYỄN CHÍNH	LUÂN	DH09DT
83	09130047	NGUYỄN MINH	LUÂN	DH09DT
84	09130048	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	LUẬT	DH09DT
85	09130049	BÙI TẤN	LỰC	DH09DT
86	09130050	NGUYỄN KHẮC	MẠNH	DH09DT
87	09130051	THẠCH MI	NA	DH09DT
88	09130052	ĐÀO LÊ DUY	NAM	DH09DT
89	09130054	QUÁCH MINH	NAM	DH09DT
90	09130055	LÊ CÔNG	NGÀ	DH09DT

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dạ ng 00536

Trang 6/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Họ c : Nhậ p mô n trí tuệ nhâ n tạ o - 01

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

91	09130122	HOÀNG VŨ	NGHĨA	DH09DT
92	09130056	PHẠM HỮU	NGHĨA	DH09DT
93	09130057	NGUYỄN THỊ	NGỌ	DH09DT
94	09130060	HUYỀN MINH	NGÔN	DH09DT
95	09130065	TRẦN CHÂU	PHI	DH09DT
96	09130066	NGUYỄN THẾ	PHONG	DH09DT
97	09130067	VŨ MINH	PHỤNG	DH09DT
98	09130068	NGUYỄN TRUNG THÀNH	PHƯỚC	DH09DT
99	09130069	PHẠM HỮU	PHƯỚC	DH09DT
100	09130136	HỒ LÊ HOÀI	PHƯƠNG	DH09DT
101	09130135	LÊ VĂN	PHƯƠNG	DH09DT
102	09130070	VŨ LÊ HẢI	QUANG	DH09DT
103	09130071	BÙI MINH	QUỐC	DH09DT
104	09130075	LÊ THANH	TÂM	DH09DT
105	09130076	LÊ VŨ MINH	TÂM	DH09DT
106	09130077	NGUYỄN NGỌC	TÂN	DH09DT
107	09130079	PHẠM VĂN	THẠCH	DH09DT
108	09130078	LÊ NGUYỄN	THÁI	DH09DT

109	09130080	LƯU VĂN	THẮNG	DH09DT
110	09130083	TRẦN VĂN	THIỆP	DH09DT
111	09130086	NGUYỄN DUY	THƯƠNG	DH09DT
112	09130091	LÊ HOÀNG	TUẤN	DH09DT
113	09130130	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	DH09DT
114	09130093	THẠCH THANH	TUẤN	DH09DT
115	09130094	TRẦN QUỐC	TUẤN	DH09DT
116	09130133	LÊ MINH	VƯƠNG	DH09DT
117	10130125	CAO ANH	HÀO	DH10DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00537

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Hệ thống thông tin địa lý - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	08165001	NGUYỄN THẾ	BÔN	CD08TH
2	08165029	NGUYỄN MAI	SƯƠNG	CD08TH
3	08165045	TRẦN HUY	VŨ	CD08TH
4	09329002	CAO THỊ TRƯỜNG	AN	CD09TH
5	09329016	NGUYỄN VĂN	DŨNG	CD09TH
6	09329025	NGUYỄN VÕ HOÀNG	HẢI	CD09TH
7	09344006	NGUYỄN ĐẶNG THÚY	HẰNG	CD09TH
8	09329106	LƯU PHƯỚC	HIỀN	CD09TH
9	09329107	LÊ ĐÌNH	LUÂN	CD09TH
10	09329052	TRẦN CÔNG	LUẬT	CD09TH
11	09329066	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	CD09TH
12	09344018	NÔNG VĂN	QUÂN	CD09TH
13	09329082	TRẦN THẾ	THẮNG	CD09TH
14	09329091	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	CD09TH
15	09329097	PHẠM THỊ THÚY	VÂN	CD09TH
16	09344027	HUYỀNH NGỌC	VI	CD09TH
17	09329099	ĐỖ HOÀNG	VIỆT	CD09TH
18	09329100	LÂM QUỐC	VIỆT	CD09TH



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00537

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Hệ thống thông tin địa lý - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

37	08130102	NGUYỄN XUÂN	TUẤN	DH08DT
38	08130128	PHẠM QUỐC	VINH	DH08DT
39	08130129	TRẦN ANH	VŨ	DH08DT
40	09130006	NGUYỄN HOÀNG	CHƯƠNG	DH09DT
41	09130022	NGUYỄN THANH	HẢI	DH09DT
42	09130023	NGUYỄN VĂN	HẬU	DH09DT
43	09130035	TRẦN NGUYỄN THÁI	KHANG	DH09DT
44	09130115	ĐÀO THỊ NGỌC	LAN	DH09DT
45	09130042	BÙI MINH	LỘC	DH09DT
46	09130074	NGUYỄN THẾ	TÀI	DH09DT
47	09130099	NGUYỄN TUẤN	VĂN	DH09DT
48	09130100	LÊ THỊ TUYẾT	VÂN	DH09DT
49	09130103	HỒ XUÂN ANH	VŨ	DH09DT
50	10130009	DƯƠNG KIM	CHÂU	DH10DT
51	10130012	NGUYỄN VIỆT	CƯƠNG	DH10DT
52	10130115	ĐỖ THỊ THÚY	DIỄM	DH10DT
53	10130022	ĐOÀN MINH	HIẾU	DH10DT
54	10130106	LIÊNG HÓT	KHER	DH10DT

55	10130103	VÕ NGỌC OANH	KIỀU	DH10DT
56	10130077	PHẠM TUẤN	THANH	DH10DT
57	10130140	VÕ TẤN	TOÀN	DH10DT
58	10130101	TRẦN THỊ	VƯƠNG	DH10DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập dạng 00538

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : Chuyên đề hệ thống thông tin - 01

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	09329061	MAI VĂN	NGUYỄN	CD09TH
2	08130002	TRẦN THỊ	BÉ	DH08DT
3	08130014	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	DH08DT
4	07130029	TÔ XUÂN	HẢI	DH08DT
5	08130025	TRIỆU LONG	HẢI	DH08DT
6	08130041	NGUYỄN DUY	KHÁNH	DH08DT
7	08130043	NGUYỄN ANH	KHOA	DH08DT
8	07130070	PHẠM MINH	LUÂN	DH08DT
9	08130059	NGUYỄN THỊ	NHUNG	DH08DT
10	08130061	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	DH08DT
11	08130067	TRẦN THỊ KIM	PHỤNG	DH08DT
12	08130068	MAI ANH	PHƯƠNG	DH08DT
13	08130087	NGUYỄN	THÔNG	DH08DT
14	08130099	BÙI MINH	TUẤN	DH08DT
15	08130103	VŨ ĐÌNH	TUẤN	DH08DT
16	08130128	PHẠM QUỐC	VINH	DH08DT
17	06130098	CAO ANH	VŨ	DH08DT

37	08130088	PHẠM DUY	THÔNG	DH08DT
38	07130121	NGUYỄN ĐỨC	THUẬN	DH08DT
39	08130090	NGUYỄN THỊ	TIỀM	DH08DT
40	08130089	PHẠM KIM	TIỀN	DH08DT
41	08130098	NGUYỄN ĐỨC	TUÂN	DH08DT
42	08130100	LÊ HOÀNG ĐÌNH	TUẤN	DH08DT
43	08130126	NGUYỄN THỊ BẠCH	VÂN	DH08DT
44	06130098	CAO ANH	VŨ	DH08DT



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhập danh 00224

Trang 1/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn học : ĐACN Hệ thống thông tin - 02

CBGD: Trần Lê Như Quỳnh (T800)

1	08167020	NGUYỄN	TRÍ	CD08TH
2	09329002	CAO THỊ TRƯỜNG	AN	CD09TH
3	09329009	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	CD09TH
4	09344006	NGUYỄN ĐẶNG THÚY	HẰNG	CD09TH
5	09329106	LƯU PHƯỚC	HIỀN	CD09TH
6	09329032	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	CD09TH
7	09329039	LƯƠNG NGUYỄN	KHANH	CD09TH
8	09329107	LÊ ĐÌNH	LUÂN	CD09TH
9	09329052	TRẦN CÔNG	LUẬT	CD09TH
10	09329061	MAI VĂN	NGUYỄN	CD09TH
11	09329066	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	CD09TH
12	09329067	NGUYỄN TRẦN NAM	PHƯƠNG	CD09TH
13	09329070	PHẠM LÊ	QUANG	CD09TH
14	09329073	BỒ MINH	SANG	CD09TH
15	09344021	NGUYỄN THẾ	TÀI	CD09TH
16	09329088	LƯƠNG HẢO	TIỀN	CD09TH
17	09329093	LÊ ANH	TUẤN	CD09TH
18	09344027	HUYỀN NGỌC	VI	CD09TH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhậ n dậ ng 00224

Trang 3/3

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Mô n Hợ c : ĐACN Hệ thố ng thô ng tin - 02

CBGD: Trầ n Lê Như Quỳnh (T800)

37	10130094	LÊ QUANG	TOẠI	DH10DT
----	----------	----------	------	--------